*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**VỢ CHỒNG A PHỦ**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Hiểu được nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ánh sáng thống trị của phong kiến và thực dân. Vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng mãnh liệt và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào vùng cao.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực; miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế; lối kể chuyện hấp dẫn ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945 - 1954)

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945 - 1954)

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945 - 1954)

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nhân vật trong truyện và truyện cùng chủ đề;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi mảnh ghép. HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  + **GV tổ chức trò chơi mảnh ghép:** GV cho HS lật mở từng bức tranh (có 4 mảnh ghép)  - Học sinh: Trả lời đề mở mảnh ghép. (Nội dung câu hỏi – đáp án trên slide powerpoint)  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong bài thơ Tiếng hát con tàu, nhà thơ Chế Lan Viên có viết “Tậy Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ”.*Vâng. Tây Bắc là nguồn cảm hứng vô tận để các nhà thơ, nhà văn tìm đến và sáng tác. Một trong những nhà văn sau cách mạng có duyên nợ sâu nặng với mảnh đất này chính là Tô Hoài. Với Truyện Tây bắc, ông đã đưa ta về nơi “máu rỏ tâm hồn ta thấm đất”, nơi mà nhận vật Mị và A Phủ đã sống những ngày tăm tối nhất dưới ách thống trị của bọn chúa đất miền núi. Và họ đã vùng lên đấu tranh, đi theo cách mạng… | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  **-**Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài? Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của Tô Hoài ?  - Hãy nêu vài nét chung về tác phẩm?  + Hoàn cảnh sáng tác?  + Đề tài?  + Nội dung cơ bản?  + Bố cục?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả:***  **1. Tác giả**  - Ông là nhà văn lớn, có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại bằng con đường tự học.  - Viết theo xu hướng hiện thực thiên về diễn tả sự thật của đời thường. Ông hấp dẫn người đọc ở lối trần thuật của một người từng trải, hóm hỉnh, đôi lúc tinh quái những luôn sinh động nhờ vốn từ vựng…  - Có vốn hiểu biết sâu sắc, đặc biệt là những nét lạ trong phong tục, tập quán ở nhiều vùng khác nhau của đất nước và trên thế giới.  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Dế Mèn phiêu  lưu  ký  (1941), O chuột (1942),Truyện Tây Bắc (1953)…  **2.Tác phẩm**  - Hoàn cảnh sáng tác: 1952 trong chuyến đi thực tế ở Tây Bắc.  - Đề tài: viết về người nông dân miền núi.  - Nội dung:Cuộc sống của người dân miền núi dưới ách thống trị của chế độ phong kiến  và sự thức tỉnh của họ trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng và góp phần giải phóng quê hương.  - Kết cấu: có 3 phần  + Phần 1: Kể về Mị và cảnh sống của Mị  + Phần 2: Kể về A Phủ ( đánh A Sử, xử kiện )  + Phần 3: Mị cứu A Phủ, cùng chạy trốn đến Phiềng Sa. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu nhân vật Mị**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được cuộc sống thống khổ của nhân vật Mị  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nắm rõ nhân vật Mị  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV chia lớp thành 4 nhóm lớn và thực hiện nhiệm vụ:*  - Nhóm 1: Mị trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra  - Nhóm 2: Mị sau khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra  - Nhóm 3: Tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân  - Nhóm 4: Tâm trạng và hành động của Mị khi chứng kiến A Phủ bị trói.  **+ GV:** Đọc đoạn văn giới thiệu sự xuất hiện của nhân vật Mị.  Qua sự xuất hiện của Mị, em cảm nhận ban đầu như thế nào về Mị?  **+ GV:** Nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của Tô Hoài  - **Nhóm 1 thuyết trình :**  - Cần làm rõ:  **+** Trước khi làm dâu cho nhà thống lí Pá Tra, Mị là cô gái có gì đặc biệt?  **+** Tìm chi tiết Mị rất đẹp, rất tài hoa, rất tự trọng.   * **Nhóm 2 thuyết trình** * **Cần làm rõ:**   **+** Vì sao Mị về làm dâu nhà thống lí Pá Tra?  **+** Ban đầu,Mị có những phản kháng gì?  **+**Vì sao bố Mị đã qua đời mà Mị không ăn lá ngón tự tử?  **+**Đọc đoạn văn thể hiện nổi cực khổ của Mị?  + Đọc đoạn văn thể hiện nỗi đau về tinh thần của Mị.  - Những chi tiết trên giúp ta hiểu gì về đời sống tinh thần của Mị?   * **Nhóm 3 thuyết trình** * Cần làm rõ:   **+** Đọc đoạn văn miêu tả cảnh mùa xuân.  **+** Cảnh thiên nhiên vào xuân có ảnh hưởng gì đến nhân vật Mị?  **+** Tâm trạng Mị lúc uống rượu trong đêm mùa xuân như thế nào? Nhận xét về điều đó?  **+** Tâm trạng Mị lúc nghe tiếng sáo gọi bạn đêm tình mùa xuân? Bình luận?  **+** Lúc đó, Mị có ý nghĩ gì?  - Vì sao Mị lại có ý nghĩ như vây?  **+** Tiếng sáo có ý nghĩa gì?  **+** Những sục sôi trong tâm hồn đã thôi thúc Mị có những hành động gì?  - Vì sao?  **+** Tâm trạng Mị khi bị A Sử trói đứng trong đêm mùa xuân diễn biến như thế nào? Bình luận?   * **Nhóm 4 thuyết trình** * Cần làm rõ:   **+** Đọc đoạn văn thể hiện tâm trạng Mị lúc thấy A Phủ trói đứng trong đêm.  - Tại sao lúc đầu Mị lại có thái độ như vậy?  **+** Nguyên nhân nào đã khiến Mị có hành động cắt dây trói cho A Phủ?  **+**Vì sao Mị chạy cùng A Phủ?  **+**Giá trị nhân đạo được thể hiện nhân vật Mị mà Tô Hoài muốn nêu lên là gì?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **1. Nhân vật Mị**  **a. Sự xuất hiện của Mị**  - Hình ảnh: Một cô con gái *“ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa”.*  🡪 Một cô gái lẻ loi, âm thầm như lẫn vào các vật vô tri vô giác: cái quay sợi, tàu ngựa, tảng đá  *- “Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi”*  🡪 Lúc nào cũng cúi đầu nhẫn nhục và luôn u buồn  => Cách giới thiệu nhân vật ấn tượng để dẫn dắt vào trình tìm hiểu số phận nhân vật.  **b. Bi kịch thân phận làm dâu gạt nợ**  **\* Trước khi làm dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra:**: Một cô con gái(\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  - Là cô gái trẻ đẹp, có tài thổi sáo: “*Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buông Mị”, “Mị thổi sáo giỏi, Mị uốn chiếc lá trên môi,thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”*  - Là cô gái ham làm, sẵn sàng lao động, không quản ngại khó khăn: “*Biết cuốc nương ngô, làm ngô trả nợ thay cho bố”*  - Là một cô gái yêu đời, yêu cuộc sống tự do, không ham giàu sang phú quý.  - Là người con hiếu thảo, tự trọng: *“Con nay đã biết cuốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu”*  **\* Khi về làm dâu nhà thống lí:**  - Nguyên nhân: Vì món nợ truyền kiếp bố mẹ vay gia đình nhà thống lí Pá Tra nên Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ  🡪 Mị là con nợ đồng thời cũng là con dâu nên số phận đã trói buộc Mị đến lúc tàn đời.  **- Lúc đầu**: Mị phản kháng quyết liệt.  + “*Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc”…*  + Mị tính chuyện ăn lá ngón để tìm sự giải thoát.  + Vì lòng hiếu thảo nên phải nén nỗi đau riêng, quay trở lại nhà thống lí.  *-* **Những ngày làm dâu:**  + Bị vắt kiệt sức lao động:  *“Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa màu thì giặt đay, xe đay, đến mùa thi đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi”*  *“Con ngựa con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày”*  🡪 Bị biến thành một thứ công cụ lao động, là nỗi cực nhục mà Mị phải chịu đựng.  + Chịu nỗi đau khổ về tinh thần: Bị giam cầm trong căn phòng *“kín mít,có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”*  🡪 Sống với trạng thái gần như đã chết.  - Thái độ của Mị:  *+ “Ở lâu trong cái khổ, Mị cũng quen rồi.”*  *+ “Bây giờ Mị tưởng mình cũng là con trâu, cũng là con ngựa … ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi”*  *+ “Mỗi ngày Mị không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa.”*  => Sống tăm tối, nhẫn nhục, đau khổ, tê liệt về tinh thần, buông xuôi theo số phận..  **c. Sức sống tiềm tàng của Mị**:  **\* Cảnh mùa xuân:**  *-* Mùa xuân vui tươi, tràn đầy sức sống, nhiều màu sắc: *“Hồng Ngài năm ấy ăn tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét tất dữ dội. Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như những con bướm sặc sỡ”***;** *“Đám trẻ đợi tết, chơi quay cười ầm trên sân chơi trước nhà..”*  - Tiếng ai thổi sáo gọi bạn đi chơi: *Mị nghe tiếng sáo gọi bạn “vọng lại thiết tha, bổi hổi”. :*  *“Mày có con trai con gái rồi. Mày đi làm nương*  *Tao không có con trai con gái...Tao đi tìm người yêu”*  - Mị ngồi nhẩm bài hát của người đang thổi  *=>* Mùa xuân về ở Hồng Ngài đã có nhiều tác động tích cực đối với cuộc đời tăm tối và giá lạnh của Mị.  **\* Tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân:**  **- Lúc uống rượu đón xuân:**  *- “Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát”*  🡪 Mị như đang uống cái đắng cay của phần đời đã qua, uống cái khao khát của phần đời chưa tới. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say nhưng tâm hồn đã tỉnh lại sau bao ngày câm nín, mụ mị vì bị đày đọa.  - **Khi nghe tiếng sáo gọi bạn:**  + Nhớ lại những kỉ niệm ngọt ngào của quá khứ: thổi sáo, thổi lá giỏi, *“có biết bao người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”*  *“… Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước… Mị muốn đi chơi…”*  + Mị có ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực: muốn tự tử.  *“Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại chỉ thấy nước mắt ứa ra”*  🡪 Mị đã ý thức được tình cảnh đau xót của mình.  + Trong đầu Mị vẫn đang rập rờn tiếng sáo:  *“Anh ném Pao, em không bắt*  *Em không yêu quả Pao rơi rồi”.*  🡪 Tiếng sáo biểu tượng cho khát vọng tình yêu tự do đã thổi bùng lên ngọn lửa tâm hồn Mị  + Những sục sôi trong tâm hồn đã thôi thúc Mị có những hành động:   * “*lấy ống mỡ xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa dầu”*   🡪 Mị muốn thắp sáng lên căn phòng vốn bấy lâu chỉ là bóng tối, thắp ánh sáng cho cuộc đời tăm tối của mình.   * *“quấn lại tóc, với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách”*   🡪 Mị muốn được đi chơi xuân, quên hẳn sự có mặt của A Sử.  **- Khi bị A Sử trói đứng:**  *+ “Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượi còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi...”*  🡪 Quên hẳn mình đang bị trói, vẫn thả hồn theo những cuộc chơi, những tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết bên tai.  *+ “Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được...”*  🡪 Khát vọng đi chơi xuân đã bị chặn đứng.  *+ “Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.... Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ .... Mị lúc mê lúc tỉnh…”*  🡪 Tô Hoài đặt sự hồi sinh của Mị vào tình huống bi kịch: khát vọng mãnh liệt – hiện thực phũ phàng, khiến cho sức sống của Mị càng thêm mãnh liệt.  => Tư tưởng của nhà văn:  Sức sống của con người cho dù bị giẫm đạp, trói buộc nhưng vẫn luôn âm ỉ và có cơ hội là bùng lên.  **\* Tâm trạng và hành động của Mị khi thấy A Phủ bị trói đứng:**  - Lúc đầu, khi chứng kiến cảnh thấy A Phủ bị trói mấy ngày đêm: *“Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay”*  🡪 Dấu ấn của sự tê liệt tinh thần.  - Khi nhìn thấy *“một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại…”* của A Phủ: Mị thức tỉnh dần.  *+ “Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị”, “Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được”*  🡪 Nhớ lại mình, nhận ra mình và xót xa cho mình.  + Nhớ tới cảnh: Người đàn bà đời trước cũng bị trói đến chết.  🡪 Thương người, thương mình.  + Nhận thức được tội ác của nhà thống lí: *“Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Chúng nó thật độc ác...”*  + Thương cảm cho A Phủ: *“Cơ chừng chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét”*  🡪 Từ lạnh lùng thương cảm, dần dần Mị nhận ra nỗi đau khổ của mình và của người khác.  + Mị lo sợ hốt hoảng, tưởng tượng khi A Phủ đã trốn được: *“lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy”*  🡪 Nỗi sợ như tiếp thêm sức mạnh cho Mị đi đến hành động.  - Liều lĩnh hành động: cắt dây mây cứu A Phủ *“Mị rón rén bước lại… Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây…”*  🡪 Hành động bất ngờ nhưng hợp lí: Mị dám hi sinh vì cha mẹ, dám ăn lá ngón tự tử nên cũng dám cứu người.  *+ “Mị đứng lặng trong bóng tối. Rồi Mị cũng vụt chạy ra”*  🡪 Là hành động tất yếu: Đó là con đường giải thoát duy nhất, cứu người cũng là tự cứu mình.  **=>** Tài năng của nhà văn trong miêu tả tâm lí nhân vật: Diễn biến tâm lí tinh tế được miêu tả từ nội tâm đến hành động.  **=>** Giá trị nhân đạo sâu sắc:  + Khi sức sống tiềm tàng trong con người được hồi sinh thì nó là ngọn lửa không thể dập tắt.  + Nó tất yếu chuyển thành hành động phản kháng táo bạo, chống lại mọi sự chà đạp, lăng nhục để cứu cuộc đời mình. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu nhân vật A Phủ**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được cuộc sống thống khổ của nhân vật Mị  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nắm rõ nhân vật A Phủ  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **+ GV:** Vì sao nói A Phủ là nhân vật có số phận đặc biệt?  **- HS** phát hiện, đánh giá  **+ GV:** Nhân vật A Phủ có những tính cách đặc biệt nào? Đọc đoạn văn miêu tả cảnh A Phủ đánh A Sử?  **+ GV:** Khi trở thành người làm công gạt nợ, tính cách của A Phủ như thế nào? Có thay đổi so với trước kia hay không?  **+ GV:** Tính cách của A Phủ còn được bộc lộ ở những chi tiết nào?  **- HS** phát hiện, đánh giá  **+ GV:** Nhận xét về nghệ thuật thể hiện nhân vật A Phủ của Tô Hoài?  **- HS** phát hiện, đánh giá | **2. Nhân vật A Phủ:**  **a. Số phận đặc biệt của A Phủ:**  - Từ nhỏ mồ côi cha mẹ, không người thân thích, sống sót qua nạn dịch  - Làm thuê, làm mướn, nghèo đến nỗi không thể lấy được vợ  - 10 tuổi bị bắt đem bán đổi lấy thóc của người Thái, sau đó trốn thoát và lưu lạc đến Hồng Ngài.  - Trở thành chàng trai khỏe mạnh, tháo vát, thông minh:*“chạy nhanh như ngựa”, “biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo”*  - Nhiều cô gái mơ ước được lấy A Phủ làm chồng: *“Đứa nào được A Phủ cúng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu”*  - Nhưng A phủ vẫn rất nghèo, không lấy nổi vợ vì phép làng và tục lệ cưới xin ngặt nghèo.  **b. Tính cách đặc biệt của A Phủ :**  **-** Gan góc từ bé: “*A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp, A Phủ trốn lên núi, lạc đến Hồng Ngài”*  - Lớn lên: dám đánh con quan, sẵn sàng trừng trị kẻ ác: *“chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử .... Nó vừa kịp bưng tay lên. A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp”*  🡪 Hàng loạt các động từ cho thấy sức mạnh và tính cách của A Phủ, không quan tâm đến hậu quả sẽ xảy ra.  - Khi trở thành người làm công gạt nợ:  + A Phủ vẫn là con người tự do: *“bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng”*, làm tất cả mọi thứ như trước đây.  + Không sợ cường quyền, kẻ ác:   * Để mất bò, điềm nhiên vác nửa con bò hổ ăn dở về và nói chuyện đi bắt hổ một cách thản nhiên, điềm nhiên cãi lại thống lí Pá Tra. * Lẳng lặng đi lấy cọc và dây mây để người ta trói đứng mình.   🡪 Không sợ cái uy của bất cứ ai, không sợ cả cái chết.  - Bị trói vào cột, A Phủ nhai đứt hai vòng dây mây định trốn thoát  🡪 Tinh thần phản kháng là cơ sở cho việc giác ngộ Cách mạng nhanh chóng sau này.  🡺 Nghệ thuật xây dựng nhân vật rất đặc trưng:  - Nét khác nhau giữa hai nhân vật:  + Mị: được khắc họa với sức sống tiềm tàng bên trong tâm hồn.  + A Phủ: được nhìn từ bên ngoài, tính cách được bộc lộ ở hành động, vẻ đẹp hiện lên qua sự gan góc, táo bạo, mạnh mẽ.  - Nét giống nhau:  + Tính cách của những người dân lao động miền núi   * Mị: Bề ngoài lặng lẽ, âm thầm, nhẫn nhục nhưng bên trong luôn sôi nổi, ham sống, khao khát tự do và hạnh phúc. * A Phủ: Táo bạo, gan góc mà chất phác, tự tin.   + Cả hai: là nạn nhân của bọn chúa đất, quan lại tàn bạo nhưng trong họ tiềm ẩn sức mạnh phản kháng mãnh liệt. | |
| **Hoạt động 4:**Khái quát giá trị tác phẩm  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dug, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **GV:** Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?  **- HS** phát hiện, đánh giá | **III. Tổng kết**   1. **Nội dung:** 2. *Giá trị hiện thực*   - Miêu tả chân thực số phận nô lệ cực khổ của người lao động nghèo Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn cường quyền phong kiến miền núi.  - Truyện cho thấy bản chất tàn bạo của giai cấp phong kiến thống trị ở miền núi.  *b*. *Giá trị nhân đạo*  - Thể hiện tình yêu thương, sự đổng cảm sâu sắc của tác giả với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mạng  - Trân trọng và ngợi ca và thể hiện niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt, khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc;…  - Tố cáo, lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai thống trị  **2. Nghệ thuật:**  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc.  - Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.  - Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi.  - Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ… | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện:**  *- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:* Qua tác phẩm Vợ chồng A Phủ em nhận thấy Mị là người như thế nào? Vì sao?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  *- GV giao nhiệm vụ:* Sưu tầm tài liệu, hình ảnh về về Tô Hoài và tác phẩm "Vợ chồng A Phủ".  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\*Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:** Sơ đồ tư duybài học.

**- Dặn dò:** Soạn bài **“PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VĂN HỌC** **LUYỆN TẬP PHÂN TÍCH NHÂN VẬT”**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VĂN HỌC**

**LUYỆN TẬP PHÂN TÍCH NHÂN VẬT**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Thế nào là nhân vật văn học

- Cách phân tích nhân vật văn học

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự học qua việc soạn bài ở nhà.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để phát biểu vấn đề

- Năng lực hợp tác trao đổi thảo luận vấn đề.

 - Năng lực sáng tạo trình bày vấn đề mới

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Hs hoạt động nhóm, phân tích nhân vật Chí Phèo, Mị, Tràng. Lập dàn ý theo định hướng khai thác dưới đây.  GV theo dõi hs trình bày, nhận xét, cho điểm/. |  |

Một nhân vật văn học thành công bao giờ cũng mang một tính cách, một số phận riêng. Vậy phân tích một nhân vật chính là làm sáng tỏ một tính cách, một số phận độc đáo. Những tính cách, số phận ấy bộc lộ qua các phương diện sau:

a) **Lai lịch** Là phương diện đầu tiên góp phần chi phối đặc điểm tính cách cùng cuộc đời nhân vật. Lai lịch có quan hệ khá trực tiếp và quan trọng với đường đời của một người (một nhân vật). Lai lịch gồm thành phần xuất thân, hoàn cảnh gia đình. Chí Phèo ngay từ khi được sinh ra đã bị vứt ra khỏi cuộc sống, đã là đứa trẻ hoang không biết bố mẹ, chẳng có cửa nhà. Hoàn cảnh xuất thân ấy đã góp phần tạo nên số phận cô độc thê thảm của Chí. Vốn xuất thân từ tầng lớp trên, quen hưởng cuộc sống giàu sang, lại ít có dịp gần gũi với quần chúng lao động nên văn sĩ Hoàng (Đôi mắt) dễ có cái nhìn khinh miệt về người dân quê kháng chiến... Tính cách, số phận nhân vật được lí giải một phần bởi thành phần xuất thân, hoàn cảnh gia đình và điều kiện sinh hoạt...

 b) **Ngoại hình** : Trong văn học, miêu tả ngoại hình chính là một biện pháp của nhà văn nhằm hé mở tính cách nhân vật. Phần lớn, đặc điểm tính cách, chiều sâu nội tâm (cái bên trong) của nhân vật được thống nhất với ngoại hình (vẻ bề ngoài). Một nhà văn có tài thường chỉ qua một số nét khắc hoạ chấm phá có thể giúp người đọc hình dung ra diện mạo, tư thế cùng bản chất của nhân vật nào đó. Miêu tả nhân vật văn sĩ Hoàng, Nam Cao chỉ vài nét phác họa dáng người béo, bước đi khệnh khạng, vừa đi vừa như bơi hai cánh tay ra hai bên vì những khối thịt ở dưới nách kềnh ra, bàn tay múp míp, bộ mặt đầy đặn và trên mép một cái vành móng ngựa ria trông như một chiếc bàn chải nhỏ... Chừng ấy chi tiết cũng đủ giúp người đọc hình dung rõ một con người kiểu cách, trưởng giả, một lối sống sung túc dư thừa giữa lúc nhân dân đang gian khổ kháng chiến. Trong phân tích nhân vật, cần qua các chi tiết ngoại hình mà đi sâu vào nội tâm, vào bản chất của nhân vật.

c) **Ngôn ngữ** Ngôn ngữ của nhân vật trong tác phẩm văn học được cá thể hoá cao độ, nghĩa là mang đậm dấu ấn của một cá nhân. Nhân vật cụ cố Hồng trong tiểu thuyết Số đỏ của Vũ Trọng Phụng hễ cứ mở miệng ra là gắt: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!”. Trở thành “nhà cải cách thẩm mỹ”, “đốc-tờ Xuân”, “giáo sư quần vợt”, “cố vấn báo Gõ mõ"... được cả xã hội thượng lưu thành thị trọng vọng, Xuân Tóc Đỏ vấn đầu cửa miệng mấy chữ “mẹ kiếp”, “nước mẹ gì”. Chứng tỏ tính chất lưu manh, vô học của y. Nhân vật Đào (Mùa lạc) thường có lối nói ví von bóng bẩy của ca dao, tục ngữ, chứng tỏ người phụ nữ xuất thân từ tầng lớp nông dân có học và từng trải. Nhưng mặt khác, đằng sau những câu đối đáp sắc sảo, đanh đá của những ngày đầu lên Điện Biên, chúng ta dễ nhận ra vẻ ngậm ngùi, chua chát cho thân phận éo le của Đào.

d) **Nội tâm** Khi phân tích nhân vật cần quan tâm đến thế giới bên trong với những cảm giác, cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ... Một nghệ sĩ tài năng bao giờ cũng là một bậc thầy trong việc nắm bắt và diễn tả tâm lí con người. Miêu tả chân thực, tinh tế đời sống nội tâm nhân vật là chỗ thử thách tài nghệ nhà văn và cảm nhận, phân tích được một cách thuyết phục. Đây cũng là nơi chứng tỏ năng lực của người phân tích tác phẩm. Ở truyện ngắn Vợ chồng A Phủ, hay nhất có lẽ là những trang Tô Hoài diễn tả sự trỗi dậy từng bước của sức sống tiềm tàng trong lòng Mị, quá trình hồi sinh của tâm hồn của Mị trong đêm mùa xuân nghe tiếng sáo gọi bạn tình. Sự hồi sinh này biểu hiện qua diễn biến tâm trạng, qua các cử chỉ, hành động. Nhìn mọi người trong nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma đang tụ tập quanh bếp lửa khua chiêng, nhảy múa và uống rượu, Mị nghĩ: “Ngày Tết, Mị cũng uống rượu”. Cô lén lấy cái hũ rượu, cứ uống ừng ực từng bát... hành động uống rượu ấy là gì nếu không phải là biểu hiện của ý thức về quyền làm người, quyền bình đẳng đang trỗi dậy. Cuộc đời đối với người con dâu gạt nợ như một đêm dài. Nhưng giờ đây, có lẽ Mị không còn chịu nổi bóng tối đang vây bọc quanh mình nữa. Thắp sáng thêm đĩa đèn hay là Mị đang muốn thắp sáng lại cuộc đời mình? Hành động đó chứng tỏ sóng cuộn trong chiều sâu tâm trạng từ khi nghe tiếng sáo gọi bạn yêu lấp ló ngoài đầu núi, lửng lơ bay ngoài đường...

e) Hành động Bản chất con người ta bộc lộ chân sát, đầy đủ nhất qua cử chỉ, hành động. Phân tích nhân vật, vì thế, cần tập trung khai thác kỹ các cử chỉ, hành động. Nam Cao đã dựng lên trước mắt ta một Chí Phèo bằng xương bằng thịt với tính cách điên khùng, uất ức, với số phận cô độc và bi thảm không thể lẫn với bất kì một ai khác: Chí Phèo từ bộ mặt đầy những vằn ngang vạch dọc, dáng đi ngật ngưỡng đến cách chửi, từ kiểu rạch mặt ăn vạ, kiểu uống rượu đến lối làm tình với Thị Nở, từ hành động xách dao đi trả thù đến cách đâm chết Bá Kiến rồi tự kết liễu đời mình... Khi điển hình hoá nhân vật, nhà văn thường lựa chọn cho nhân vật những hành động độc đáo, gây ấn tượng sâu đậm đối với người đọc.

\* **Một số điểm lưu ý** - Không phải bất cứ nhân vật nào cũng được nhà văn thể hiện đẩy đủ các phương diện như: lai lịch, ngoại hình, ngôn ngữ, nội tâm, cử chỉ, hành động. Có chỗ nhiều, chỗ ít, chỗ đậm, chỗ nhạt. Cũng không cứ phải tuần tự theo năm phương diện như thế mà nên sắp xếp theo thực tế từng nhân vật ở từng truyện kể cho bài làm văn hấp dẫn. - Có thể xem năm phương diện đã nêu đều là sự cụ thể hoá, hiện thực hoá của tính cách, số phận nhân vật. Nói cách khác, phân tích những phương diện ấy chính là để khái quát lên tính cách, số phận. - Nắm vững năm phương diện cơ bản khi phân tích nhân vật chính là điều có ý nghĩa định hướng cho việc đọc tác phẩm tự sự. Đọc tác phẩm tự sự phải hiểu được, nhớ được nội dung phản ánh của tác phẩm và mối quan hệ giữa các nhân vật, nắm được tính cách, số phận của các nhân vật chính. Để có căn cứ phân tích, để có chất liệu làm bài, khi đọc tác phẩm cần ghi nhớ các chi tiết, các hình ảnh về từng phương diện ở nhân vật.

**\*Hướng dẫn về nhà:**

- **Củng cố :**Nhận xét chung giờ luyện tập.

**- Dặn dò:**  *Soạn bài* **VỢ NHẶT***Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**VỢ NHẶT**

**(Kim Lân)**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Tình cảnh sống thê thảm của người nông dân trong nạn đói 1945 và niềm khao khát hạnh phúc gia đình, niềm tin vào cuộc sống, tình yêu thương đùm bọc giữa những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Kim Lân

- Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945-1975.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công nội dung, nghệ thuật truyện Vợ nhặt .

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các nhân vật trong truyện, các nhân vật có cùng đề tài với các tác giả khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *Kim Lân*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên chỉ trong vài tháng đầu năm 1945, từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói. Nhà văn Kim Lân đã kể với ta một câu chuyện bi hài đã diễn ra trong bối cảnh ấy bằng một truyện ngắn rất xúc động-truyện Vợ nhặt.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  **-**Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà văn Kim Lân? Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân ?  - Hãy nêu vài nét chung về tác phẩm?  + Hoàn cảnh sáng tác?  + Đề tài?  + Nội dung cơ bản?  + Bố cục?  *+ GV sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh để giới thiệu cho HS hiểu thêm về bối cảnh xã hội Việt Nam năm 1945, nhất là nạn đói.*  - Dựa vào nội dung truyện, hãy giải thích nhan đề Vợ nhặt?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả:***  **1. Tác giả**  -Tên khai sinh: Nguyễn Văn Tài.  -Quê: làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.  -Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2001.  -Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng* (1955), *Con chó xấu xí* (1962).  -Kim Lân là cây bút truyện ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn hình tượng người nông dân. Đặc biệt ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống thôn quê. Kim Lân là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất"với "người"với "thuần hậu nguyên thuỷ" của cuộc sống nông thôn.  **2.Tác phẩm**  - Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên tháng 3 năm 1945 nạn đói khủng khiếp đã xảy ra. Chỉ trong vòng vài tháng, từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.  -Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc in trong tập truyện *Con chó xấu xí* (1962). TP được viết dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết *Xóm ngụ cư.*  - Kết cấu: có 3 phần |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu tình huông truyện**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được tình huống truyện.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV đặt câu hỏi:*Nhà văn đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? Tình huống đó có những ý nghĩa gì?  *Giáo viên gợi ý, nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.*  **Mẫu phiếu học tập**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Ngạc nhiên** | Anh Tràng nhặt được vợ | **Lo lắng** | | Trẻ con |  |  | | Những người dân |  |  | | Bà cụ Tứ |  |  | | Anh Tràng |  |  |   **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Tình huống truyện**  + Tràng là một nhân vật có ngoại hình xấu. Đã thế còn dở người. Gia cảnh của Tràng cũng rất ái ngại. Nguy cơ "ế vợ" đã rõ. Đã vậy lại gặp năm đói khủng khiếp, cái chết luôn luôn đeo bám. Trong lúc không một ai (kể cả Tràng) nghĩ đến chuyện vợ con của anh ta thì đột nhiên Tràng có vợ. Trong hoàn cảnh đó, Tràng "nhặt" được vợ là nhặt thêm một miệng ăn cũng đồng thời là nhặt thêm tai họa cho mình, đẩy mình đến gần hơn với cái chết. Vì vậy, việc Tràng có vợ là một nghịch cảnh éo le, vui buồn lẫn lộn, cười ra nước mắt.  + Dân xóm ngụ cư ngạc nhiên.  + Bà cụ Tứ, mẹ Tràng lại càng ngạc nhiên hơn.  + Bản thân Tràng cũng bất ngờ với chính hạnh phúc của mình  + Tình huống truyện mà Kim Lân xây dựng vừa bất ngờ lại vừa hợp lí. Qua đó, tác phẩm thể hiện rõ giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu nhân vật Tràng**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm về tính cách, diễn biến tâm trạng nhân vật Tràng.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV tổ chức thảo luận nhóm:**  - Chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập và cùng thảo luận một nội dung : *Cảm nhận của anh (chị) về diễn biến tâm trạng của nhân vật Tràng (lúc quyết định để người đàn bà theo về, trên đường về xóm ngụ cư, buổi sáng đầu tiên có vợ).*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung ( nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày)  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **-**Tràng là nhân vật có bề ngoài thô, xấu, thân phận lại nghèo hèn, mắc tật hay vừa đi vừa nói một mình, là dân ngụ cư- lớp người bị xã hội khinh nhất (trong quan niệm lúc bấy giờ), lại đang sống trong những ngày tháng đói khát nhất nạn đói 1945.  - Nhưng ở Tràng lại là con người tốt bụng và cởi mở: giữa lúc đói khát nhất- bản thân mình cũng đang cận kề với cái đói cái chết. vậy mà Trang sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ ăn 4 bát bánh đúc.  Chi sau hai lần gặp gỡ và cho ăn 4 bát bánh đúc, vài  câu nói nửa đùa nửa thật(…),  + Câu *“nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”* đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình  =>người đàn bà xa lạ đã đồng ý theo Tràng về làm vợ.  + Lúc đầu Tràng cũng cảm thấy lo lắng “chợn nghĩ”: Thóc…đèo bòng”.  + Sau đó Tràng đã   "Chậc, kệ" và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà.  + Trang dẫn thị ra quán ăn một bữa no rồi cùng về.  + Tràng đã mua cho thị cái thúng-ra dáng một người phụ nữ dã có chông và cùng chồng đi chợ về.  + Chàng còn bỏ tiền mua 2 hao dầu thắp sáng trong đêm tân hôn.  Tràng không cúi xuống lầm lũi như mọi ngày mà *"phởn phơ", "vênh vênh ra điều".*Trong phút chốc, Tràng quên tất cả tăm tối *"chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên"* và cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới.  - Khi về tới nhà: Tràng cảm thấy lúng túng, chưa tin vào sự thật mình đã có vợ=> đó là niềm hạnh phúc.  - Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng như người ở trong giấc mơ đi ra. …   - Khi nhìn thấy mẹ và vợ quét dọn nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hắn thấy hắn nên người.  - Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này.  - Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy dủ (hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp).=> thể hiện niềm tin vào cuộc sống! | **2.  Nhân vật Tràng:**  **a. Là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở** (giữa lúc đói, anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ),  **b. Ở Tràng  luôn khát khao hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc**. Câu *“nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”* đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà.  **-Tràng "nhặt" được vợ trong hoàn cảnh éo le**  **- Con người có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình:**  **-  Trên đường đưa vợ về xóm ngụ cư**,  +cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới.  + Khi về tới nhà:…  **c. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ:**  -Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng  -Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hắn thấy hắn nên người.  -Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này  -Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy dủ  **\* Nhận xét về nhân vật Tràng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề:…** | |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu nhân vật người vợ nhặt**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm về tính cách, diễn biến tâm trạng nhân vật người vợ nhặt.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi:  Cảm nhận của anh (chị) về người vợ nhặt (tư thế, bước đi, tiếng nói, tâm trạng,…). Cụ thể:       Cảm nhận của em về nhân vật người đàn bà vợ nhặt này qua 3 giai đoạn:  *− Ở ngoài chợ: Vì sao thị nhanh chóng quyết định theo không Tràng?*  *− Trên đường về nhà cùng Tràng. Vì sao thị nem nép, thị khó chịu? Thị cố nén tiếng thở dài?*  *− Trong buổi sáng hôm sau, thị đã thể hiện minh qua những hành động và lời nói nào? So với đầu truyện, Thị có sự thay đổi như nhế nào? Ý nghĩa của sự thay đổi đó là gì?*  *− Vì sao tác giả không đặt tên cho nhân vật này?*  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.*  - Trên đường theo Tràng về nhà cái vẻ *"cong cớn"*biến mất, chỉ còn người phụ nữ xấu hổ, ngượng ngùng và cũng đầy nữ tính (đi sau Tràng ba bốn bước, cái nón rách che nghiêng, ngồi mớm ở mép giường,…).  - Khi về tới nhà, thị ngồi mớm ở mép giường và tay ôm khư khư cái thúng. Tâm trạng lo âu, băn khoăn, hồi hộp khi bước chân về *"làm dâu nhà người".*  - Đặc biệt trong buổi sáng hôm sau: “Thị” là một con người hoàn toàn khác khi trở thành người vợ trong gia đình.  (chi ta dậy sớm, quét tước, dọn dẹp. Đó là hình ảnh của một người vợ biết lo toan, chu vén cho cuộc sống gia đình, hình ảnh của một người *"vợ hiền dâu thảo".)*     Chính chị cũng làm cho niềm hy vọng của mọi người trỗi dậy khi kể chuyện ở Bắc Giang, Thái Nguyên người ta đi phá kho thóc Nhật.  => Đó là vẻ đẹp khuất lấp của người phụ nữ này đã bị hoàn cảnh xô đẩy che lấp đi. | **3. Người vợ nhặt:**  a. **Là nạn nhân của nạn đói**. Những xô đẩy dữ dội của hoàn cảnh đã khiến “thị” chao chát, thô tục và chấp nhận làm “vợ nhặt”.  Thị theo Tràng trước hết là vì miếng ăn (chạy trốn cái đói).  b. **Tuy nhiên, sâu thẳm trong con người này vẫn khao khát một mái ấm gia đình**  - Trên đường theo Tràng về nhà  - Khi về tới nhà  -   Đặc biệt trong buổi sáng hôm sau | |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu nhân vật bà cụ Tứ**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm về tính cách, diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi:  *Cảm nhận của anh (chị) về diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ-mẹ Tràng (lúc mới về, buổi sớm mai, bữa cơm đầu tiên)?*  *− Phân tích diễn biến tâm trạng của bà Tứ khi về đến nhà? Tác giả đã diễn tả diễn biến tâm lí của bà như thế nào?*  *-  Vì sao từ ngạc nhiên đến mừng, lo buồn tủi... lẫn lộn? Vì sao bà thấy thương ngay người đàn bà trẻ xa lạ?*  *- Bà là người nhiều tuổi nhất nhưng lại nghĩ như thế nào về tương lai?*  ***-****Trong bữa cơm đầu tiên bà cụ Tứ nói những chuyện gì? Qua đó cho ta có cảm nhận gì về suy nghĩ của người mẹ nghèo này?*  *-**Em có nhận xét gì về bà cụ Tứ?*  *- Câu nói nào của bà cụ làm em cảm động nhất? Vì sao?*  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.*  - Tâm trang ngạc nhiên khi thấy người đàn bà xa lạ ngồi ngay đầu giường con trai mình, lại chào mình bằng u:  + Tâm trạng ngạc nhiên ấy được thể hiện qua động tác đứng sững lại của bà cụ.  + Qua hàng loạt các câu hỏi: (…)  - Khi hiểu ra cơ sự: từ tâm trạng ngạc nhiên đến ai oán, xót thương, tủi phận:  + Thương cho con trai vì phải nhờ vào nạn đói mà mới có được vợ.  + Ai oán cho thân phận không lo được cho con mình.  + Những giọt nước mắt của người mẹ nghèo và những suy nghĩ của bà là biểu hiện của tình thương con.  - Bà không chỉ hiểu mình mà còn hiểu người:  + Có gặp bước khó khăn này người ta mới lấy đến con mình và con mình mới có vợ.  + Dù có ai oán xót thương, cái đói đang đe dọa, cái chết đang cận kề, thì  bà nén vào lòng tất cả để dang tay đón người đàn bà xa lạ làm con dâu mình: *"Ừ, thôi thì các con cũng phải duyên phải số với nhau, u cũng mừng lòng".*   + Bà đã chủ động nói chuyên với nàng dâu mới để an ủi vỗ về và đọng viên.  Bà đọng viên con cái” ai giàu ba họ, ai khó ba đời” có ra thì con cái chúng mày về sau…  -Bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới, bà cụ Tứ đã nhen nhóm cho các con niềm tin, niềm hy vọng: *"Tao tính khi nào có tiền mua lấy con gà về nuôi, chả mấy mà có đàn gà cho xem".*  *Từ khi Tràng có vợ khuôn mặt bủng beo hàng ngày của bà đã không còn nữa…*    => Bà cụ Tứ là hiện thân của nỗi khổ con người Người mẹ ấy đã nhìn cuộc hôn nhân éo le của con thông qua toàn bộ nỗi đau khổ của cuộc đời bà. Bà lo lắng trước thực tế quá nghiệt ngã. Bà mừng một nỗi mừng sâu xa. Từ ngạc nhiên đến xót thương, nhưng trên hết vẫn là tình yêu thương. Cũng chính bà cụ là người nói nhiều nhất về tương lai, một tương lai rất cụ thể thiết thực với những gà, lợn, ruộng, vườn,…một tương lai khiến các con tin tưởng bởi nó không quá xa vời. Kim Lân đã khám phá ra một nét độc đáo khi để cho một bà cụ cập kề miệng lỗ nói nhiều với đôi trẻ về ngày mai. | **4. Bà cụ Tứ:**  **a. Một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con:**  - Tâm trang ngạc nhiên  - Khi hiểu ra cơ sự: từ tâm trạng ngạc nhiên đến ai oán, xót thương, tủi phận:  **b. Một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha:**  **c. Một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.**    **\* Tóm lại:**Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin và hi vọng vào tương lai tươi sáng và ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: *“dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai”.* | |
| **Hoạt động 6:**Khái quát giá trị tác phẩm  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dug, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi:  *Hãy nêu giá trị hiện thực và nhân đạo của truyện?*  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | **5. Giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc:**  **a. Hiện thực**: Phản ánh tình cảnh bi thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.  **b. Nhân đạo:**  - Sự đồng cảm, xót thương đối với số phận của những người nghèo khổ.  - Gián tiếp lên án tội ác dã man ciuar bọn TDP và phát xít Nhật.  - Thấu hiểu và trân trọng tấm lòng nhân hậu, niềm khao khát hạnh phúc rất con người, niềm tin vào cuộc sống, tương lai của những người lao động nghèo  - Dự cảm về sự đổi đời và tương lai tươi sáng cảu họ. | |
| **Hoạt động 7: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  *Anh (chị) hãy nhận xét về nghệ thuật viết truyện của Kim Lân (cách kể chuyện, cách dựng cảnh, đối thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ,…).*  *- Tp đã phản ánh được tình cảnh gì của người nông dân.?*  *- Nhà văn đã thể hiện tc, t/độ như thế nào đối với ng nông dân? Đối với bọn TDP và phát xít Nhật?*  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật.**  **a. Xây dựng được tình huống truyện độc đáo:**  **- Tình huống truyện:** Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề (bức tranh nạn đói) lại “nhặt” được vợ, có vợ theo.  **- Giá trị của tình huống:** Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật (người dân xóm ngụ cư, mẹ Tràng và ngay cả Tràng)  và thể hiện chủ đề của truyện.  b. Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.  c. Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.  c. Ngôn ngữ một mạc, giản dị nhưng chắt lọc và giàu sức gợi.  **2. Ý nghĩa văn bản:**            Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1A, 2D, 3A  **d) Tổ chức thực hiện:**  Câu hỏi 1: Nhân vật Tràng trong truyện không có thói quen nào sau đây? a. Vừa đi vừa tủm tỉm cười b. Vừa đi vừa nói. c.Vừa đi vừa lầu bầu chửi d. Vừa đi vừa than thở  Câu hỏi2: Chi tiết nào sau đây của Kim Lân không dùng để giới thiệu về gia cảnh của Tràng? a. Là người dân xóm ngụ cư. b. Sống với người mẹ già c. Ngôi nhà đứng rúm ró trên mảnh vườn lổn nhổn cỏ dại.  d. Gia tài duy nhất là mấy con gà gầy xơ xác..     Câu hỏi 3: Dòng nào sau đây chưa nói đúng về đặc điểm nghệ thuật của truyện "Vợ nhặt"? a. Ngôn ngữ truyện giàu màu sắc trào phúng. b. Tạo tình huống truyện độc đáo. c. cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, giàu biểu cảm.  d. Khắc hoạ được những nhân vật sinh động, giàu tâm trạng.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.  Câu 2 : Đoạn văn kể về những lời bàn tán của dân xóm ngụ cư khi nhân vật Tràng dẫn thị ( người vợ nhặt) về.  Câu 3: Câu văn sử dụng biện pháp tu từ đối lập : *khuôn mặt hốc hác u tối-rạng rỡ ; đói khát, tăm tối -lạ lùng và tươi mát* . Ý nghĩa nghệ thuật: Nhà văn khẳng định: chính khát vọng sống còn và khát vọng hạnh phúc trước mọi ý thức tuyệt vọng và tê liệt vì nạn đói, có tác dụng làm cho tâm hồn của người dân đói khổ, chết chóc đã rạng rỡ hẳn lên.  **d) Tổ chức thực hiện:**  *- GV giao nhiệm vụ:* *Nhìn theo bóng Tràng …………………………………….*  *Họ cùng nín lặng.*  (Trích*Vợ nhặt* – Kim Lân)  1. Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?  2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ?  3. Câu văn *Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dưng rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ* được sử dụng biện pháp tu từ gì? Ý nghĩa nghệ thuật biện pháp tu từ đó?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

* **Hướng dẫn học bài:**

**- Củng cố:**

+ Tóm tắt truyện và phân tích ý nghĩa nhan đề Vợ nhặt

+ Phân tích diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ.

+ Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

- **Dặn dò**: soạn bài **NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM,** **MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM,**

**MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết khái niệm về tác phẩm văn xuôi, các dạng đề.

- Đối tượng của bài làm văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi: tìm hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

- Cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi: giới thiệu khái quát về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi cần nghị luận; bàn về những giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi theo định hướng của đề bài đánh giá chung về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi đó.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn xuôi hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn xuôi hiện đại Việt Nam;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm, phong cách nghệ thuật giữa các tác phẩm văn xuôi có cùng đề tài;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV TỔ CHỨC TRÒ CHƠI Ô CHỮ về chủ đề truyện Vợ  nhặt để tạo không khí sôi động đầu giờ học.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  TRÒ CHƠI Ô CHỮ về chủ đề truyện Vợ  nhặt để tạo không khí sôi động đầu giờ học.  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Như vậy là chúng ta đã thực hiện xong việc tìm hiểu truyện Vợ nhặt của Kim Lân. Bước tiếp theo chúng ta sẽ thực hiện viết bài nghị luận về truyện ngắn này cũng như các tác phẩm văn xuôi đã học trong chương trình Ngữ văn 12. Vậy dạng bài Nghị luận về một đoạn trích , một tác phẩm văn xuôi sẽ đượcc thực hiệ nnhư thế nào?* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu cách viết bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.**  **Tìm hiểu đề 1**  **a) Mục tiêu:** hiểu được **cách viết bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi qua đề 1.**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV*GV tổ chức cho HS thực hiện các yêu cầu (SGK)  ***Đề 1: Phân tích truyện ngắn Tinh thần thể dục của Nguyễn Công Hoan.***  - GV nêu yêu cầu và gợi ý, hướng dẫn.  *? Từ nội dung đã đọc hiểu ở trên, em hãy làm dàn ý cho đề bài?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  -Truyện gồm những cảnh khác nhau tưởng như rời rạc (cảnh van xin, đút lót, thuê người đi thay, bị áp giải đi xem đá bóng), nhưng thật ra đều tập trung biểu hiện chủ đề: *bọn quan lại cầm quyền cưỡng bức dân chúng để thực hiện một ý đồ bịp bợm đen tối.*  Truyện gồm những cảnh khác nhau tưởng như rời rạc (cảnh van xin, đút lót, thuê người đi thay, bị áp giải đi xem đá bóng), nhưng thật ra đều tập trung biểu hiện chủ đề: *bọn quan lại cầm quyền cưỡng bức dân chúng để thực hiện một ý đồ bịp bợm đen tối.*  + Việc xem đá bóng vốn mang tính chất giải trí bỗng thành một tai hoạ giáng xuống người dân.  + Sự tận tụy, siêng năng thực thi lệnh trên của lí trưởng đã gặp phải mọi cách đối phó của người dân khốn khổ.  + Ngôn ngữ người kể chuyện: rất ít lời, mỗi cảnh có khoảng 2 dòng, như muốn để người đọc thiểu lấy ý nghĩa.  + Ngôn ngữ các nhân vật: lời đối thoại rất tự nhiên, sinh động,... thể hiện đúng thân phận và trình độ của họ. Ngôn ngữ của lí trưởng không mang kiểu cách hành chính nào cả... Qua ngôn ngữ các nhân vật, người đọc có thể hình dung đó là một xã hội hỗn độn.  Tác già dùng bút pháp trào phúng để châm biếm trò lừa bịp của chính quyền. Nội dung truyện không phải hoàn toàn bịa đặt. Để tách người dân khỏi ảnh hưởng của các phong trào yêu nước, thực dân Pháp đã bày ra các trò thể dục thể thao (đua xe đạp, thi bơi lội, đấu bóng đá) để đánh lạc hướng. Do đó truyện này có ý nghĩa hiện thực, có giá trị châm biếm sâu sắc.  GV  HS thảo luận cặp đôi và trả lời.  Qua việc nhận thức đề và lập ý cho đề trên, GV yêu cầu HS rút ra kết lận về cách làm nghị luận một tác phẩm văn học. | | 1. **Tìm hiểu đề và lập dàn ý**  a- **Đề 1**:  a1- ***Gợi ý tìm hiểu đề***  - *Đặc sắc của kết cấu truyện*:  - *Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện*:  - *Đặc điểm của ngôn ngữ truyện*:  - Giá trị hiện thực và ý nghĩa phê phán của truyện:  b) ***Gợi ý xây dựng dàn bài***  -Mở bài : Giới thiệu ngắn gọn về truyện ngắn ***Tinh thần thể dục*** của nhà văn Nguyễn Công Hoan.  -Thân bài : Nghệ thuật trào phúng trong truyện ngắn Tinh thần thể dục: kết cấu truyện độc đáo, mâu thuẫn trong truyện nhiều dạng vẻ và ý nghĩa của cái cười trong truyện ngắn Tinh thần thể dục.  - Kết bài: Qua tác phẩm, cần thấy được mối quan hệ giữa văn học và thời sự ; văn học và sự thức tỉnh xã hội.  ***c) Cách làm nghị luận một tác phẩm văn học***  + Đọc, tìm hiểu, khám phá nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.      + Đánh giá được giá trị của tác phẩm. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu cách viết bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi**  **Tìm hiểu đề 2**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được **cách viết bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi, tìm hiểu đề 2**  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức cho HS nhận xét về nghệ thuật  sử dụng ngôn từ trong Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân (có so sánh với chương Hạnh phúc một tang gia - Trích Số đỏ của Vũ Trọng Phụng).  - GV nêu yêu cầu và gợi ý.  Qua việc nhận thức đề và lập ý cho đề trên, GV yêu cầu HS rút ra kết lận về cách làm nghị luận một tác phẩm văn học.  HS đọc đề 1.  - HS thảo luận về nội dung vấn đề nghị luận, nêu được dàn ý đại cương.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | ***Đề 2***  a) ***Gợi ý tìm hiểu đề***  - Trong ***Chữ người tử tù***, tác gia sử dụng nhiều từ Hán Việt cổ, cách nói cổ để dựng nên những cảnh tượng, những con người thời phong kiến suy tàn. Với giọng  văn cổ kính trang trọng, tác giả nói đến những con người tài hoa, trọng thiên lương nay chỉ còn là vang bóng của một thời.  - Trong ***Hạnh phúc của một tang gia*** tác giả dùng nhiều từ, nhiều cách chơi chữ để mỉa mai, giễu cợt tính chất già dối, lố lăng, đồi bại của một số người tự nhận thuộc giới thượng lưu những năm trước Cách mạng tháng Tám.  - Việc dùng từ, chọn giọng văn phải hợp với chủ đề của truyện, và thể hiện đúng tư ***tưởng tình cảm của tác giả.***  ***b) Gợi xây dựng dàn bài***  Có thể viết theo trình tự các câu hỏi khi tìm hiểu đề để lập dàn bài cho riêng mình.  *c) Cách làm nghị luận một khía cạnh của tác phẩm văn học*  + Cần đọc kĩ và nhận thức được kía cạnh mà đề yêu cầu.    + Tìm và phân tích những chi tiết phù hợp với khía cạnh mà đề yâu cầu. | |
| **Hoạt động 3: Cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi**  **a) Mục tiêu:** hiểu được cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV nêu yêu cầu:**Từ hai bài tập trên, GV tổ chức cho HS rút ra cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.  - HS phát biểu. GV nhận xét, nhấn mạnh những ý cơ bản.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung ( nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày)  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **3. Cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi**  + Có đề nêu yêu cầu cụ thể, bài làm cần tập trung đáp ứng các yêu cầu đó.       + Có đề để HS tự chọn nội dung viết. Cần phải khảo sát và nhận xét toàn truyện. Sau đó chọn ra 2, 3 điểm nổi bật nhất, sắp xếp theo thứ tự hợp lí để trình bày. Các phần khác nói lướt qua. Như thế bài làm sẽ nổi bật trọng tâm, không lan man, vụn vặt. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1A, 2D, 3A  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV gợi ý, hướng dẫn.  - HS tham khảo các bài tập trong phần trên và tiến hàng tuần tự theo các bước.  Đề: Đòn châm biếm, đả kích trong truyện ngắn Vi hành của Nguyễn ái Quốc.  **1. Nhận thức đề**  Yêu cầu nghị luận một khía cạnh của tác phẩm: đòn châm biếm, đả kích trong truyện ngắn Vi hành của Nguyễn ái Quốc.  **2. Các ý cần có:**  + Sáng tạo tình huống: nhầm lẫn.      + Tác dụng của tình huống: miêu tả chân dung Khải Định không cần y xuất hiện, từ đó mà làm rõ thực chất những ngày trên đất Pháp của vị vua An Nam này đồng thời tố cáo cái gọi là "văn minh", "khai hóa" của thực dân Pháp.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **GV giao nhiệm vụ:**  **Phân tích*giá trị hiện thực*tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân.**  -   HS thực hiện nhiệm vụ:  -  HS báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **d) Tổ chức thực hiện:**  *- GV giao nhiệm vụ:*   HS thực hiện nhiệm vụ:   HS báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*  **Lập dàn ý :**  **I/ Mở bài :**  - Giới thiệu vài nét lớn về tác giả, tác phẩm;  - Nêu vấn đề giá trị hiện thực của truyện  **II. Thân bài:**  **1. Khái quát về tác phẩm:** Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt nội dung truyện.  **2. Phân tích giá trị hiện thực của truyện :**      a**/.Biểu hiện trước hết về giá trị hiện thực của truyện ngắn "Vợ nhặt" là truyện đã phản ánh chân thực nạn đói năm 1945 và cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói ấy.**    - **Làm rõ đặc điểm:** nạn đói năm 1945tràn đến xóm ngụ cư thông qua thời gian, không gian, âm thanh tiếng quạ, ...    - **Làm rõ đặc điểm:** cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói, nhất là cảnh người đói vật vờ như bóng ma và người chết như ngả rạ...  **b/.Hiện thực về nạn đói còn được thể hiện qua một tình huống cụ thể với những con người cụ thể, đó là anh Tràng có vợ.**  -**Làm rõ đặc điểm:** Hình ảnh người vợ nhặt bị cái đói tàn phá thông qua ngoại hình, cách ăn bánh đúc…  -**Làm rõ đặc điểm:** Bà cụ Tứ nghèo khổ. Bữa cơm ngày đói đón dâu mới thật thảm hại.  -**Làm rõ đặc điểm :**Số phận của nhân vật Tràng...  **3. Nhận xét về nghệ thuật thể hiện giá trị hiện thực** của truyện: nhân vật được đặt trong tình huống truyện độc đáo; diễn biến tâm lí được miêu tả chân thực, tinh tế; ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, phù hợp với tính cách nhân vật.  **III./ Kết bài :**  **-**Tóm lại, truyện ngắn "Vợ nhặt" có giá trị hiện thực sâu sắc với hai biểu hiện: phản ánh chân thực nạn đói năm 1945 và cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói ấy; biểu hiện trong tình huống độc đáo.          -Ý nghĩa giá trị . | | |

\* **Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:**

+ GV hệ thống lại bài học, khẳng định những ưu điểm và nói rõ hơn một vài điều cần lưu ý đề làm tốt bài văn nghị luận về một tác phẩm hay đoạn trích văn xuôi

+ Từ dàn bài trong phần luyện tập, hãy viết một bài văn nghị luận.

**- Dặn dò:** soạn bài **RỪNG XÀ NU**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**RỪNG XÀ NU**

***- Nguyễn Trung Thành-***

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Hình tượng rừng xà nu- biểu tượng của cuộc sống đau thương nhưng kiên cường và bất diệt.

- Hình tượng nhân vật Tnú và câu chuyện bi trang về cuộc đời anh thể hiện đầy đủ nhất cho chân lí: phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

- Chất sử thi thể hiện qua cốt truyện , bút pháp xây dựng nhân vật, giọng điệu và vẻ đẹp ngôn ngữ của tác phẩm.

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện Rừng xà nu;

- Năng lực đọc – hiểu tác phẩm truyện Rừng xà nu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện Rừng xà nu;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Trung Thành*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Chiến tranh xâm lược đã tàn phá bao vùng đất, giết đi bao mạng sống của cả con người lãn sinh vật. Có những vùng đất phải gánh chịu vô vàn những thương đau mà tinh thần vẫn luôn quật khởi, ý chí vẫn vững vàng. Tây Nguyên là một nơi như thế đấy và dân làng Xô man trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành đã nói lên điều đó. Cánh rừng cũng như con người “nằm trong tầm đai bác” vẫn cứ hiên ngang sống. Không cần đợi chờ nữa, hãy bắt đầu tìm hiểu tác phẩm.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  1. **GV:** Cho HS đọc phần *Tiểu dẫn* (SGK) kết hợp với những hiểu biết cá nhân để giới thiệu về nhà văn Nguyễn Trung Thành (cuộc đời, sự nghiệp, đặc điểm sáng tác,…)  2. **GV:**  Yêu cầu HS tham khảo tài liệu và hiểu biết lịch sử, để cho biết hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của truyện ngắn Rừng xà nu.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Mặc dù *Rừng xà nu* viết về sự kiện nổi dậy của 32buôn làng Tây Nguyên trong thời kì đồng khởi trước 1960 nhưng chủ đề tư tưởng của tác phẩm vẫn có quan hệ mật thiết với tình hình thời sự của cuộc kháng chiến lúc tác phẩm ra đời.  Tóm tắt tác phẩm cần đảm bảo những chi tiết chính:  - Rừng xà nu- hình tượng mở đầu và kết thúc.  - Tnú nghỉ phép về thăm làng.       - Cụ Mết kể cho dân làng nghe về cuộc đời Tnú và lịch sử làng Xô Man từ những năm đau thương đến đồng khởi nổi dậy. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên khai sinh là Nguyễn Ngọc Báu, sinh năm 1932, quê ở Thăng Bình, Quảng Nam.  - Nhập ngũ năm 1950, rồi làm phóng viên báo Quân đội nhân dân liên khu V, tập kết ra Bắc, viết văn với bút danh Nguyên Ngọc  - Năm 1962: tình nguyện trở về chiến trường miền Nam lấy bút danh Nguyễn Trung Thành.  - Tác phẩm: *Đất nước đứng lên*- giải nhất, giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954- 1955; *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* (1969); *Đất Quảng* (1971- 1974);…      Ông là nhà văn có những tác phẩm viết hay nhất về đất và người Tây Nguyên trong hai cuộc kháng chiến.  **2. Tác phẩm:**  **a.  Hoàn cảnh ra đời tác phẩm.**  - Mĩ-nguỵ ra sức phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, lê máy chém đi khắp miền Nam. Cách mạng rơi vào thời kì đen tối.  - Đầu năm 1965, Mĩ đổ quân ồ ạt vào miền Nam và đánh phá ác liệt ra miền Bắc. Cả nước sục sôi không khí đánh Mĩ. Rừng xà nu được viết vào đúng thời điểm đó.  *Rừng xà nu* (1965) ra mắt lần đầu tiên trên *Tạp chí văn nghệ quân giải phóng miền Trung Trung bộ* (số 2- 1965), sau đó được in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc.*  **b.  Tóm tắt** | |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề truyện**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được tình huống truyện.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1.**GV:**   Yêu cầu HS đọc đoạn mở đầu và một số đoạn sau đó tóm tắt toàn bộ tác phẩm.  (Tóm tắt tác phẩm cần đảm bảo những chi tiết chính)  2.**GV:**  Yêu cầu HS phát biểu cảm nhận về nhan đề tác phẩm (thảo luận và phát biểu tự do).  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **II. Đọc- hiểu**  **1. Nhan đề tác phẩm**  -  *Rừng xà nu* ẩn chứa cái khí vị riêng Tây Nguyên, gợi lên vẻ đẹp hùng tráng,  sức sống bất diệt của cây và tinh thần bất khuất của người Tây Nguyên.  -  *Rừng xà nu* mang nhiều tầng nghĩa bao gồm cả ý nghĩa tả thực lẫn ý nghĩa tượng trưng. Tên cho tác phẩm như đã chứa đựng được cảm xúc của nhà văn và linh hồn tư tưởng chủ đề tác phẩm. |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu hình tượng rừng xà nu**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm vềhình tượng rừng xà nu.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  . **GV:** Tổ chức cho HS tìm hiểu về hình tượng rừng xà nu theo các yêu cầu:  - Cho HS đọc đoạn đầu truyện  *1. Đoạn đầu truyện tác giả tập trung khắc hoạ hình ảnh rừng xà nu, cây xà nu. Cây xà nu hiện lên trong tác phẩm với một diện mạo, phẩm chất như thế nào?*  *2. Rừng xà nu , cây xà nu ngoài ý nghĩa tạo ra không gian xác   định cho truyện đem lại chất Tây Nguyên đậm đà cho câu chuyện, còn mang ý nghĩa nào khác?*  *3. Khi miêu tả rừng xà nu, cây xà nu, biện pháp tu từ nào được nhà văn sử dụng một cách thường xuyên nhất quán?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  1.  Cây xà nu, rừng xà nu là hình tượng được miêu tả công phu, đậm nét xuyên suốt chiều dài tác phẩm tạo nên một *không gian nghệ thuật* đậm đà chất Tây Nguyên.    - Rừng xà nu hứng chịu sự bắn phá huỷ diệt của đại bác Mĩ suốt trong một thời gian dài. *Cây xà nu đầy thương tích , chết chóc…*     -  Cây xà nu giàu sức sống, có năng lực sinh sôi nẩy nở cực kì mạnh mẽ; ham ánh sáng , khí trời vươn lên rất nhanh .*Cạnh một cây xà nu bị bắn gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình mũi tên lao thẳng lên bầu trời*kết thành dải rừng bạt ngàn “*đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời*” *Đã hai ba năm nay, trong mưa bom bão đạn, “rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng*.      -  Cây xà nu gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân làng Xô Man: Cả trong sinh hoạt thường ngày (đuốc xà nu Tnú soi cho Dít giần gạo; khói xà nu trên gương mặt của các em bé; khói xà nu xông bảng nứa cho Tnú và Mai học chữ để mai sau làm cán bộ,…). Cả trong những sự kiện trọng đại của buôn làng( Giặc đốt hai bàn tay Tnú bằng giẻ tẩm nhựa xà nu; đuốc xà nu soi rõ xác giặc trong đêm đồng khởi,…)  2. - Cây xà nu chịu thương tích, chết chóc bởi quân thù tàn bạo cũng như dân làng Xô Man bị chúng giết hại ( Anh Xút, bà Nhan; mẹ con Mai) hoặc phải mang thương tật suốt đời như anh Tnú=> mất mát đau thương của dân làng.    - Cây xà nu ham ánh sáng và khí trời, có sức sống mãnh liệt không sức gì tàn phá nổi “ cạnh một cây xà nu ngã xuống đã có bốn năm cây con mọc lên, cũng như các thế hệ người Xô Man kế tiếp nhau đứng dậy chiến đấu giành lấy sự sống , tự do.=> biểu tượng cho sự khát khao tự do và sức sống bất diệt của dân làng Xô Man nói riêng, đồng bào Tây Nguyên nói chung.  3. - Trong quá trình miêu tả rừng xà nu, cây xà nu, nhà văn đã sử dụng *nhân hóa* như một phép tu từ chủ đạo. Ông luôn lấy nỗi đau và vẻ đẹp của con người làm chuẩn mực để nói về xà nu khiến xà nu trở thành một ẩn dụ cho con người, một biểu tượng của Tây Nguyên bất khuất, kiên cường.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **-**Tràng là nhân vật có bề ngoài thô, xấu, thân phận lại nghèo hèn, mắc tật hay vừa đi vừa nói một mình, là dân ngụ cư- lớp người bị xã hội khinh nhất (trong quan niệm lúc bấy giờ), lại đang sống trong những ngày tháng đói khát nhất nạn đói 1945.  - Nhưng ở Tràng lại là con người tốt bụng và cởi mở: giữa lúc đói khát nhất- bản thân mình cũng đang cận kề với cái đói cái chết. vậy mà Trang sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ ăn 4 bát bánh đúc.  Chi sau hai lần gặp gỡ và cho ăn 4 bát bánh đúc, vài  câu nói nửa đùa nửa thật(…),  + Câu *“nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”* đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình  =>người đàn bà xa lạ đã đồng ý theo Tràng về làm vợ.  + Lúc đầu Tràng cũng cảm thấy lo lắng “chợn nghĩ”: Thóc…đèo bòng”.  + Sau đó Tràng đã   "Chậc, kệ" và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà.  + Trang dẫn thị ra quán ăn một bữa no rồi cùng về.  + Tràng đã mua cho thị cái thúng-ra dáng một người phụ nữ dã có chông và cùng chồng đi chợ về.  + Chàng còn bỏ tiền mua 2 hao dầu thắp sáng trong đêm tân hôn.  Tràng không cúi xuống lầm lũi như mọi ngày mà *"phởn phơ", "vênh vênh ra điều".*Trong phút chốc, Tràng quên tất cả tăm tối *"chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên"* và cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới.  - Khi về tới nhà: Tràng cảm thấy lúng túng, chưa tin vào sự thật mình đã có vợ=> đó là niềm hạnh phúc.  - Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng như người ở trong giấc mơ đi ra. …   - Khi nhìn thấy mẹ và vợ quét dọn nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hắn thấy hắn nên người.  - Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này.  - Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy dủ (hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp).=> thể hiện niềm tin vào cuộc sống! | | ***a. Cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô Man.***  - Cây xà nu là hình tượng xuyên suốt, được miêu tả công phu, đậm nét trong toàn bộ tác phẩm :  ở phần mở đầu ...trong tác phẩm và kết thúc tác phẩm  -  Cây xà nu bảo vệ cho người dân Xô Man trước sự huỷ diệt tàn bạo của kẻ thù.  - Cây xà nu gắn bó mật thiết với đời sống của nhân dân làng Xô Man .  - Đặc biệt, cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc chiến đấu của người dân Xô Man với kẻ thù tàn bạo.    ***b. Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh CM.***  - Cây xà nu phải chịu nhiều đau thương như những đau thương của người dân Xô Man...  - Cây xà nu ham ánh sáng và khí trời cũng như dân làng Xô Man ham tự do, họ luôn vương lên đấu tranh để có tự do.  -  Cây xà nu có sức sống mãnh liệt không gì tàn phá nổi (cạnh một cây mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên) cũng như các thế hệ làng Xô Man kế tiếp nhau đứng dậy chiến đấu.  - Vẻ đẹp, những thương tích, đặc tính của xà nu...là hiện thân cho vẻ đẹp, những đau thương, khát khao tự do, sức sống của dân làng Xô Man, đồng bào Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng.  **-Những đặc sắc nghệ thuật xây dựng hình tượng:**Sử dụng nhân hoá, ẩn dụ, bút pháp tả thực, tượng trưng, lời văn đậm chất sử thi, câu văn giàu tính tạo hình, nhạc điệu...  \* Tóm lại*: Nguyễn Trung Thành đã tạo nên những hình ảnh ẩn dụ, những liên tưởng kỳ vĩ khi miêu tả rừng xà nu với tất cả lòng yêu mến tự hào.* Q*ua hình tượng cây xà nu, người đọc hiểu biết thêm dải đất Tây Nguyên hùng vĩ, về cuộc sống của đồng bào Tây Nguyên và nhất là thêm yêu quý tự hào về những phẩm chất cao quý của họ. Rừng xà nu trùng điệp chạy đến chân trời là biểu tượng cho thế trận chiến tranh nhân dân, người người lớp lớp.* |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu nhân vật Tnú**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm về tính cách, diễn biến tâm trạng nhân vật Tnú.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***GV cho 4 nhóm cùng thảo luận về nhân vật***  ***Tnú***  *? Phẩm chất của người anh hùng Tnú.*  *? Vì sao trong câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú, cụ Mết 4 lần nhắc tới ý: "Tnú không cứu được vợ con" để rồi ghi tạc vào tâm trí người nghe câu nói: "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo".*  Cảm nhận về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man.  GV: Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật Tnú?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  - Cuộc đời Tnú từng chịu nhiều thiệt thòi, mất mát, đau thương:  Mồ côi sớm; hai lần bị tra tấn dã man; ba năm bị giặc giam cầm.  - Tnú được cộng đồng yêu thương đùm bọc; sớm được cán bộ Đảng giáo dục , dìu dắt; được Mai tin cậy, yêu thương.  - Tnú xứng đáng với công ơn , kì vọng của dân làng, của anh Quyết cán bộ Đảng:  - Mặc dù địch khủng bố gắt gao, Tnú vẫn kiên cường tiếp tế, làm liên lạc cho Cán bộ Đảng : “ *Cán bộ là Đảng. Đảng còn núi nước này còn”*  - Tích cực học chữ để làm cách mạng “*Không học chữ sao làm được cán bộ giỏi*”  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.*  **- Số phận đau thương:**  + Giặc kéo về làng để tiêu diệt phong trào nổi dậy. Để truy tìm Tnú, chúng bắt và tra tấn bằng gậy sắt đến chết vợ con anh  🡪 Mắt anh biến thành hai cục lửa hồng căm thù  - Xông vào quân giặc như hổ dữ nhưng không cứu được vợ con, bản thân bị bắt, bị tra tấn (bị đốt 10 đầu ngón tay).  🡪 Cuộc đời đau thương  - *"Tnú không cứu được vợ con"-* cụ Mết nhắc tới 4 lần  🡪 như một điệp khúc day dứt, đau thương trong câu chuyện kể và nhằm nhấn mạnh: khi chưa có vũ khí, chỉ có hai bàn tay không thì ngay cả những người thương yêu nhất cũng không cứu được.  **- Hình ảnh bàn tay của Tnú:**  + Khi nguyên vẹn: là đôi bàn tay tình nghĩa. (cầm phấn viết chữ, khi bị giặc bắt chỉ vào bụng: cộng sản ở đây này), che chở cho mẹ con Mai…)  + Khi tật nguyền: vẫn vững vàng cầm vũ khí. (…)  **- Tnú và dân làng Xô Man quật khởi, đứng dậy cầm vũ khí:**  + Trong đêm Tnú bị đốt 10 đầu ngón tay, dân làng đã nổi dậy *“ào ào rung động”,* cứu được Tnu, tiêu diệt bọn ác ôn. Tiếng cụ Mết như mệnh lệnh chiến đấu: *"Thế là bắt đầu rồi, đốt lửa lên!"*   🡪 Đó là sự nổi dậy đồng khởi làm rung chuyển núi rừng. Câu chuyện về cuộc đời một con người trở thành câu chuyện một thời, một nước.  + Bàn tay Tnu được chữa lành, anh vào lực lượng, tiếp tục chống giặc.  +  Biết vượt lên trên bi kịch cá nhân; gia nhập lực lượng vũ trang giải phóng gắn kết cuộc kháng chiến của làng với cuộc kháng chiến của toàn miền Nam, toàn dân tộc.  + Là bộ đội chính quy, Tnú dũng cảm, lập nhiều chiến công. Được về phép thăm làng Tnú tuyệt đối chấp hành kỉ luật. | | **2. Nhân vật Tnú**        Hình tượng mang ý nghĩa điển hình cho số phận và con đường cách mạng của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên:      Cụ Mết rất tự hào khi nói về anh:“*Nó là người Strá mình – Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta*”.  **a. Là người gan góc, dũng cảm, mưu trí;**  - Giặc giết bà Nhan, anh Xút nhưng Tnú (lúc bấy giờ còn nhỏ) không sợ. Tnú vẫn cùng Mai xung phong vào rừng nuôi giấu cán bộ.  - Học chữ thua Mai, Tnú đập vỡ bảng, lấy đá đập vào đầu đến chảy máu.  -Khi đi liên lạc không đi đường mòn mà “xé rừng mà đi”, không lội chỗ nước êm mà “lựa chỗ thác mạnh vượt băng băng như con cá kình”. Bởi theo Tnú những chỗ nguy hiểm giặc “không ngờ” đến.  - Bị giặc phục kích bắt, bị tra tấn dã man nhưng Tnú quyết không khai. Khi bọn giặc kéo về làng, bắt Tnú khai cộng sản ở đâu anh đặt tay lên bụng dõng dạc nói “cộng sản ở đây này”.  **b. Có tính kỉ luật cao, trung thành với CM;**  - Tham gia lực lượng vũ trang, nhớ nhà, nhớ quê hương nhưng khi được phép của cấp trên mới về thăm.  -Tính kỉ luật cao trong mối quan hệ với cách mạng biểu hiện thành lòng trung thành tuyệt đối:Tâm trạng Tnú trong đêm bị bắt, khi bị kẻ thù đốt mười đầu ngón tay, ngọn lửa như thiêu đốt gan ruột nhưng Tnú không kêu nửa lời, anh luôn tâm niệm lời dạy của anh Quyết: “*người cộng sản không thèm kêu van”.*  **c. Có một trái tim yêu thương và sôi sục căm thù:** *Sống rất nghĩa tình và luôn mang trong tim ba mối thù: thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng.*  - Tnú là một người sống rất nghĩa tình: Tnú đã tay không xông ra cứu vợ con. Động lực ghê gớm ấy chỉ có thể được khơi nguồn từ trái tim cháy bỏng ngọn lửa yêu thương và ngọn lửa căm thù. Tnú là con người tình nghĩa với buôn làng: anh lớn lên trong sự đùm bọc yêu thương của người dân làng Xôman.  - Lòng căm thù ở Tnú mang đậm chất Tây Nguyên: Tnú mang trong tim ba mối thù :  Thù của bản thân;  Thù của gia đình; Thù của buôn làng  ***-  Ở Tnú, hình tượng đôi bàn tay mang tính cách, dấu ấn cuộc đời***  + Khi lành lặn: đó là đôi bàn tay trung thực, nghĩa tình (bàn tay cầm phấn viết chữ anh Quyết dạy cho ; bàn tay cầm đá  đập vào đầu mình để tự trừng phạt vì học hay quên chữ ...  + Khi bị thương: đó là chứng tích của một giai đoạn đau thương, của thời điểm lòng căm hận sôi trào  “Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy trong bụng”. Đó cũng là bàn tay trừng phạt, bàn tay quả báo khi chính đôi bàn tay tàn tật ấy đã bóp chết tên chỉ huy đồn giặc trong một trận chiến đấu của quân giải phóng.  + Cuộc đời bi tráng và con đường đến với CM của Tnú điển hình cho con đường đến với CM của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực CM để tiêu diệt bạo lực phản CM; đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.  - Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau.  Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như Tnú; sự hi sinh của những con người như Tnú góp phần là cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi.  **- Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật Tnú*:***     + Tnú vừa có những nét riêng cá tính sống động, vừa mang phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu.     + Lời văn với những câu văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm , khi tha thiết, trang nghiêm. Từ không gian kể chuyện đến nhân vật trong truyện đều mang chất sử thi đậm nét.  \* Tóm lại: Cuộc đời bi tráng và con đường đến với CM của T nú điển hình cho con đường đến với CM của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực CM để tiêu diệt bạo lực phản CM; đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.  **- Mối quan hệ giữa rừng xà nu và Tnú:**  ***Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau***. Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như T nú; sự hi sinh của những con người như Tnú góp phần là cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi. |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu vai trò của các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng.**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm về tính cách, diễn biến tâm trạng các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi:  Yêu cầu HS nhận xét về các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng (Gợi ý: Các nhân vật này có đóng góp gì cho việc khắc họa nhân vật chính và làm nổi bật tư tưởng cơ bản của tác phẩm?)  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **4. Vai trò của các nhân vật: cụ Mết, Mai, Dít, Heng.**  - Cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng là sự tiếp nối các thế hệ làm nổi bật tinh thần bất khuất của làng Xô Man nói riêng, của Tây Nguyên nói chung.  - Cụ Mết "quắc thước như một cây xà nu lớn" là hiện thân cho truyền thống thiêng liêng, là người hieuj triệu và chỉ huy đồng khởi.  - Mai, Dít là thế hệ hiện tại. Trong Dít có Mai của thời trước và có Dít của hôm nay. Vẻ đẹp của Dít là vẻ đẹp của sự kiên định, vững vàng trong bão táp chiến tranh.  - Bé Heng là thế hệ tiếp nối, kế tục cha anh để đưa cuộc chiến tới thắng lợi cuối cùng.  Dường như cuộc chiến khốc liệt này đòi hỏi mỗi người Việt Nam phải có sức trỗi dậy của một Phù Đổng Thiên Vương. |
| **Hoạt động 6: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  *Anh (chị) hãy nhận xét về nghệ thuật viết truyện của Kim Lân (cách kể chuyện, cách dựng cảnh, đối thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ,…).*  *- Tp đã phản ánh được tình cảnh gì của người nông dân.?*  *- Nhà văn đã thể hiện tc, t/độ như thế nào đối với ng nông dân? Đối với bọn TDP và phát xít Nhật?*  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật.**  **a. Xây dựng được tình huống truyện độc đáo:**  **- Tình huống truyện:** Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề (bức tranh nạn đói) lại “nhặt” được vợ, có vợ theo.  **- Giá trị của tình huống:** Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật (người dân xóm ngụ cư, mẹ Tràng và ngay cả Tràng)  và thể hiện chủ đề của truyện.  b. Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.  c. Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.  c. Ngôn ngữ một mạc, giản dị nhưng chắt lọc và giàu sức gợi.  **2. Ý nghĩa văn bản:**            Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1A, 2D, 3A  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** *Các nhân vật trong truyên “ Rừng xà nu” được xây dựng trên cơ sở nào?*  a. Các nguyên mẫu nhà văn từng gặp trong một ngôi làng ở Tây Nguyên. b. Do nhà văn hư cấu tưởng tượng ra. c.Do nhà văn được nghe kễ lại khi còn ở ngoài miền Bắc. **d. Từ những nguyên mẫu nhà văn từng gặp gỡ trong nhiều làng ở Tây Nguyên.**  **Câu hỏi 2:** *Theo diễn biến và lô gíc của câu chuyện cho phép người đọc dễ có liên tưởng nào sau đây?*  a. Sau chuyến về phép này Tnú ra đi chiến đấu sẽ hi sinh. **b. Rồi đây Tnú sẽ có mối tình thứ hai đó là với Dít.** c. Dít rồi đây cũng sẽ xung phong vào lực lượng quân giải phóng.  d. Dít rồi đây cũng sẽ ngã xuống như Mai..    **Câu hỏi 3:** *Dòng nào****chưa****đúng nói về đặc sắc nghệ thuật của đoạn văn miêu tả “ Rừng xà nu” ở đầu và cuối tác phẫm?*  **a. Nghệ thuật nói giảm.**   b. Nghệ thuật ẫn dụ, nhân hóa c. Kết cấu đầu cuối tương ứng.  d.Ngôn ngữ hình ảnh đậm tính sử thi hoành tráng.    *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm bài tập và GV gọi 3-5 HS chấm điểm, chữa bài trước lớp.**GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  *Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. …………….... Cứ thế, hai ba năm nay rừng xà  nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...*                                  (Trích *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành)  1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính?  2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ?  3. Trong đoạn văn trên, Nguyễn Trung Thành sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, đối lập. Xác định biểu hiện các phép tu từ đó và nêu tác dụng của hình thức nghệ thuật này là gì ?  4. Xác định từ loại của các từ được gạch chân : mọc, lao, phóng, ham, tiếp, vượt, ưỡn trong văn bản ? Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng  các từ đó là gì ?  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  ***Kết quả mong đợi từ HS***  1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức tự sự là chính.  2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là : nói về đặc tính của cây xà nu. Đó là cây ham ánh sáng mặt trời, sinh sôi nảy nở nhanh và khoẻ. Khi bị đạn đại bác bắn, cây xà nu bị chặt đứt ngang thân, cây chết. Nhưng  một số cây còn sống, vết thương chóng lành, vượt lên trên cao để đón ánh nắng mặt trời. Cây xà nu bảo vệ dân làng Xô Man.  3. Trong đoạn văn trên, Nguyễn Trung Thành sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, đối lập.  a/Biểu hiện các phép tu từ đó là :  -So sánh : *Trong rừng ít loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy*; *Nhưng cũng có những  cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ  lông mao lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của  chúng chóng lành như những vết thương trên một thân thể cường tráng.*  - Nhân hoá: *những vết thương của  chúng chóng lành ; Chúng vượt lên rất nhanh; rừng xà  nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...*  - Đối lập: *Cạnh một cây xà  nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên; Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không  lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những  cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê*   b/Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là :   -Biện pháp so sánh nhằm ca ngợi sức cống hiếm có của cây xà nu.  -Biện pháp nhân hoá khiến xà nu không chỉ hiện lên ở phương diện sinh vật học với đặc tính dẻo dai, sức chịu đựng tốt mà còn trở thành sinh thể sống, đang chịu những đau đớn về thể xác nhưng bất khuất, kiên cường, gan dạ, bản lĩnh, ẩn tàng một sức sống bất diệt, một tâm hồn giàu chất thơ.  -Biện pháp đối lập giữa cây xà nu ngà gục với mọc lên, giữa cái chết với sự sống nhằm khẳng định sự sống sinh ra từ trong cái chết, mạnh hơn cái chết của cây xà nu cũng chính là tượng trưng cho con người Tây Nguyên đau thương mà anh dũng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.  4. Từ loại của các từ được gạch chân *: mọc, lao, phóng, ham, tiếp, vượt, ưỡn* trong văn bản là động từ, hàng loạt động từ mạnh. Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng các động từ đó là : thể hiện tư thế chủ động của cây xà nu, ca ngợi sự khao khát sống, khả năng sống tiềm tàng, mãnh liệt.  **d) Tổ chức thực hiện:**  *- GV giao nhiệm vụ*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\*Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:** Lập bản đồ tư duy nội dung bài học

***- Dặn dò:*** Soạn bài **Bắt sấu rừng U Minh Hạ**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**Đọc thêm:**

**BẮT SẤU RỪNG U MINH HẠ**

(Trích *Hương rừng Cà Mau*)

***Sơn Nam***

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Nhân vật ông Năm Hên ngay thẳng, chất phác thuần hậu, mưu trí, dũng cảm, có tài bắt sấu trừ họa cho mọi người.

- Ngôn ngữ văn xuôi đạm chất Nam Bộ, lối kể chuyện ngắn gọn, mang màu sắc huyền thoại

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện ngắn hiện đại Việt Nam

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các truyện có cùng đề tài

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  - **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Sơn Nam*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Xem đoạn phim về Đất phương Nam, nghe 1 bản nhạc về miền tây Nam Bộ;  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong văn học kháng chiến chống Mĩ, có một bộ phận văn học đáng chú ý là văn học vùng địch chiếm. Nhà văn Sơn Nam với tác phẩm Hương rừng Cà Mau là một trong những tác giả đáng chú ý. Hãy cùng ông trở về vùng đất Phương Nam để hiểu hơn về thiên nhiên và con người Nam Bộ qua truyện ngắn Bắt sấu rừng U Minh hạ…* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  **-**Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà văn Sơn Nam? Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của Sơn Nam?  - Hãy nêu vài nét chung về tác phẩm?  + Hoàn cảnh sáng tác?  + Đề tài?  + Nội dung cơ bản?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - **Bổ sung**: Những năm kháng chiến chống Pháp, tác giả Sơn Nam ở  Nam Bộ. Do đó, nhà văn có điều kiện hiểu biết kĩ về thiên nhiên, lịch sử, con người của vùng đất mũi Cà Mau. Chính vì thế Sơn Nam có nhiều tác phẩm. | | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - Tên bút danh, năm sinh, quê quán.  - Quá trình sáng tác.  - Các tác phẩm tiêu biểu.  - Đặc điểm sáng tác.  **2. Văn bản:**  **- Nội dung:** viết về thiên nhiên và con người vùng rừng U Minh với những người lao động có sức sống mãnh liệt, sâu đậm ân nghĩa và tài ba can trường.  **- Nghệ thuật:** Dựng truyện li kì, chi tiết gợi cảm, nhân vật và ngôn ngữ đậm màu sắc Nam Bộ. |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu thiên nhiên và con người U Minh Hạ**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được đặc điểm thiên nhiên và con người U Minh Hạ  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV đặt câu hỏi:*Qua đoạn trích, anh (chị) nhận thấy thiên nhiên vùng U Minh Hạ có những đặc điểm nổi bật nào?  - Tìm dẫn chứng*"rừng tràm xanh biếc, những cỏ cây hoang dại, cá sấu nhiều như trái mù u"...*  *+ Qua đoạn trích, anh (chị) còn nhận thấy con người vùng U Minh Hạ có những đặc điểm nổi bật nào?*  *+ Bài hát của  Năm  Hên gợi cho em những cảm nghĩ gì?*  *+ Cảm nhận về vùng đất và on người vùng cực nam Tổ quốc?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + **HS:** đọc đoạn trích, chú ý những chi tiết về con người, từ đó đưa ra những nhận xét.  +**HS:** đọc đoạn trích, chú ý những chi tiết về Ông Năm Hên, từ đó đưa ra những nhận xét.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  - Tìm dẫn chứng: *bắt sấu bằng lưỡi sắt, rồi móc con vịt sống, Năm Hên bắt sấu rừng bằng tay không, Tư Hoạch là một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu, những người trai tráng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng...* | **II. Hướng dẫn đọc- hiểu**  **1. Thiên nhiên và con người U Minh Hạ**  *a) Thiên nhiên*  Thiên nhiên vùng U Minh Hạ là một thế giới bao la, lì thú:  + "U Minh đỏ ngòm  Rừng tràm xanh biếc"  + "Sấu lội từng đàn", "những ao sấu", "Miền Rạch Giá, Cà Mau có những con lạch ngã ba mang tên Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu". Đó là những nơi ghê gớm.  *b) Con người*  + Con người vùng U Minh Hạ là những người lao động có sức sống mãnh liệt, đậm sâu ân nghĩa và cũng đầy tài ba trí dũng, gan góc can trường.  + Tất cả những điều đó tập trung ở hình ảnh ông Năm Hên, một con người sống phóng khoáng giữa thiên nhiên bao la kì thú. Tài năng đặc biệt của ông là bắt sấu. Sự xuất hiện của ông Năm cùng một con xuồng, lọn nhang trần và một hũ rượu, vừa bơi xuồng mà hát: "Hồn ở đâu đây. Hồn ơi! Hồn hỡi!" vừa huyền bí vừa mang đậm dấu ấn con người đất rừng phương Nam.  **2. Nhân vật ông Năm Hên:**  - Ông là “người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiêng Giang”, "bắt sấu bằng hai tay không".  - Ông tình nguyện bơi xuồng đến bắt sấu giúp dân làng Khánh Lâm chỉ với một bó nhang và một hũ rượu:  + Nhang: để tưởng niện những người bị sấu bắt.  + Rượu: để uống tăng thêm khí thế.  - Mưu kế kì diệu, bất ngờ mà hiệu quả, bắt sống 45 con sấu:  + Đào rãnh cạn dần, đốt lửa dẫn dụ cá sấu lên bờ  + Chặn sấu lại và khoá miệng chúng băng một khúc mốp làm “dính chặt hai hàm răng”  + Dùng mác sắn lưng cá sấu, cắt gân đuôi, trói hai chân sau và bắt chúng về  🡪 Giàu lòng thương người, mộc mạc, khiêm nhường  và cũng rất mưu trí, gan góc.  **b. Bài hát của ông Năm Hên:**  - "Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bi ai"  - Tưởng nhớ linh hồn những người bị sấu bắt, chết oan ức, trong đó có người anh ruột của ông.  - Bài hát nói về cuộc sống gian khổ khắc nghiệt của những người dân mở đất, mong giải oan cho họ.  🡪 Tấm lòng sâu nặng nghĩa tình đồng loại, đồng bào, thương tiếc những người xấu số.  **3. Cảm nhận về vùng đất và con người vùng cực nam Tổ quốc qua truyện ngắn:**      Đọc truyện ta như thám hiểm những vùng đất xa lạ với bao điều bí ẩn của thiên nhiên và con người. Xa lạ nhưng rất đỗi thân thuộc, đó vẫn là quê hương mình cần cù, dũng cảm, tài trí và lạc quan yêu đời trong đấu tranh sinh tồn và mở mang, xây dựng đất nước. Qua đó người đọc thêm yêu quí nhân dân, đất nước mình. | |
| **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  Nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ của nhà văn Sơn Nam có gì đáng chú ý?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III/ Tổng kết**  **1/ Những nét đặc sắc về nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện: đơn giản mà li kì, thu hút, dễ nhớ  - Cảnh vật, tính cách nhân vật: được thể hiện bằng vài nét đơn sơ nhưng giàu chất sống.  - Ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương Nam Bộ nhưng được sử dụng vừa phải, thích hợp, khắc hoạ sâu đậm thiên nhiên và con người sông nước Cà Mau.  2/ Ý nghĩa văn bản          Truyện giúp người đọc nhận thức trước hiểm họa phải có lòng dũng cảm, mưu trí để vượt qua. Sức mạnh của con người phải xuất phát từ lòng yêu thương con người. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1c, 2c, 7a, 8c  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  **Câu hỏi 5:**  *Nhân vật Năm Hên trong truyện đã nhận ra mình là ai?*  a. Thợ câu sấu     b.Thợ săn sấu **c.Thợ bắt sấu**  d. Thợ bẫy sấu  **Câu hỏi 6:** *Ông Năm Hên đã nói với người dân U Minh Hạ mình bắt sấu bằng gì?*  a. Bằng lưới  b. Bằng dây thừng **c. Bằng tay không** d. Bằng dưới câu sắt  **Câu hỏi 7:** *Vì sao ông Năm Hên lại làm nghề săn bắt cá sấu?*  **a. Để không còn ai bị cá sấu bắt như anh trai mình** b. Vì kế mưu sinh c. Vì để làm giàu d. Đễ không còn ai bị cá sấu bắt như cha mẹ mình  **Câu hỏi 8:**  *Dòng nào sau đây nói đúng nhất về vẻ đẹp của người dân lao động?*  a. Dũng cảm, thủy chung, lãng mạn. b. Lạc quan, lãng mạn, dũng cảm **c.Chất phác , dũng cảm, nghĩa tình** d. Nghĩa tình, yêu đời, dũng cảm  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Bởi vì đây là lời đáp của ông Năm Hên, sử dụng ngôn ngữ đậm chất địa phương Nam Bộ như : sấu rượt,  ngặt, sanh , phú quới, nói thiệt...  Câu 2 : Đoạn văn giải thích lí do nhân vật Năm Hên đi bắt cá sấu  Câu 3 : Câu nói *Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không mang thứ phú quới đó.* thể hiện tính cách của nhân vật Năm Hên: trọng nghĩa khinh tài. Ông bắt cá sấu không phải để làm giàu mà vì có ân tình sâu nặng với bà con,  muốn trả thà cho anh mình do bị cá sấu ăn thịt. Đó cũng là tính cách của người dân Nam Bộ: khẳng khái mà ân nghĩa, cần cù mà hào phóng, hảo hớn mà trọng nghĩa hiệp.  Câu 4.  Các địa danh Gò Quao, Ngã ba Ðình, Rạch Giá, Cà Mau, Ðầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, Rạch Cà Bơ He …đạt hiệu quả nghệ thuật: chứng tỏ sự am hiểu tường tận các địa danh ở miền Tây Nam Bộ của nhà văn Sơn Nam, đưa bạn đọc đến vùng đất xưa hoang sơ, bí hiểm. Qua đó, tác giả thể hiện sự gắn bó ân tình, sâu nặng với thiên nhiên và con người.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  *Ông Năm Hên đáp:*  *Sáng mai sớm, ………………………………………. truông nhà Hồ của mình ngoài Huế.*  (Trích*Bắt sấu rừng U Minh Hạ* – Sơn Nam)  1. Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ gì?  2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ?  3. Câu nói *Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không mang thứ phú quới đó.* thể hiện tính cách như thế nào của nhân vật Năm Hên?  4. Các địa danh Gò Quao, Ngã ba Ðình, Rạch Giá, Cà Mau, Ðầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, Rạch Cà Bơ He …đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

\* **Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:** Phân tích nhân vật ông Năm Hên.

**- Dặn dò:** soạn bài ***Những đứa con trong gia đình*** của Nguyễn Thi

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**BÀI VIẾT SỐ 1**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì 1, môn Ngữ văn lớp 12.

- Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kĩ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 12 học kì 2 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

*Cụ thể, đề kiểm tra nhằm đánh giá trình độ học sinh  theo các chuẩn sau:*

**- Đọc văn:**

+ Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

**- Làm văn:**

+ Nắm vững thao tác lập luận phân tích.

+ Nghị luận một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

- Hình thức : tự luận.

- Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm trong 90 phút.

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN**

- Liệt kê tất cả các chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 12, học kì.

- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên)

- Xác định khungma trận.

**MA TRẬN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 1- MÔN NGỮ VĂN 12**

**THỜI GIAN 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên**  **chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| **Chủ đề *1***  **Đọc hiểu**  - Văn bản trong hoặc ngoài chương trình | - Nhận biết được thể loại, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ … | - Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các biện pháp tu từ, chi tiết, sự kiện, thông tin, … trong văn bản. | - Đánh giá về nội dung và hình thức của văn bản theo quan điểm cá nhân. |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* | *Số câu:1*  *Số điểm:0,5*  *Tỉ lệ:5%* | *Số câu :2*  *Số điểm:1,5*  *Tỉ lệ:15%* | *Số câu :1*  *Số điểm:1,0*  *Tỉ lệ:10%* | *Số câu :0*  *Số điểm:0*  *Tỉ lệ:0* | *Số câu: 4*  *Số điểm:3*  *Tỉ lệ:30%* |
| **Chủ đề *2***  **Nghị luận văn học(  Ai đã đặt tên cho dòng sông; Vợ chồng A Phủ)** | - Nhận biết những nét chính về tác giả, tác phẩm.  - Xác định được vấn đề cần cảm nhận, bàn luận, phạm vi dẫn chứng, các thao tác lập luận cơ bản. | - Hiểu được đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ…trong tác phẩm.  - Lí giải được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của tác phẩm theo đặc trưng thể loại, mối quan hệ giữa văn học và đời sống, phong cách nghệ thuật tác giả. | - Vận dụng kiến thức văn học và kĩ năng tạo lập văn bản để viết một bài nghị luận văn học về một trích đoạn trích văn xuôi,  một ý kiến văn học, … | - Bày tỏ được cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân về vấn đề cần bàn luận.  - Liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn cuộc sống. |  |
| *Số câu:* | 1 | | | | *Số câu :1* |
| *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* |  | | | | *Số điểm:7*  *Tỉ lệ:70%* |
| **Tổng số câu:**  **Tổng số điểm:**  **Tỉ lệ** | ***TS câu: 1*** | ***TS câu :1*** | ***TS câu :1*** | ***TS câu:2*** | **Tổng số câu: 4**  **Tổng số điểm:10,0**  **Tỉ lệ: 100%** |

**IV. BIÊN SOẠN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5**

**ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5 - LỚP 12**

**THỜI GIAN LÀM BÀI : 90 PHÚT**

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

***Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4 :***

*Một nhà hiền triết đưa học trò đi ngao du khắp thế gian. Họ tìm gặp, trò chuyện, học hỏi hầu hết những bậc thầy nổi tiếng ở nhiều đất nước. Sau 10 năm, nhà hiền triết cùng học trò trở về quê hương. Trước khỉ vào thành, nhà hiền triết nói với học trò của mình: "Mười năm ngao du, các con đều đã trở thành kẻ sĩ học rộng hiểu nhiều. Giờ đây, ta sẽ giảng cho các con một bài học cuối cùng".*

*Các học trò kéo đến ngồi quanh nhà hiền triết. Ông hỏi: "Hiện chúng ta đang ngồi ở đâu?". Họ đồng thanh trả lời rằng đang ngồi trên bãi cỏ hoang ở bên nạoài thành. Nhà hiền triết lại hỏi: "Trên bãi cỏ hoang này có những cây gì?". Học trò đồng thanh đáp: "Trên bãi hoang mọc toàn cỏ dại ạ!".*

*Nhà hiền triết nói: "Đúng! Trên bãi cỏ hoang này mọc toàn cỏ dại. Bây giờ ta muốn biết bằng cách gì để trừ hết thứ cỏ dại này?". Các học trò nhìn nhau hết sức        ngạc nhiên, vì không ngờ nhà hiền triết xưa nay vốn chỉ đi sâu nghiên cứu những điều huyền bí của cuộc sống, mà trong bài học sau cùng này lại hỏi họ một vấn đề giản đơn như thế.*

*Một người lên tiếng trước: "Dạ thưa thầy, chỉ cần có một cái cuốc là xong hết ạ!".*

*Nhà hiền triết khe khẽ gật đầu.*

*Một người học trò khác như phát hiện ra điều gì mới, nói tiếp: "Dạ thưa thầy, đốt lửa để diệt cỏ cũng là một cách rất hay ạ!".*

*Nhà hiền triết im lặng mỉm cười, ra hiệu gọi một người khác.*

*Người học trò thứ ba nói: "Thưa thầy, rắc vôi lên cũng có thể diệt được hết tất cả các giống cỏ đấy ạ!".*

*Tiếp ngay sau đó là người học trò thứ tư: "Diệt cỏ phải trừ tận qốc, chỉ cẩn nhổ được rễ lớn là xong  hết!".*

*Nghe xong, nhà hiền triết đứng dậy, nói: "Bài học hôm nay đến đây là hết, các con hãy về đi, một năm nữa quay lại đây ta sẽ nói chuyện sau".*

*Một năm sau, mọi người quay trở lại thì thấy bãi cỏ dại năm trước đã biến mất, thay vào đó là cánh đồng ngô lúa xanh tươi. Họ lại ngồi quây quần gần ruộng lúa, chờ nhà hiền triết nhưng mãi vẫn không thấy ông tới.*

(Sưu tầm)

Câu 1. Văn bản trên viết về chuyện gì?

Câu 2. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?

Câu 3. Giải thích ý nghĩa ẩn dụ của các hình ảnh: cỏ dại, ngô lúa.

Câu 4. Theo anh (chị), nhà hiền triết muốn truyền cho các học trò bài học nào?

**Phần II. Làm v**ă**n (7,0**đ**i**ể**m)**

Cảm nhận của anh chị về hành động Mị chạy theo A Phủ trong “ Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài .

**HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| I |  | ĐỌC HIỂU | **3.0** |
| 1 | - Văn bản viết về chuyện nhà hiền triết và các học trò bàn cách diệt trừ cỏ dại. | 0,75 |
| 2 | - Phong cách ngôn ngữ của văn bản: nghệ thuật | 0,25 |
| 3 | - Trong văn bản này, cỏ dại ẩn dụ cho cái xấu, cái ác, cho những tâm trạng tiêu cực,...; ngô lúa ẩn dụ cho cái đẹp, cái thiện, niềm vui, hạnh phúc, sự bình yên,... trong tâm hồn mỗi con người và trong cuộc sống. | 1,00 |
| 4 | Đoạn văn đảm bảo các ý:  Nhà hiền triết muốn truyền cho các học trò bài học:  - Nuôi dưỡng, bảo vệ cái đẹp, cái thiện chính là cách tốt nhất để loại bỏ cái xấu, cái ác            - Muốn tâm hồn bình yên, thư thái hãy vun trồng, gìn giữ những suy nghĩ, cảm xúc, tư tưởng đẹp đẽ, tốt lành | 1,00 |
| II |  | Cảm nhận của anh chị về hành động Mị chạy theo A Phủ trong “ Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài . | **5,0** |
|  |  | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận | 0,25 |
|  | Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |  |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | 0,50 |
| Hành động Mị chạy theo A Phủ trong “ Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài . |  |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, so sánh); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng. | 3.50 |
| c.1/- Giới thiệu tác giả, tác phẩm *Vợ chồng A phủ* của Tô Hoài  - Giới thiệu vấn đề nghị luận: hành động Mị chạy theo A Phủ  c.2**/** Phân tích hành động Mỵ chạy theo A phủ  -Vài nét về nhân vật Mỵ:  +Là cô gái xinh đẹp, con dâu gạt nợ, bị bóc lột, đày đọa về thể xác và tâm hồn  +Cô sống vật vờ y một cái bóng “lùi lũi như 1 con rùa nuôi xó cửa”…  - Lí giải hành động Mỵ chạy theo A Phủ:  +Nhà văn đã phát hiện ra rằng bên trong tâm hồn người con gái ấy vẫn còn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng, chỉ chờ có dịp là bùng nổ mạnh mẽ . Ngay sau khi bị rơi vào cảnh làm con dâu gạt nợ cô định tự tử vì ý thức được cuộc sống tủi nhục của mình và không chấp nhận cuộc sống ấy . Nhưng sự uất ức đến nỗi muốn chết ấy lại là một biểu hiện của lòng ham sống và khát vọng tự do, vì không muốn tiếp tục một cuộc sống đầy đoạ nên cô đã tìm đến cái chết như một phương tiện giải thoát  +Tuy nhiên với tấm lòng nhân hậu đầy cảm thông, nhà văn vẫn nhận ra rằng khát vọng hạnh phúc trong Mị có thể bị vùi lấp, lãng quên đâu đó nhưng không thể bị tiêu tan .Vào một đêm tình mùa xuân trong ngày Tết, những yếu tố ngoại cảnh  đánh thức kí ức và gợi lại kỉ niệm yêu đương bị lùi vấp bấy lâu trong tâm hồn lầm lũi thường ngày, trở thành tiếng gọi của sự sống mỗi lúc một rõ , một tha thiết. Thế là từ ngoại cảnh đã tác động đến cảm xúc , tâm trạng và cuối cùng là hành động .  +Trong cái trạng thái nửa say, nửa tỉnh, lại thêm sự thôi thúc của tiếng sáo réo rắt đã dẫn Mị đến một hành động chưa từng thấy kể từ khi cô bước chân vào nhà thống lý Pá tra “cô quấn lạ tóc và với tay lấy váy mới , chuẩn bị đi chơi”.Nhưng khi bị trói Mị bỗng ý thức được cảnh ngộ hiện tại của mình và trong lòng lại trào lên một nỗi đau xót, tủi nhục. Mị lại thổn thức , miên mang nghĩ về thân phận không bằng con trâu , con ngựa của mình rồi dần thiếp đi .  + Khi Mị chứng kiến cảnh A Phủ bị bắt trói ,ban đầu Mị thật thản nhiên. Mị dường như đã trở nên vô cảm trước tất cả. Nhưng khi Mị lé mắt trông sang thấy mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại…”thì Mị lại chợt bừng tỉnh “trông người lại nghĩ đến ta”. Hình ảnh ấy khiến Mị bỗng nhớ đến câu chuyện rùng rợn về những người đàn bà bị trói đứng cho đến chết trong nhà thống lí cũng trên cái cọc này và hồi ức đưa cô về với những lần chính mình bị đánh, bị trói trước đây…Ý nghĩ A Phủ rất có thể sẽ bị chết trong đêm nay đã hoàn toàn đánh thức tình thương và lòng căm hận trong long Mị. Từ thương người đến thương thân và tình thương ấy cứ lớn dần, lớn dần để rồi dẫn Mị đến với ý thức ngày càng rõ rệt hơn về một sự thật thật tàn bạo và vô lí, bất công .Ý thức đó đã thôi thúc Mị đứng dậy cắt dây trói cho A Phủ và bất giác chạy theo anh, cùng trốn khỏi Hồng Ngài  + Hành động bộc phát nhưng thật quyết liệt đó của Mị một phần là do sự thúc bách của tình thế khiến cô không thể làm khác, bởi cô hiểu rõ “ ở đây thì chết mất”. Nhưng mặt khác, đó cũng là quá trình tất yếu của một quá trình dồn nén, bức xúc cả về thể chất lẫn tinh thần đối với Mị. Đồng thời đó cũng vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của một sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ đã được trỗi dậy trong con người Mị, kết thúc cả quãng đời đày ải, tối tăm của cô trong nhà thống lí để bắt đầu một cuộc đời mới.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật miêu tả nội tâm rất tinh tế…  c.3. Đánh giá chung:  -Nhân vật Mỵ, A Phủ có số phận đáng thương, những cuộc đời nghiệt ngã và đầy bất hạnh. Nhưng không dừng lại ở việc khai thác những nỗi đau khổ, những bất công của xã hội, của cuộc sống đã đẩy cuộc đời họ vào những bế tắc cùng cực. Mà ở đấy, các nhà văn đã tô đậm vẻ đẹp phẩm chất và tâm hồn người phụ nữ.  -Bằng tình yêu cuộc sống, khát vọng được sống mãnh liệt và với những phẩm chất tốt đẹp vốn có của người phụ nữ, họ đã vượt qua những rào cản, những bất công xã hội, vượt qua số phận bất hạnh để tìm đến hạnh phúc             - Nhà văn Tô Hoài đã góp lên tiếng nói chung- tiếng nói nhân đạo đối với họ. Không những thể hiện sự quan tâm, thông cảm, đồng cảm với những số phận bất hạnh này mà những nhà văn còn trân trọng, ngợi ca những phẩm chất cao quý của người phụ nữ-luôn hướng về ánh sáng, hướng về cái đẹp . | *0,50*  *2,25*  *0,75* |
| d. Sáng tạo | 0,50 |
| Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. |  |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu | 0,25 |
| Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | |
| ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm | |
|  | |

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA**

***-Nguyễn Minh Châu-***

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện; nghệ thuật chân chính luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời.

- Tình huống truyện độc đáo, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống.Điểm nhìn nghệ thuật đa chiều. Lời văn giản dị mà sâu sắc, dư ba.

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm truyện ngắn hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện ngắn hiện đại Việt Nam.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật truyện của Nguyễn Minh Châu;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của truyện hiện hiện đại VN trước và sau 1975;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  + Xem video clip về nhà văn, về kháng chiến chống Mĩ ở miền Nam.  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Minh Châu*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Xem một đoạn video clip về cuộc sống của người dân vùng biển.  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Sau năm 1975, miền Nam được giải phóng, Bắc Nam đã sum họp một nhà, đất nước Việt Nam bước vào giai đoạn xây dựng, phát triển trong hoà bình. Điều đó cũng đã mở ra cho văn học những tiền đề mới. Nhiều nhà văn đã trăn trở, tìm tòi hướng đi mới cho văn học: Khám phá đời sống ở phương diện đời thường, trên phương diện đạo đức, thế sự. Một trong những cây bút tiên phong mở đường tinh anh và tài năng nhất là nhà văn Nguyễn Minh Châu. Ta đã gặp một Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn đầy nghịch lý “Bến quê” và một lần nữa ta lại được tìm hiểu một truyện ngắn xuất sắc khác của ông – truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần Tiểu dẫn. (Chiếu ảnh Nguyễn Minh Châu)  **1.** Bằng hiểu biết của mình, em hãy trình bày những nét chính về tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Nguyễn Minh Châu?  2. **Tích hợp kiến thức Lịch sử: (?)**Vận dụng kiến thức lịch sử Việt Nam từ sau năm 1975 - thời hậu chiến, căn cứ vào tình hình xã hội, em hãy giải thích tác động của lịch sử lúc bấy giờ đến sáng tác của văn học các tác giả nói chung, của Nguyễn Minh Châu nói riêng?  3. Học sinh tóm tắt những nét chính của tác phẩm **Chiếc thuyền ngoài xa**?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **1. GV** chốt lại các ý chính và yêu cầu học sinh gạch chân trong SGK.  -*Nguyễn Minh Châu***:**1930-1989.  - *Quê quán*: làng Thơi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.  - *Cuộc đời*: Đầu năm 1950: ông gia nhập quân đội; từ 1952 đến 1958, ông công tác và chiến đấu tại sư đoàn 320; năm 1962, ông về phòng Văn nghệ quân đội, tạp chí Văn nghệ quân đội.  - *Sự nghiệp sáng tác*:  + Trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn;  + Từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh; ông được xem là cây bút mở đường tinh anh của văn học thời kì đổi mới.  (Chiếu cảnh chiếc thuyền ngoài xa)  - **GV:** cung cấp thêm          Sáng tác tháng 8/ 1983, lúc đầu in trong tập ***Bến quê***, sau đó lấy làm tên chung cho một tập truyện ngắn.  2. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã kết thúc. Đất nước thống nhất trong nền độc lập, hoà bình. Nhiều vấn đề của đời sống văn hoá, nhân sinh mà trước đây do hoàn cảnh chiến tranh chưa được chú ý, nay được đặt ra. Nhiều quan niệm đạo đức phải được nhìn nhận lại trong tình hình mới, nhiều yếu tố mới nảy sinh, nhất là khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới… | | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  Nguyễn Minh Châu (1930-1989): trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh, thuộc trong số những người mở đường tinh anh và tài năng(Nguyên Ngọc) của VHVN thời kì đổi mới.  **2. Tác phẩm**  - ***Chiếc thuyền ngoài xa*** tiêu biểu cho xu hướng chung của VHVN thời kì đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường.  **a. Tóm tắt tác phẩm**  **b. Bố cục**  Truyện chia  làm 3 đoạn:  + Đoạn 1: (Từ đầu đến “chiếc thuyền lới vó đã biến mất"). Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.  + Đoạn 2: (Từ “Ngay lúc ấy … với sóng gió giữa phá”): Câu chuyện của người đàn bà làng chài.  + Đoạn 3: Còn lại: Tấm ảnh trong bộ lịch năm ấy. |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu hai phát hiện của người nghje sĩ nhiếp ảnh**  **a) Mục tiêu:** HS biết  được hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh và hiểu được ý nghĩa của chi tiết.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1. GV**: nêu câu hỏi và tổ chức cho HS  thảo luận:  Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là phát hiện đầy thơ mộng. Anh (chị) cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương mà người nghệ sĩ chụp được.  **2.  GV** nêu câu hỏi và tổ chức cho HS  thảo luận:  Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đầy nghịch lí. Anh đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình thuyền chài.  3. **GV:**Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức được điều gì về cuộc đời?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **1.  Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh:**  **a. Phát hiện thứ nhất đầy thơ mộng của người nghệ sĩ nhiếp ảnh**  *- "Trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu .... tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự hoàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn".*       - Đôi mắt tinh tường, "nhà nghề” của người nghệ sĩ đã phát hiện vẻ đẹp “trời cho” trên mặt biển mờ sương, vẻ đẹp mà cả đời bấm máy anh chỉ gặp một lần. Người nghệ sĩ cảm thấy hạnh phúc - đó là niềm hạnh phúc của khám phá và sáng tạo, của sự cảm nhận cái đẹp tuyệt diệu . Trong hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa giữa biển trời mờ sương, anh đã cảm nhận cái đẹp toàn bích, hài hoà, lãng mạn của cuộc đời, thấy tâm hồn mình được thanh lọc.  **b. Phát hiện thứ hai đầy nghịch lí của người nghệ sĩ nhiếp ảnh**  - Người nghệ sĩ đã tận mắt chứng kiến: từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như trong mơ bước ra một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu; một lão đàn ông  thô kệch, dữ dằn, độc ác, coi việc đánh vợ như một phương cách để giải toả những uất ức, khổ đau... Đây là hình ảnh đằng sau cái đẹp “toàn bích, toàn thiện” mà anh vừa bắt gặp trên biển. Nó hiện ra bất ngờ, trớ trêu như trò đùa quái ác của cuộc sống.  - Chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ một cách vô lí và thô bạo, Phùng đã “kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu .... vứt chiếc máy ảnh xuống đất, chạy nhào tới”. Hành động đó nói lên nhiều điều.  **c. Ý nghĩa:**    - Phùng đã cay đắng nhận ra những ngang trái, xấu xa trong gia đình kia đã làm cho những điều huyền diệu mà anh đã phát hiện hiện hình ra thật khủng khiếp, ghê sợ.    - Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều, không phải bao giờ cũng đẹp, cũng là nghệ thuật, mà chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn giữa cái đẹp - xấu, thiện – ác.    - Người nghệ sĩ phải tìm hiểu cuộc đời trong mối quan hệ đa chiều. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu câu chuyện của của người đàn bà ở toà án huyện**  **a) Mục tiêu:** hiểu được **câu chuyện của của người đàn bà ở toà án huyện**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ GV đặt câu hỏi:**  **1.**  *Hoàn cảnh của người đàn bà hàng chài?*  2. *Trước hoàn cảnh của người đàn bà hàng chài, Đẩu - chánh án tòa án huyện đã đưa ra giải pháp gì?*  3.  *Giải pháp mà Đẩu đưa ra có được người đàn bà chấp nhận không?*  4. Trong hoàn cảnh người đàn bà hàng chài, lời khuyên của chánh án Đẩu có vẻ là một lời khuyên đúng đắn, nhưng người đàn bà nhất quyết không nghe theo, thậm chí còn van xin “quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó”. *Em hãy lý giải thông qua câu chuyện của người đàn bà hàng chài?*  **5. GV:** cho học sinh phát hiện các dẫn chứng và phân tích.  “*Đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần có người đàn ông để chèo chống lúc phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa … Đàn bà chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được”.*  *“Các chú đâu có phải là người làm ăn … cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc …”.*  a. Nhận xét về câu chuyện cuộc đời của người đàn bà hàng chài?  b. Thái độ của Phùng và Đẩu trước và sau khi nghe câu chuyện của người đàn bà có sự thay đổi như thế nào?  c. Nếu các em là Đẩu, Phùng thì sẽ làm thế nào để giải quyết vấn đề đó?  d. Câu chuyện về người đàn bà, Nguyễn Minh Châu đặt ra một vấn đề gì đang rất phổ biến trong xã hội hiện nay? (nạn bạo hành)  6. **Tích hợp kiến thức GDCD: Luật Phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 có định nghĩa Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình. Em có suy nghĩ gì về hậu quả, nguyên nhân của hành vi bạo lực gia đình qua lời kể của người đàn bà hàng chài tại toà án huyện?**  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  **1.**(Bị chồng đánh đập một cách vũ phu, tàn ác: *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng* nhưng vẫn cam chịu *“không hề kêu một tiếng, không chống trả, không tìm cách chạy trốn”*).  2. (Đẩu khuyên người đàn bà bỏ chồng vì anh tin giải pháp của mình là đúng.)  3. (Người đàn bà từ chối thiện ý của Đẩu)  4.  + Trước: Đẩu nói với giọng đầy giận dữ: “…*tôi chỉ muốn bảo ngay với chị: Chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu!”; Đẩu nói với vẻ đầy hào hứng của một con người bảo vệ công lý “chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hòa thuận”.*  + Sau: *“Không thể nào hiểu được!” “Phải, bây giờ thì tôi đã hiểu” rồi “Một cái gì vừa mới vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển”.*  5.  --> Tình trạng bạo lực gia đình:  + Nguyên nhân :   - Thói vũ phu, sự tăm tối, thất học của người  đàn ông.  - Sâu xa là do tình trạng đói nghèo, đời sống bấp bênh kéo dài gây tâm lí bế tắc, uất hận  + Hậu quả :            - Gây ra những nỗi đau triền miên về thể xác và tinh thần cho những thành viên trong gia đình (người đàn bà).          - Con cái đổ vỡ niềm tin, sống trong hận thù, căm ghét (Thằng Phác), và có nguy cơ trở thành tội phạm.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **2. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở toà án huyện:**  *c. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện*  - **Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà hàng chài nghèo khổ, lam lũ…**      +Theo lời mời của Đẩu, chánh án toà án huyện, người đàn bà hàng chài đã có mặt ở toà án huyện. Trước lời đề nghị và giúp đỡ của Đẩu và Phùng, người đàn bà dứt khoát từ chối.      +Tại toà án, chị kể về cuộc đời mình và gián tiếp giải thích lí do vì sao chị nhất quyết không thể bỏ lão chồng vũ phu      +Nếu ban đầu mới đến toà, chị sợ sệt, lúng túng, một lạy quý toà, hai lạy quý toà thì sau khi nghe lời khuyên của Đẩu, chị trở nên mạnh dạn, chủ động.  **- Câu chuyện đã giúp nghệ sĩ Phùng hiểu về người đàn bà hàng chài*(một phụ nữ nghèo khổ, nhẫn nhục, sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị tha);* về người chồng của chị (*bất kể lúc nào thấy khổ quá*là lôi vợ ra đánh); chánh án Đẩu *(có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng kinh nghiệm sống chưa nhiều)* và về chính mình *(sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận, suy nghĩ).***      +Trước khi nghe câu chuyện của người đàn bà, thái độ của anh rất cương quyết.      +Nhưng khi nghe xong câu chuyện “một cái gì đó vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ”.      +Cũng như Đẩu, nghệ sĩ Phùng im lặng sau câu chuyện của người đàn bà. Phùng nhận thấy mình đã đơn giản khi nhìn nhận cuộc đời và con người; anh chỉ nhìn người một cách phiến diện, nông nổi ngây thơ .  *\* Thông điệp nghệ thuật.*  Đừng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều.  **- Nhận xét về nghệ thuật thể hiện câu chuyện người đàn bà hàng chài:**  **+**Nguyễn Minh Châu đã xây dựng được tình huống mang ý nghĩa khám phá, phát hiện đời sống.       +Ngôn ngữ người kể chuyện: Thể hiện qua nhân vật Phùng, sự hóa thân của tác giả. Chọn người kể chuyện như thế đã tạo ra một điểm nhìn trần thuật sắc sảo, tăng cường khả năng khám phá đời sống, lời kể trở nên khách quan, chân thật, giàu sức thuyết phục.       + Ngôn ngữ nhân vật: Phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa. | |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu các nhân vật người đàn bà hàng chài**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm về tính cách, diễn biến tâm trạng nhân vật người đàn bà hàng chài  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:**   1. *Ấn tượng, suy nghĩ, cảm nhận, đánh giá về người đàn bà hàng chài? (qua ngoại hình, số phận, tính cách…)*  *2. Giả sử là người đàn bà hàng chài bị chồng đánh như thế, anh/ chị sẽ phản ứng như thế nào? Vì sao? Từ đó cho thấy nghĩa lí của cách hành xử của người đàn bà hàng chài như thế nào?*  *3. Từ việc tìm hiểu những phẩm chất, cuộc đời người đàn bà hàng chài, Nguyễn Minh Châu muốn nói lên điều gì?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày.  1. “*vốn là đứa con gái xấu lại rỗ mặt sau một bận lên đậu mùa*”. Người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn trạc ngoài 40 ,thô kệch ,rỗ mặt ,lúc nào cũng xuất hiện với " *khuôn mặt mệt mỏi* " gợi ấn tượng về một cuộc đời nhọc nhằn lam lũ  -Trong câu chuyện về cuộc đời mình, chị đã nhận thức được rất rõ sự kém may mắn của mình: “*cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai của một hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả về đan lưới*”.  + Hành động và lời nói của người chồng :“*trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ, đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ*”.  + Trước hành động rất tàn bạo của người chồng, người đàn bà hàng chài đã "*không hề kêu một tiếng, không chống trả cũng không tìm cách chạy trốn*".  + Chồng đánh như vậy, chị ta đâu có khóc  + Nhưng chỉ sau khi biết được hành động vũ phu của chồng đã bị thằng Phác và người khách lạ (nghệ sĩ Phùng) phát hiện chị lại cảm thấy đau đớn, vừa đau đớn, vừa vô cùng xấu hổ và nhục nhã. Nhiều khi, sự đau đớn do đòn roi không thể làm con người ta bật khóc, điều này đúng trong trường hợp của người đàn bà hàng chài. Những giọt nước mắt đau đớn chứa đựng biết bao sự nhọc nhằn chỉ thực sự rơi khi thấy đứa con yêu của mình chứng kiến cảnh tượng mình bị chồng đánh, chỉ thực sự rơi khi có người khách lạ chứng kiến.  + Được mời đến tòa án huyện để giải quyết việc gia đình, lúc đầy chị ta rụt rè, tìm một góc tường ở chốn công đường kia để ngồi. Nhà văn có miêu tả, đây không phải là lần đầu người đàn bà đến chốn công đường nhưng người đàn bà ấy vẫn có cái vẻ sợ sệt, lúng túng- cái sợ sệt lúng túng ấy ngay lúc chị ta đứng ở bãi xe tăng cũng không hề thấy có. Chị thấy sợ hãi khi đến một không gian lạ. Chị ta thật tội nghiệp, cái thế ngồi bị động, ngồi vào mép ghế và cố thu người lại, ngồi như thể để tự vệ cho dù đã được Đẩu nói bằng những lời rất thân mật, chia sẻ, cảm thông.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.*  *1.*Nguyễn Minh Châu đã dụng công nhấn vào sự thay đổi ngôn ngữ và tâm thế của người đàn bà hàng chài. Ban đầu, khi gặp chánh án Đẩu, chị còn xưng “con” và có lúc đã van xin, “con lạy quý tòa”… *“Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó”*. Nhưng khi thấy Phùng xuất hiện, đang cúi gục lập tức người đàn bà hàng chài ngẩng lên, nhìn thẳng, “*chị cám ơn các chú…. Lòng cách chú tốt nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn… cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc*”. Vẻ bề ngoài khúm núm, sợ sệt, điệu bộ khác, ngôn ngữ khác đã làm cho cả Đẩu và Phùng hết sức ngạc nhiên. Người đàn bà hàng chài kia không hề giản đơn như Đẩu và Phùng nghĩ. Thì ra, cái nghề chài lưới trên một chiếc thuyền vó bè lênh đênh không thể thiếu bàn tay và sức lực của người đàn ông. Để duy trì sự tồn tại cho cả gia đình thì họ phải hợp sức lại mà làm quần quật để nuôi một đàn con nhà nào cũng trên dưới chục đứa, "*đám đàn bà ở thuyền chúng tôi cần có một người đàn ông chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng một sắp con nhà nào cũng trên chục đứa*" Tình cảnh của người đàn bà hàng chài kia cũng như của bao gia đình hàng chài khác, trừ phi chị nói “*giá tôi đẻ ít đi hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn”.*  + Trong câu chuyện kể về cuộc đời mình, người đàn bà hàng chài kia đã chấp nhận đau khổ, coi nỗi khổ vận vào đời mình như một lẽ đương nhiên. Chị sống cho con chứ không phải là sống cho mình.*"Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ  không thể sống cho mình như ở trên đất được".* Nếu những phụ nữ trên các thuyền  khác chấp nhận người đàn ông uống rượu thì chị cũng chấp nhận để chồng đánh chỉ xin chồng là đánh ở trên bờ, đừng để các con nhìn thấy. Đó là một cách ứng xử rất nhân bản.  + Ở đây, lẽ đời đã chiến thắng. Người lao động lam lũ, nghèo khổ không có uy quyền nhưng có cái tâm của một người thương con, thấu hiểu lẽ đời cũng là một thứ quyền uy có sức công phá lớn. Nó đã làm chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng nhận thức  được nhiều điều. Nhận thức  được, nỗi nhọc nhằn vất vả trong công việc làm ăn của cư dân vùng biển.  Nhận thức được cuộc sống bấp bênh khiến họ phải chấp nhận không ít những nghịch cảnh, những ngang trái. Nhận thức  được người đàn bà kia không hề chịu đòn roi một cách vô lí, cả Đầu và Phùng chua chát nhận ra rằng: trên thuyền cần có một người đàn ông… dù hắn man rợ, tàn bạo, cần có một người đàn ông để chèo chống khi biển phong ba bão táp.  Nhận thức được ở người phụ nữ ấy chứa đựng mẫu tính sâu xa như một bản năng: “*Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ*”, những lời lẽ ấy của người đàn bà hàng chài được thốt lên từ một niềm tin đơn giản mà vững chắc vào cái thiên chức mà trời đã giao phó cho người đàn bà. Thức nhận được rằng, người đàn bà hang chài kia rất biết tìm cho mình những niềm vui, hạnh phúc dẫu rất nhỏ nhoi trong cuộc sống đầy khó khăn. Ở chị vững bền một niềm tin, một tình yêu và sự lạc quan vào cuộc sống. Hãy biết sống ngay khi cả cuộc đời không thể chịu được nữa, nụ cười chợt ửng sáng lên trên khuôn mặt rỗ chằng chịt chị nghĩ đến “*trên thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận vui vẻ*” và niềm vui “*nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no*” . Hạnh phúc với người đàn bà hàng chài kia thật giản dị mà không kém phần sâu sắc. Nhân thức  được nỗi đau, cũng như sự thâm trầm trong việc thấu hiểu các lẽ đời người đàn bà kia không bao giờ để lộ ra bên ngoài cả.  *- GV:* Tích hợp kiến thức GDCD: Sự bùng nổ dân số và trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế sự bùng nổ về dân số. (Bùng nổ dân số là sự gia tăng dân số một cách quá nhanh trong một thời gian ngắn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội; Trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế sự bùng nổ về dân số: Nghiêm chỉnh thực hiện luật hôn nhân và gia đình.  Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình và những người xung quanh thực hiện tốt luật hôn nhân và gia đình, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình của nhà nước). | **b. Các nhân vật trong câu chuyện:**  *-Nhân vật người đàn bà hàng chài*                       Người đàn bà  https://docs.google.com/drawings/d/s8l8GgUarghPzYzjipmZALg/image?parent=1Lh2ToUMU1gnTp19bNL3yb7O2JZmJDIUe&rev=1&drawingRevisionAccessToken=OEwNfrAznD61Xw&h=108&w=1&ac=1    Vẻ bề ngoài           Phẩm chất bên trong        Xấu xí                 Vị tha, giàu đức hi sinh   Lam lũ, rách rưới   Chắt chiu hạnh phúc  Cam chịu                  Sâu sắc trải đời  đáng thương  \* Ngoại hình: có vẻ ngoài xấu xí, thô kệch và mệt mỏi:  \* Số phận, cuộc đời:  + Số phận kém may mắn:  + Cuộc đời lam lũ, vất vả..gia đình đông con và nghèo khổ *suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái ăn toàn cây xương rồng luộc chấm muối*, có khi bị chồng đánh thô bạo *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng.*  *+* Nỗi đau lớn trong tâm hồn: Nhận biết hoàn cảnh gia đình mình nếu tiếp tục con chị sẽ phạm tội, gia đình tan nát.  \* Tính cách:  - *Một người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục*.    - *Giàu lòng tự trọng.*  - *Sống rất sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, hiểu chồng, thương con vô bờ bến, một người phụ nữ vị tha, giàu đức hy sinh.*  → Cuộc đời, con người đầy những nghịch lí, không xuôi chiều.  *→ Cần phải nhìn nhận con người trong từng hoàn cảnh cụ thể*. | |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu nhân vật còn lại: người đàn ông, Phác, Phùng và Đẩu**  **a) Mục tiêu:** hiểu được những đặc điểm tính cách của các nhân vật.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1, GV đặt câu hỏi về nhân vật người đàn ông**  (?)*Người đàn ông hàng chài xuất hiện như thế nào? Sự xuất hiện đó gây ấn tượng gì về ngoại hình, về hành vi?*  (?)*Tại sao người đàn ông không dùng cách nào khác để giải quyết bi kịch của mình mà trút nỗi bực dọc vào việc đánh vợ rất tàn nhẫn?*  **GV***gợi ý tiếp: Cách nhìn nhận gã chồng vũ phu của người đàn bà hàng chài có gì khác so với cách nhìn nhận và thái độ của Đẩu, Phùng và bé Phác? Nhận xét chung về tính cách người đàn ông?*  (?)*Tính cách của người đàn ông được khắc hoạ qua những điểm nhìn nào?*  ***2. GV đặt câu hỏi về nhân vật Phác***  (?)*Nêu cảm nghĩ về hành vi của Phác đối với bố?*  (?)*Hoá thân vào nhân vật để nêu cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Phác khi thấy mẹ bị bố hành hạ, sau hành động đánh lại bố và lúc lau nước mắt cho mẹ.*  (?)*Hãy tưởng tượng cách ứng xử khác của Phác khi thấy mẹ bị bố đánh tàn nhẫn*  ***3. GV đặt câu hỏi về nhân vật Phùng và Đẩu***  *(?) Cảm nhận của em về nhân vật Phùng và Đẩu trong truyện?*  ***4.Ý nghĩa của chi tiết tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”:***  (?) *Tại sao trong bức ảnh được chọn, dù là tấm ảnh đen trắng nhưng khi nhìn vào, Phùng lại thấy “màu hồng hồng của ánh sương mai” và hình ảnh “người đàn bà” hòa lẫn vào đám đông? Phải chăng đây là một kết thúc có dụng ý của nhà văn? Em hãy chỉ ra dụng ý đó?*  (?) *Từ đó, Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **-Người đàn ông:**  - Dáng vẻ khắc khổ, lam lũ nhưng mạnh mẽ và dữ dội: *“Lưng rộng và cong như một chiếc thuyền”, “mái tóc tổ quạ”, “chân đi chữ bát”, “hai con mắt độc dữ”*  - Vốn là một anh con trai hiền lành, chỉ vì *“nghèo khổ, túng quẫn”*, nhiều lo toan, cực nhọc mà trở thành người đàn ông độc ác, người chồng vũ phu.  - Khi nào thấy khổ là lão đánh vợ: *“lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà”,* đánh như để giải toả uất ức, để trút sạch tức tối, buồn phiền.  - Qua cái nhìn của người đàn bà: nạn nhân của hoàn cảnh nên đáng được cảm thông, chia sẻ.  - Qua cái nhìn của chánh án Đẩu, nghệ sĩ Phùng và bé Phác: người vũ phu, thủ phạm gây đau khổ nên đáng căm phẫn, đáng lên án.  **🡪 Vừa là nạn nhân của cuộc sống khốn khổ, vừa là thủ phạm gây đau khổ cho những người thân.**  **=> Phải có cái nhìn đa diện, nhiều chiều về cuộc sống và con người.**  **- Chị em Phác:**  + Chị Phác:    \* Một cô bé ốm yếu mà can đảm, phải vật lộn để tước lấy con dao từ tay Phác, không cho nó làm việc trái với luân thường đạo lí.    \* Trong lòng tan nát vì đau đớn: bố điên cuồng hành hạ mẹ, vì thương mẹ mà thằng em định cầm dao ngăn bố lại…  🡪 Có những hành động đúng đắn, biết lo toan, là chỗ dựa vững chắc cho người mẹ.  + Phác: Thương mẹ theo kiểu trẻ con xốc nổi, theo cách của đứa con trai vùng biển.   +  Nó *“lặng lẽ đưa ngón tay lên khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong nốt rỗ chằng chịt”*  *+*Nó *“tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh”*  🡪 Phản ứng dữ dội, tình thương mẹ dạt dào.  **=> Tình huống khó xử, nỗi đau khó giải quyết: đứng về ai, làm thế nào để trọn đạo làm con?**  **- Nghệ sĩ Phùng:**    +Nhạy cảm trước cái đẹp của thiên nhiên, trước vẻ đẹp tinh khôi của thuyền biển lúc bình minh.     + Xúc động mãnh liệt trước tình trạng con người phải chịu sự bạo hành của cái xấu, cái ác.     + Phát hiện vẻ đẹp tâm hồn con người: đằng sau vẻ xấu xí người đàn bà là một tâm hồn yêu thương, vị tha…     + Rút ra chân lí về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống:      \* Trước khi rung động trước cái đẹp nghệ thuật phải biết yêu ghét, vui buồn trước cuộc đời.      \* Phải biết hành động để có một cuộc sống xứng đáng với con người.  **- Chánh án Đẩu:**  + Vị Bao Công của vùng biển, quan tâm người bất hạnh  +*“Vỡ ra”* nhiều vấn đề về cách nhìn nhận, đánh giá con người:  \* Cuộc đời người đàn bà này không hề giản đơn  \* Trong hoàn cảnh này, cách hành xử của người đàn bà là không thể khác  \* Giải pháp *“bỏ chồng”* mà Đẩu áp dụng là không ổn.  **3. Tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”:**  - Mỗi lần nhìn kĩ bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ đều thấy “hiện lên cái mùa hồng hồng của ánh sương mai”  🡪 Chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời.  - Nhưng nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy *“người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh”*  🡪 Hiện thân của những lam lũ, khốn khó của đời thường, là sự thật cuộc đời đằng sau bức  tranh.  => Quan niệm: nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc đời và phải là cuộc đời, luôn luôn vì cuộc đời. | |
| **Hoạt động 6: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:** *Nêu đánh giá thành công về nội dung của truyện?*    **GV** tổ chức cho HS tìm hiểu cốt truyện:  Cách xây dựng cốt truyện của Nguyễn Minh Châu trong tác phẩm này có gì độc đáo?  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  **HS** tiến hành:  a) Tóm tắt lại tình huống.  + Tình huống 1: Phùng rung động, say mê trước cảnh đẹp *“trời cho”*    + Tình huống 2: Trong giây phút tâm hồn thăng hoa, anh bất ngờ chứng kiến cảnh tượng người đàn ông đánh vợ    + Phùng còn chứng kiến cảnh tượng đó thêm lần nữa: người đàn bà nhẫn nhục, hành động của chị em Phác    + Từ đó, Phùng có cách nhìn đời khác đi. Anh thấy rõ cái ngang trái, hiểu thêm về người đàn bà, chị em Phác, hiểu sâu thêm bản chất của người bạn đẩu và hiểu chính mình  b) Bình luận về ý nghĩa của tình huống  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  *Chiếc thuyền ngoài xa thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.*  **2. Đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm:**  **a.  Xây dựng tình huống truyện:**    - Độc đáo, hấp dẫn, mang  ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống    🡪 Tình huống được đẩy lên cao trào và ngày càng xoáy sâu để thể hiện tính cách con người và cuộc đời.  **b. Nghệ thuật kể chuyện:**sinh động     - Người kể chuyện: là nhân vật Phùng  🡪 tạo ra điểm nhìn trần thuật sắc sảo, có khả năng khám phá đời sống; lời kể khách quan, chân thực, thuyết phục  **- Ngôn ngữ nhân vật:** phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người     + Giọng điệu lão đàn ông: thô bỉ, tàn nhẫn, tục tằn, hung bạo     + Những lời của người đàn bà: dịu dàng, xót xa khi nói với con, đơn đau và thấu trải lẽ đời khi nói về mình     + Lời của Đẩu: giọng điệu của người tốt bụng, nhiệt thành.  🡪 Góp phần khắc sâu thêm chủ đề - tư tưởng của truyện. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1c, 2c, 3d, 4a, 5c  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Thông tin nào sau đây về Nguyễn Minh Châu là **chưa** chính xác? a. Xuất thân trong một gia đình nông dân. b. Vào bộ đội khi đang học dở cấp ba. **c. Là nhà văn thành công chủ yếu ở thể loại truyện ngắn và thơ.** d.Năm 2000 ông được tặng giải thưởng hồ chí minh về văn học nghệ thuật.  **Câu hỏi 2:** Nguyễn Minh Châu là nhà văn thuộc thế hệ nào?  a.Trưởng thành từ trước cách mạng. b. Trưởng thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp. **c. Trưởng thành trong kháng chiến chống đế quốc Mĩ.** d. Trưởng thành từ sau năm 1975.  **Câu hỏi 3:** Sáng tác của Nguyễn Minh Châu có những thiên hướng nào? a. Trữ tình lãng mạn. b. Cảm hứng thế sự. c. Giai đọan đầu là cảm hứng thế sự, giai đọan sau thiên về trữ tình lãng mạn. **d. Giai đọan đầu là trữ tình lãng mạn, giai đọan sau chuyển sang cảm hứng thế sự.**  **Câu hỏi 4:** Truyện “Chiếc thuyền ngoài xa” được kể theo cách nào?  **a. Nhà văn cho nhân vật Phùng – người phóng viên kể lại câu chuyện.** b. Nhà văn đứng ngoài câu chuyện kể lại. c. Nhà văn cho nhân vật chú bé Phác kể lại câu chuyện. d. Nhà văn cho nhân vật Đẩu – vị chánh án tòa kể lại câu chuyện  **Câu hỏi 5:** Vì sao người mẹ của Phác lại thường xuyên bị người chồng đánh đập?  a. Vì người chồng say rượu. b. Vì người chồng bản tính độc ác, tàn bạo. **c. Vì người chồng khổ quá nên đã trút nỗi hận vào người vợ.** d. Vì người vợ không chịu nghe lời người chồng.  -  **HS** thực hiện nhiệm vụ:  -**HS** báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Câu 1: Những ý chính của văn bản:          Văn bản tả lại một *cảnh đắt trời cho* là cảnh chiếc thuyền lưới vó ẩn hiện trong biển sớm mờ sương có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào…Với người nghệ sĩ, khung cảnh đó chứa đựng *chân lí của sự hoàn thiện,* làm dấy lên trong  Phùng những xúc cảm  thẩm mĩ, khiến tâm hồn anh như được gột rửa, thanh lọc.  Câu 2 : Các phương thức biểu đạt trong văn bản : tự sự, miêu tả và biểu cảm.  Câu 3 : Câu văn *Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ*sử dụng biệp pháp tu từ so sánh:  *trắng như sữa, im phăng phắc như tượng*.  Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh đó là: làm đậm thêm chất tạo hình của bức tranh chiếc thuyền ngoài xa khi tiến vào bờ.  Câu 4 : Các tính từ láy *loè nhoè, hồng hồng, phăng phắc, khum khum* đạt hiệu quả nghệ thuật trong việc thể hiện bức tranh chiếc thuyền ngoài xa: làm tăng cường thêm độ huyền ảo, như hư như thực của bức tranh vào buổi sớm mai.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**  *Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh …………………… khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần tâm hồn.*  (Trích*Chiếc thuyền ngoài xa* – Nguyễn Minh Châu)  Đọc đoạn văn trên và trả lời các câu hỏi sau :  1. Nêu những ý chính của văn bản?  2. Xác định các phương thức biểu đạt trong văn bản ?  3. Câu văn *Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ*sử dụng biệp pháp tu từ gì? Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?  4. Các tính từ láy *loè nhoè, hồng hồng, phăng phắc, khum khum* đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào trong việc thể hiện bức tranh chiếc thuyền ngoài xa?  -**HS** thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\* Hướng** **dẫn về nhà:**

**- Củng cố:** Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm.

  - Dặn dò: soạn bài **THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết khái niệm, cách thức tạo hàm ý thông dụng;

- HS hiểu và lí giải được hàm ý trong giao tiếp và trong văn bản, nhất là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật;

- Khái niệm hàm ý

      -Một số cách thức tạo hàm ý thông dụng

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có sử dụng hàm ý;

- Năng lực đọc – hiểu văn bản để tìm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về hàm ý trong hoạt động ngôn ngữ và trong tạo lập văn bản;

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** Tổ chức Trò chơi ô chữ liên quan đến hàm ý  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  Tổ chức Trò chơi ô chữ liên quan đến hàm ý  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong cuộc sống giao tiếp hằng ngày, đôi khi con người trao đổi với nhau một vấn đề, một ý tưởng gì đó nhưng con người không diễn đạt trực tiếp ra bằng từ ngữ, mà chủ ý nói bằng một lối khác, để người nghe suy ra nội dung cốt làm cho lời nói có ý vị, tế nhị hơn, có ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là cách nói hàm ý. Hôm nay chúng ta sẽ tiến hành thực hiện bài học Thực hành về Hàm ý để khắc sâu kiến thức đã học.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: thực hành về hàm ý**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ***GV yêu cầu HS ôn về khái niệm hàm ý****:*Hàm ý: Là những nội dung, ý nghĩ mà người nói không nói ra trực tiếp bằng từ ngữ, tuy vẫn có ý định truyền báo đến người nghe. Còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh của câu và tình huống giao tiếp để suy ra thì mới hiểu đúng, hiểu hết ý của người nói.  **Gv yêu cầu HS làm bài tập. Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận về 4 bài tập**  ***Bài tập 1:***  Đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các câu hỏi (SGK). A Phủ đã cố ý vi phạm phương châm về lượng khi giao tiếp như thế nào?  ***Bài tập 2: Đọc đoạn trích (SGK) và trả lời các câu hỏi:***  a) ở phần sau của cuộc hội thoại anh thanh niên đã cố ý đi chệch ra ngoài đề tài “hỏi đường- chỉ đường” như thế nào? Những thông tin về cuộc trường kì kháng chiến có quan hệ và có cần thiết đối với đề tài đó không?  b) Hàm ý của anh thanh niên có ý nói dài dòng về những điều không liên quan gì đến cuộc hội thoại là gì?  c) Kết luận về hàm ý khi người nói chủ ý vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp.  ***Bài tập 3: Đọc và phân tích đoạn trích (SGK)***  a) Bá Kiến nói: “Tôi không phải là cái kho”. Nói thế là có hàm ý gì?. Cách nói như thế có đảm bảo phương châm cách thức không?  b) Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Bá Kiến có những câu dạng câu hỏi. Những câu đó nhằm mục đích gì, thực hiện hành động nói gì? Chúng có hàm ý gì?  c) ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Chí Phèo đều không nói hết ý. Phần hàm ý còn lại được tường minh hoá ở lượt lời nào? Cách nói ở hai lượt lời đầu của Chí Phèo không đảm bảo phương châm hội thoại nào?  ***Bài tập 4: Đọc và phân tích truyện cười (SGK)***  a) Lượt lời thứ nhất của bà đồ nhằm mục đích gì, thực hiện hành động nói gì, có hàm ý gì?  b) Vì sao bà đồ không nói thẳng ý mình mà chọn cách nói như trong truyện?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **II. Thực hành về hàm ý**  ***Bài tập 1:***  - Lời đáp của A Phủ thiếu thông tin cần thiết nhất của câu hỏi: Số lượng bò bị mất (mất mấy con bò?). A Phủ đã lờ yêu cầu này của Pá Tra.  - Lời đáp có chủ ý thừa thông tin so với yêu cầu của câu hỏi: A Phủ không nói về số bò mất mà lại nói đến công việc dự định và niềm tin của mình (Tôi về lấy súng thế nào cũng bắn được con hổ này to lắm)  - Cách trả lời của A Phủ có độ khôn khéo: Không trả lời thẳng, gián tiếp công nhận việc để mất bò. Nói ra dư định “lấy công chuộc tội” (bắn hổ chuộc tội mất bò); chủ ý thể hiện sự tin tưởng bắn được hổ và nói rõ “con hổ này to lắm”.  Cách nói hòng chuộc tội, làm giảm cơn giận dữ của Pá Tra . Câu trả lời của A Phủ chứa nhiều hàm ý.  Bài tập 2:  a) Anh thanh niên đi chệch ra ngoài đề tài “hỏi đường- chỉ đường” bằng cách đọc thụôc lòng cả một bài dài đến dăm trang giấy về “cuộc trường kì kháng chiến”. Nghĩa là anh ta vi phạm phương châm quan hệ trong hội thoại đồng thời vi phạm cả phương châm về lượng (nói thừa lượng thông tin).  - Các thông tin về cuộc kháng chiến không hề liên quan đến đề tài “hỏi đường - chỉ đường”.  b) Hàm ý của anh thanh niên  - Chủ ý tuyên truyền một cách hồn nhiên cho đường lối kháng chiến.  - Muốn bộc lộ sự kiêu hãnh, tự hào khi được tham gia vào một công cuộc lớn lao mà ở nông thôn vào thời điểm bấy giờ ít có dịp và ít có người làm được. Đó là cách thể hiện bầu nhiệt huyết, hiềm say mê đối với cuộc kháng chiến. Đó là điểm đáng trân trọng, đáng ca ngợi tuy sự bộc lộ không được đúng chỗ (không phù hợp với cuộc thoại) và hơi quá mức độ (nói dài dòng) thừa lượng thông tin mà cuộc thoại cần đến.  c) Kết luận: Khi người nói chủ ý vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp, để hàm ý có tác dụng cần: nói đúng chỗ, phù hợp với cuộc hội thoại và diễn đạt ngắn gọn, đúng lượng thông tin mà cuộc thoại cần đến.  ***Bài tập 3:***  a) Câu nói của Bá Kiến với Chí Phèo: “Tôi không phải là cái kho” có hàm ý: Từ chối trước lời đề nghị xin tiền như mọi khi của Chí Phèo (cái kho - biểu tượng của của cải, tiền nong, sự giàu có. Tôi không có nhiều tiền)  Cách nói vi phạm phương châm cách thức (không nói rõ ràng, rành mạch. Nếu nói thẳng thì nói: Tôi không có tiền để cho anh luôn như mọi khi.  b) Trong lượt lời thứ nhất của Bá kiến có câu với hình thức hỏi: “Chí Phèo đấy hử?”  Câu này không nhằm mục đích hỏi không yêu cầu trả lời, vì Chí Phèo đã đứng ngay trước mặt Bá Kiến. Thực chất, Bá Kiến dùng câu hỏi để thực hiện hành vi hô gọi, hướng lời nói của mình về đối tượng báo hiệu cho đối tượng biết lời nói đang hướng về đối tượng (Chí Phèo) hay là một hành động chào kiều trịch thượng của kẻ trên đối với người dưới. Thực hiện hành vi ngôn ngữ theo kiểu giao tiếp như vậ cũng là hàm ý.  - Trong lượt lời thứ nhất của Bá Kiến, câu mang hình thức câu hỏi là: “Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?" . Thực chất câu này không nhằm mục đích hỏi mà nhằm mục đích thúc giục, ra lệnh: hãy làm lấy mà ăn. Đó cũng là câu nói thực hiện hành vi ngôn ngữ theo lối gián tiếp, có hàm ý.  c) ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của mình, Chí Phèo không nói hết ý, chỉ bác hỏ hàm ý trong câu nói của Bá Kiến: “Tao không đến đây xin năm hào”, “Tao đã bảo tao không đòi tiền”.  Vậy đến đây để làm gì? Điều đó là hàm ý. Hàm ý này được tường minh hoá, nói rõ ý ở lượt lời cuối cùng: “Tao muốn làm người lương thiện”. Cách nói vừa để thăm dò thái độ của Bá Kiến vừa tạo ra kịch tính cho cuộc thoại.  ***Bài tập 4:***  a) Lượt lời thứ nhất bà đồ nói: “Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?. Câu nói có hình thức hỏi nhưng không nhằm mục đích để hỏi mà nhằm gợi ý một cách lựa chọn cho ông đồ.  Qua lượt lời thứ hai của bà đồ chứng tỏ trong lượt lời thứ nhất của bà có hàm ý: Khuyên ông nên sử dụng giấy cho có ích lợi; cho rằng ông đồ viết văn kém, ông dùng giấy để viết văn chỉ thêm lãng phí, hay bỏ phí giấy, vứt giấy đi một cách lãng phí.  b) Bà đồ chọn cách nói có hàm ý vì lí do tế nhị, lịch sự đối với hcồng, bà không muốn trực itếp chê văn của chồng mà thông qua lời khuyên để gợi ý cho ông đồ lựa chọn. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về cách thức tạo câu có hàm ý**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được tình huống truyện.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV nêu vấn đề: Qua những  phần trên, anh (chị) hãy xác định: để nói một câu có hàm ý, người ta thường dùng những cách thức nói như thế nào? Chọn phương án trả lời thích hợp (SGK)  HS suy nghĩ, tổng hợp và trả lời.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Cách thức tạo câu có hàm ý**      Để có một câu có hàm ý, người ta thường dùng cách nói chủ ý vi phạm một (hoặc một số) phương châm hội thoại nào đó, sử dụng các hành động nói gián tiếp (Chủ ý vi phạm phương châm về lượng (nói thừa hoặc thiếu thông tin mà đề tài yêu cầu; chủ ý vi phạm phương châm quan hệ, đi chệch đề tài cuộc giao tiếp; chủ ý vi phạm phản cách thức, nói mập mờ, vòng vo, không rõ ràng rành mạch. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1a, 2c,3b  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:**  Thế nào là hàm ý?  **a. Là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra được từ những từ ngữ ấy.** b. Là những ý ẩn trong câu nói (viết) mà nguời nói (viết) tin tưởng rằng người nghe (đọc) sẽ suy đóan ra được . c.  Là ý ẩn kín trong câu nói. d.Là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nói.  **Câu hỏi 2:** Khi nào thì người nói (người viết) có thể sử dụng hàm ý?  a. Khi thấy cần phải nói thẳng ra những điều muốn nói. b. Khi thấy không cần thiết phải cho người nghe (người đọc) hiểu được hết ý của mình. **c. Khi không muốn thể hiện trực tiếp cái ý của mình nhưng biết người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán được điều đó.** d. Khi không muốn chịu trách nhiệm về lượng thông tin mà mình thông báo.  **Câu hỏi 3:** Cho câu hỏi: “Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?”  a. Rất thích. **b. Ai mà chẳng thích.** c. Thích nhất trong các truyện ngắn Việt Nam. d. Không thích lắm.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Bạn Sơn có tiến bộ đáng kể về môn Toán.      − Sơn có uy tín hơn đối với các bạn trong lớp       − Sơn đã học giỏi môn Văn, nay giỏi Toán nữa là toàn diện       − Sơn có thể sớm được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh       − Sơn có thể đạt danh hiệu HS giỏi       − Bố mẹ Sơn sẽ rất phấn khởi       − Có thể bố mẹ Sơn sẽ mua xe máy cho Sơn…       2. Anh Ba đã bỏ hẳn thuốc lá.       − Anh Ba sẽ khoẻ hơn       − Anh Ba sẽ tiết kiệm được một khoản chi không nhỏ       − Anh Ba đã làm gương cho các em trai       − Anh Ba sẽ được chị Hoa chấp nhận lời tỏ tình (điều kiện của chị Hoa là anh Ba phải cai thuốc lá!)       − Anh Ba là người trọng lời hứa       − Anh Ba là người có nghị lực đáng nể  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV đặt câu hỏi:**  Xác định hàm ý các câu nói sau:  1. Bạn Sơn có tiến bộ đáng kể về môn Toán.   2. Anh Ba đã bỏ hẳn thuốc lá  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\* Hướng dẫn về nhà**

**- Củng cố:** Tìm mối liên hệ giữa cách nói hàm ý với nói bóng, nói vòng, nói lửng.

+ Tìm hàm ý trong các câu chuyện ngụ ngôn.

**- Dặn dò:** soạn bài **MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN**

Trường:..........................

Tổ:....................................

**MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN**

(Trích)

**Ma Văn Kháng**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

- Không khí ngày Tết cổ truyền trong gia đình ông Bằng.

- Những nét tính cách đối lập.

*- Nghệ thuật kể chuyện, thể hiện tâm lí nhân vật…*

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện của Ma Văn Kháng;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của đoạn trích;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Ma Văn Kháng*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Xem trang ảnh về cảnh cúng tất niên, cách đón năm mới trong thời kì những năm 80 của thế kỉ XX;  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong truyện Những đứa con trong gia đình của nhà văn Nguyễn Thi, chúng ta đã thấy được sức mạnh của truyền thống gia đình khi đất nước có chiến tranh. Vậy truyền thống đó có tiếp tục phát huy, giữ gìn hay bị lung lạy khi đất nước chuyển mình bước sang thời kì mới, thời kỳ của nền kinh tế thị trường? Để thấy rõ điều này, chúng ta cùng tìm hiểu một đoạn trích trong tiểu thuyết của nhà văn Ma Văn Kháng.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  **- GV** gọi HS đọc phần *Tiểu dẫn*, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, giới thiệu những nét chính về cuộc đời tác giả.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | | I. Tìm hiểu chung  **1. Tác giả**  -Ma Văn Kháng, tên khai sinh là Đinh Trọng Đoàn, sinh năm 1936, quê gốc ở phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội, là người có nhiều đóng góp tích cực cho sự vận động và phát triển nhiều mặt của văn học nghệ thuật. Ông được tặng giải thưởng văn học ASEAN năm 1998 và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001.  -Tác phẩm chính (SGK)  **2. Mùa lá rụng trong vườn**        Tiểu thuyết được tặng giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1986. Thông qua câu chuyện xảy ra trong gia đình ông Bằng, một gia đình nền nếp, luôn giữ gia pháp nay trở nên chao đảo trước những cơn địa chấn tinh thần từ bên ngoài, nhà văn bày tỏ niềm lo lắng sâu sắc cho giá trị truyền thống trước những đổi thay của thời cuộc . |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu nhân vật chị Hoài**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được tình huống truyện.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. GV tổ chức cho HS đọc, tóm tắt và tìm hiểu nhân vật chị Hoài. Có thể nêu câu hỏi:  Anh (chị) có ấn tượng gì về nhân vật chị Hoài? Vì sao mọi người trong gia đình đều yêu quí chị?  2. GV tổ chức cho HS tìm hiểu cảnh sum họp gia đình trước giờ cúng tất niên bằng các câu hỏi:  a) Phân tích diễn biến tâm lí hai nhân vật ông Bằng và chị Hoài trong cảnh gặp lại trước giờ cúng tất niên.  b) Khung cảnh tết và dòng tâm tư cùng với lời khấn của ông Bằng trước bàn thờ gợi cho anh (chị) cảm xúc và suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá riêng của dân tộc ta? (GV gợi dẫn: Tìm những chi tiết miêu tả về khung cảnh ngày tết, cử chỉ, lời khấn của ông Bằng trong đoạn văn cuối)  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  GV: Khung cảnh tết và dòng tâm tư cùng với lời khấn của ông Bằng trước bàn thờ gợi cho anh (chị) cảm xúc và suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá riêng của dân tộc ta?  + HS: làm việc cá nhân, trình bày suy nghĩ của mình trước lớp | **II. Hướng dẫn đọc thêm:**  **1. Nhân vật chị Hoài:**  - Dù hiện tại đã xó gia đình riêng, có một số phận khác, ít còn liên quan đến gia đình người chồng đầu tiên đã hi sinh, nhưng chị vẫn quan tâm đến những biến động của họ.  🡪 Tình nghĩa, thuỷ chung.  - Mọi người trong gia đình đều yêu quý chi Hoài:  + Chị có một tấm lòng nhân hậu:  đột ngột trở về sum hpọ cùng gia đình người chồng cũ trong buổi chiều cuối năm  những món quà quê giản dị của chị chứa đựng những tình cảm chân thành.  Quan tâm cụ thể, mộc mạc và nồng hậu tất cả thành viên trong gia đình bố chồng.  + Chị trở kại khi gia đình ấy có những thay đổi không vui, rạn vỡ trong quan hệ do biến động xã hội.  🡪 Sự có mặt của chị gắn kết mọi người, đánh thức tình cảm thiêng liêng về gia tộc, khiến cho bữa cơm tất niên “sang trọng và hân hoan khác thường” trong thời buổi khó khăn.  **2. Diễn biến tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài trong cảnh gặp lại:**  - Ông Bằng:  + “nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên”,  + "ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngơ ngẩn. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông bật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khó oà”,  + “giọng ông bỗng khê đặc, khàn rè: Hoài đấy ư, con? “.  🡪 Nỗi vui mừng, xúc động không dấu giếm của ông khi gặp lại người đã từng là con dâu trưởng mà ông rất mực quí mến.  - Chị Hoài:  + “gần như không chủ động được mình, lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản... kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa”.  + Tiếng gọi của chị nghẹn ngào trong tiếng nấc “ông!”  🡪 Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một nỗi tiếc thương đau buồn, lo lắng trước những biến động không vui của gia đình.  🡪 Sự có mặt của chị Hoài khiến nỗi cô đơn của ông Bằng được giải toả, như có thêm niềm tin trong cuộc đấu tranh gìn giữ những gì tốt đẹp trong truyền thống gia đình.  **3. Ý nghĩa của việc cúng tổ tiên trong ngày tết:**  - Gợi nhớ về cội nguồn, về các giá trị truyền thống của dân tộc.  - Phải biết giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp trong quá khứ. | |
| **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV:**  HS trình bày nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của truyện.  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết:**  **1/ Nghệ thuật**          Cách kể chuyện tự nhiên, miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế, sâu sắc.  **2/ Ý nghĩa văn bản**          Qua đoạn trích người đọc cảm nhận được những nét đẹp của truyền thống văn hóa DT, để không đánh mất chính mình trước sự tác động của nền kinh tế thị trường. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1A, 2D, 3A  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** *Dòng nào sau đây chưa nhận định đúng về tác phẩm "Mùa lá rụng trong vườn"?*  a. Tác phẩm đánh dấu bước chuyển về cảm hứng về đề tài của Ma Văn Kháng. b. Đã được nhận giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1986. **c. Phản ánh sự bình yên trong những mái nhà cổ kính bất chấp nền kinh tế thị trường.** d.Thể hiện niềm lo lắng sâu sắc cũa nhà văn cho các giá trị truyền thống trước những đổi thay của thời cuộc.  **Câu hỏi 2:** *Các nhân vật Lí, Phượng, Hoài trong truyện có mối quan hệ với nhau như thế nào?*  a. Chị em ruột trong một gia đình. **b. Chị em dâu trong gia đình.** c. Chị dâu và các em gái chồng. d. Em dâu và các chị gái của chồng.  **Câu hỏi 3:** *Nhân vật Hoài trong truyện là người như thế nào?*  a. Nết na, thuỳ mị   b. Nghĩa tình thuỷ chung. c. Đảm đang.     **d. Cả A, B và C.**  **Câu hỏi 4:** *Tại sao chị Hoài chiều 30 Tết mới về sum họp với gia đình ông Bằng?*  a. Vì chị là con gái ông Bằng đã đi lấy chồng ở xa.   **b. Vì chị vốn là con dâu của ông Bằng, do chồng chết nên đã đi bước nữa.** c. Vì chị là con gái ông Bằng đi công tác ở xa nay mới nghỉ phép về ăn Tết. d. MVì chị là con dâu ông Bằng nhưng đã được ông cho ở riêng.  **Câu hỏi 5:** *Nhân vật ông Bằng trong truyện được nhà văn tô đậm nhất ở phương diện nào?*  a. Giàu nghị lực và yêu đời. **b. Mẫu mực, khuôn phép, gia giáo.** c. Sự cương trực, thẳng thắn. d. Sự thông minh, tài hoa, uyên bác.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1.Đoạn văn trên khẳng định: Tết cổ truyền của dân tộc bao đời nay vẫn giữ được những nét đẹp truyền thống và giàu bản sắc  2. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng nhiều nhất trong đoạn văn trên là điệp ( lặp) cấu trúc câu ( Tết…; Vẫn là…)  -Tác dụng: nhấn mạnh những nét đẹp truyền thống, những bản sắc của Tết cổ truyền dân tộc qua bao đời nay vẫn không thay đổi  3.Cụm từ *hai chặng đường vất vả, gian nan*là để chỉ một năm cũ vừa qua đi và một năm mới đang sắp đến với bao gian nan,vất vả mà mỗi người đã và sẽ trải qua.  4. Tiêu đề cho đoạn văn: có thể có cách đặt tiêu đề khác nhau nhưng phải thể hiện được nội dung chính của đoạn văn ( Ví dụ: *Tết cổ truyền của dân tộc; Tết cổ truyền và bản sắc dân tộc; Tết cổ truyền - hồn Việt xưa và nay…)*  **d) Tổ chức thực hiện:**  Đọc đoạn văn sau:  “*Ai có thể đếm được đã bao năm tháng, bao đời người đã đi qua mà cái Tết về đại thể vẫn là một?*  *Tết gia đình.*  *Tết dân tộc.*  *Tết đậm đà phong vị cộng đồng, quãng giải lao giữa hai chặng đường vất vả, gian nan.*  *Vẫn là ngày hăm ba cúng ông Táo, đêm ba mươi cúng tất niên, hái cành lộc. Vẫn là ngày mồng một he hé cửa đón đợi người xông nhà, dặn dò nhau ý tứ giữ gìn kiêng cữ cho khỏi dông cả năm dài. Ngày đầu xuân, cơm nguội không rang để cho đời khỏi khô kháo, nhà không quét cho tài lộc khỏi thất tán. Vẫn là mùi hương hoa ngan ngát nơi bàn thờ ấy. Vẫn là làn không khí mới mẻ, hơi bỡ ngỡ, trịnh trọng ấy. Vẫn những gương mặt cởi mở, chan hoà giữa khung cảnh trời đất tươi đẹp vì được niềm phấn chấn của con người thâm nhập giao hoà.*”                                                      ( Trích *Mùa lá rụng trong vườn*-Ma Văn Kháng)  1.Đoạn văn trên khẳng định điều gì?  2.  Biện pháp nghệ thuật được sử dụng nhiều nhất trong đoạn văn trên là gì? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  3. Cụm từ *hai chặng đường vất vả, gian nan*là để chỉ điều gì?  4,  Đặt tiêu đề cho đoạn văn trên.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\* Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:**

+ Nhân vật chị Hoài để lại cho em những suy nghĩ gì?

+ Tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài như thế nào trong cảnh gặp lại?

**- Dặn dò:** soạn bài ĐT: **MỘT NGƯỜI HÀ NỘI**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**MỘT NGƯỜI HÀ NỘI**

**Nguyễn Khải**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

-Nếp sống văn hoá và phẩm chất tốt đẹp của người Hà Nội qua nhân vật bà Hiền.

-Niềm tin vào con người và mảnh đất Hà Nội.

-*Nghệ thuật lựa chọn tình tiết, xây dựng tính cách nhân vật, giọng văn đượm chất triết lí.*

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện của Nguyễn Khải;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của đoạn trích;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Khải*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Xem video về cuộc sống của người Hà Nội trong thời chống Mỹ và những năm sau giải phóng…  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Chúng ta đã rất ấn tượng với nhân vật chị Hoài trong truyện Mùa lá rụng trong vườn của Ma Văn Kháng. Một người phụ nữ khác tiêu biểu cho vẻ đẹp của người Tràng An, có cốt cách, người Hà Nội được gọi là “hạt bụi vàng của Hà Nội”là cô Hiền- nhân vật chính trong truyện ngắn Một người hà Nội của Nguyễn Khải.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  **+ GV:** Yêu cầu HS đọc phần *Tiểu dẫn* và tóm tắt tiểu sử, quá trình sáng tác cùng các đề tài chính của Nguyễn Khải.  **GV:** Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm *Một người Hà Nội*qua phầ Tiểu dẫn.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Trước cách mạng, sáng tác của Nguyễn Khải tập trung về đời sống nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới:  + *Mùa lạ c*(1960),  + *Một chặng đường*(1962),  + *Tầm nhìn xa (1963),*  *+ Chủ tịch huyện (*1972)....  và hình tượng người lính trong kháng chiến chống Mĩ:  + *Họ sống và chiến đấu*(1966),  + *Hoà vang*(1967),  + *Đường trong mây* (1970),  + *Ra đảo*(1970),  + *Chiến sĩ*(1973).... | | **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Tác giả:**  - Nguyễn Khải (1930-2008), tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải, sinh tại Hà Nội nhưng tuổi nhỏ sống ở nhiều nơi.  - Nguyễn Khải viết văn từ năm 1950, bắt đầu được chú ý từ tiểu thuyết *Xung đột*.  - Sau năm 1975, sáng tác của ông đề cập đến nhiều vấn đề xã hội - chính trị có tính thời sự và đặc biệt quan tâm đến tính cách, tư tưởng, tinh thần của con người hiện nay trước những biến động phức tạp của đời sống:  + *Cha và con, và ....*(1970),  + *Gặp gỡ cuối năm*(1982)...  **2. Tác phẩm:**  *- Một người Hà Nội* in trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Khải (1990).  - Truyện đã thể hiện những khám phá, phát hiện của Nguyễn Khải về vẻ đẹp trong chiều sâu tâm hồn, tính cách con người Việt Nam qua bao biến động thăng trầm của đất nước.. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc - hiểu nhân vật cô Hiền**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được tình huống truyện.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  . GV tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận, phát biểu nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh các vấn đề sau:  **GV đặt câu hỏi*:****Tính cách cô Hiền- nhân vật trung tâm của truyện, đặc biệt là suy nghĩ, cách ứng xử của cô trong từng thời đoạn của đất nước.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  + Việc hôn nhân: thời còn trẻ, cô giao thiệp với nhiều loại người, nhưng cô chọn bẳntm năm “là một ông giáo cấp Tiểu học hiền lành, chăm chỉ”  + Việc sinh con: Sinh năm đứa con, đến con gái út, cô quyết định “chấm dứt chuyện sinh đẻ để sau này có thể lo cho các con chu đáo.  + Việc dạy con: Cô dạy cho con cháu cách sống làm người Hà Nội lịch sự , tế nhị, hào hoa, biết giữ gìn phẩm chất, giá trị của người Hà Nội.  + Chiêm nghiệm lẽ đời: Trước niềm vui thắng lợi, cô Hiền nhận xét “vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều”, “chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá” ....  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  o Cô chỉ làm những việc gì có lợi cho đất nước, cho lí tưởg xã hội.  o Cô mở cửa hàng lưu niệm và tự mình làm ra sản phẩm.  o Không đồng ý việc mua máy in và thợ làm vì muốn thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  Kháng chiến chống Mĩ cứu nước: Cô vô cùng thương xót, lo lắng cho con nhưng sẵn sàng cho con ra trận như những bà mẹ, thanh niên Việt Nam khác: *“Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn. Nó dám đi cũng là biết tự trọng”...*  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM:**  **1. Nhân vật cô Hiền:**  *a) Tính cách, phẩm chất:*  - Cô Hiền cũng như những người Hà Nội khác, cô đã cùng Hà Nội, cùng đất nước trải qua nhiều biến động thăng trầm nhưng vẫn giữ được cốt cách người Hà Nội.  - Cô sống thẳng thắn, không giấu giếm quan điểm, thái độ với mọi hiện tượng xung quanh.  + Cô hoà mình cùng dân tộc, cùng đất nước  + Cô luôn đề cao lòng tự trọng  + Sau chiến thắng mùa xuân 1975, đất nước trong thời kì đổi mới, giữa không khí xô bồ của thời kinh tế thị trường, cô Hiền vẫn là *“một người Hà nội của hôm nay, thuần tuý Hà Nội, không pha trộn”.*  *b) Cô Hiền- "một hạt bụi vàng của Hà Nội"*  - Nói đến hạt bụi, người ta nghĩ đến vật nhỏ bé, tầm thường. Có điều là hạt bụi vàng thì dù nhỏ bé nhưng có giá trị quí báu.  - Cô Hiền là một người Hà Nội bình thường nhưng cô thấm sâu những cái tinh hoa trong bản chất người Hà Nội. Bao nhiêu hạt bụi vàng, bao nhiêu người như cô Hiền sẽ hợp lại thành những “áng vàng” chói sáng. áng vàng ấy là phẩm giá người Hà Nội, là cái truyền thống cốt cách người Hà Nội.  \* Một so sánh độc đáo nằm trong mạch trữ tình ngoại đề của người kể chuyện. Bản sắc Hà Nội, văn hoá Hà Nội là chất vàng 10 là mỏ vàng trầm tích được bồi đắp, tính tu từ biết bao hạt bụi vàng như là Hiền. | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn tổ chức các nhóm học tập, giao việc cho mỗi nhóm tìm hiểu về một nhân vật trong tác phẩm:**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm các nhân vật còn lại trong truyện.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ GV yêu cầu lớp chia  4 nhóm và tìm hiểu về các nhân vật sau:**  - Nhân vật “tôi”.  - Nhân vật Dũng- con trai cô Hiền.  - Những thanh niên Hà Nội và cả những người đã tạo nên “nhận xét không mấy vui vẻ" của nhân vật “tôi” về Hà Nội.  + HS tìm hiểu về ý nghĩa của câu chuyện "cây si cổ thụ"  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**    + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **2. Các nhân vật khác trong truyện:**  *- Nhân vật Dũng- con trai đầu của cô Hiền:*  + Anh đã sống đúng với những lời mẹ dạy về cách sống của người Hà Nội. Anh cùng với 660 thanh niên ưu tú của Hà Nội lên đường hiến dâng tuổi xuân của mình cho đất nước.  + Dũng, Tuất và tất cả những chàng trai Hà Nội ấy đã góp phần tô thắm thêm cốt cách tinh thần người Hà Nội.  - Bên cạnh đó, còn có những người tạo nên “*nhận xét không mấy vui vẻ*” của nhân vật “tôi” về Hà Nội.  +  Đó là “ông bạn trẻ đạp xe như gió” đã làm xe người ta suýt đổ lại còn phóng xe vượt qua rồi quay mặt lại chửi “Tiên sư cái anh già”...,  + là những người mà nhân vật tôi quên đường phải hỏi thăm...  🡪 Đó là những “hạt sạn”, làm mờ đi nét đẹp tế nhị, thanh lịch của người Tràng An. Cuộc sống của người Hà Nội nay cần phải làm nhiều điểm để giữ gìn và phát huy cái đẹp trong tính cách người Hà Nội.  **3. Ý nghĩa của câu chuyện "cây si cổ thụ"**  + Hình ảnh ... nói lên qui luật bất diệt của sự sống. Quy luật này được khẳng định bằng niềm tin của con người thành phố đã kiên trì cứu sống được cây si.  + Cây si cũng là một biểu tượng nghệ thuật, một hình ảnh ẩn dụ về vẻ đẹp của Hà Nội: Hà Nội có thể bị tàn phá, bị nhiễm bệnh nhưng vẫn là một người Hà Nội với truyền thống văn hoá đã được nuôi dưỡng suốt trường kì lịch sử, là cốt cách, tinh hoa, linh hồn đất nước. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1A, 2D, 3A  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Tuổi thơ Nguyễn Khải gắn bó nhất với nơi nào?  a. Hà Nội - nơi ông được sinh ra. b. Nam Định - Quê nội. **c. Hưng Yên - Quê ngoại .** d.Sài Gòn – nơi hiện tại gia đình ông đang sống  **Câu hỏi 2:** Nguyễn Khải thực sự bước vào con đường sáng tác văn học và bắt đầu được bạn đọc chú ý từ thời gian nào?  a. 1945.     . b. 1954. **c. 1959.** d. 1962.  **Câu hỏi 3:** **Điều nào chưa nói đúng lý do khiến cô Hiền trong truyện lại chọn** bạn trăm năm là một ông giáo Tiểu học? **a. Vì ước mơ có một người chồng giới văn nghệ sĩ đã không thành.**         b. Vì cô muốn có một người chồng hiền lành, chăm chỉ. c.  Vì cô biết đó là người lí tưởng giúp cô làm mẹ làm vợ tốt nhất. d. Vì cô muốn thật thuận lợi trong việc tạo dựng một gia đình nề nếp, gia giáo.  **Câu hỏi 4:** **Qua cung cách bà Hiền thu xếp việc nhà và dạy con cho thấy bà là người như thế nào?**  a. Khôn ngoan.       b. Gia giáo, khuôn phép. c. Nhân hậu, vị tha. **d. Cả A, B và C.**  **Câu hỏi 5:** **Nét đẹp nhất trong lối sống của bà Hiền là gì?**  a. Sang trọng và kiêu hãnh. **b.Thanh lịch, nề nếp truyền thống.** c.Lạc quan yêu đời, tin tưởng ở tương lai. d.Thanh đạm, bình dị.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Đoạn văn trên được viết theo giọng kể của bà Hiền ( nhân vật) và tác giả ( xưng hô *tôi)*  2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là : kể về hình ảnh cây si ở Hà Nội bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh.  3. Hình ảnh cây si qua câu văn : *Sau một tháng, cây si lại sống, lại trổ ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bổ ra làm củi, mà lại sống.*  - Cây si: biểu tượng của văn hóa, nét cổ kính, linh thiêng của đất kinh kì ngàn năm văn hiến.  -  Cây si hồi sinh: *lại sống. lại trổ ra lá non*gợi niềm tin, lạc quan vào sự phục hồi những giá trị tinh thần của Hà Nội.  - Câu chuyện bà Hiền kể về cây si cổ thụ vừa là lời cảnh báo về sự mất mát gia tài văn hóa, lại vừa như khẳng định niềm tin vào sự sáng suốt của lương tri con người.  **d) Tổ chức thực hiện:**  1. Đoạn văn trên được viết theo giọng kể của bà Hiền ( nhân vật) và tác giả ( xưng hô *tôi)*  2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là : kể về hình ảnh cây si ở Hà Nội bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh.  3. Hình ảnh cây si qua câu văn : *Sau một tháng, cây si lại sống, lại trổ ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bổ ra làm củi, mà lại sống.*  - Cây si: biểu tượng của văn hóa, nét cổ kính, linh thiêng của đất kinh kì ngàn năm văn hiến.  -  Cây si hồi sinh: *lại sống. lại trổ ra lá non*gợi niềm tin, lạc quan vào sự phục hồi những giá trị tinh thần của Hà Nội.  - Câu chuyện bà Hiền kể về cây si cổ thụ vừa là lời cảnh báo về sự mất mát gia tài văn hóa, lại vừa như khẳng định niềm tin vào sự sáng suốt của lương tri con người.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

\* **Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:**

+ Nhân vật cô Hiền được thể hiện với những nét tính cách gì?

+ Vì sao tác giả lại ví cô Hiền như *“hạt bụi vàng”* của Hà Nội?

+ Nhận xét về giọng kể của tác giả?

-  **Dặn dò:** soạn bài **THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý (tiếp)**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý**

(Tiếp theo)

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết khái niệm, cách thức tạo hàm ý thông dụng;

- HS hiểu và lí giải được hàm ý trong giao tiếp và trong văn bản, nhất là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật;

- Khái niệm hàm ý

- Một số cách thức tạo hàm ý thông dụng

*- Một số tác dụng của cách nói hàm ý.*

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có sử dụng hàm ý;

- Năng lực đọc – hiểu văn bản để tìm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về hàm ý trong hoạt động ngôn ngữ và trong tạo lập văn bản;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  Nêu hàm ý từ hình ảnh cây si trong truyện Một người Hà Nội ( Nguyễn Khải)  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu về hàm ý qua một số bài thực hành. Tiết hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu phần còn lại.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về hàm ý  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV chia lớp làm 4 nhóm và yêu cầu HS làm bài tập*  ***Bài tập 1: Đọc đoạn trích và phân tích theo các câu hỏi (SGK)***  a) Lời bác Phô gái thực hiện hành động van xin, cầu khẩn ông lí và đáp lại bằng hành động nói như thế nào?  b) Lời đáp của ông Lí có hàm ý gì?  ***Bài tập 2: Đọc và phân tích đoạn trích (SGK):***  a) Câu hỏi đầu tiên của Từ là hỏi về thời gian hay còn có hàm ý gì khác?  b) Câu nhắc khéo ở lượt lời thứ hai của Từ thực chất có hàm ý nói với Hộ điều gì?  ***Bài tập 3: Phân tích hàm ý trong truyện cười Mua kính***  ***Bài tập 3: Phân tích hàm ý trong truyện cười Mua kính***  ***Bài tập 4: Chỉ ra lớp nghĩa tường minh và hàm ý của bài thơ Sóng***  - Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện có hàm ý thì có tác dụng và hiệu quả nghệ thuật như thế nào?  *HS đọc lại bài thơ, suy nghĩ, phát biểu*  *HS thảo luận và đưa ra phương án đúng.*  ***Bài tập 5: Chọn cách trả lời có hàm ý trong câu hỏi: “Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?”***  *GV tổ chức hướng dẫn thảo luận. HS thảo luận và phát biểu*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  - Nguyễn Thi (1928- 1968), bút danh khác là Nguyễn Ngọc Tấn.  - Tên khai sinh là Nguyễn Hoàng Ca, quê ở Hải Hậu - Nam Định.  - Nguyễn Thi sinh ra trong một gia đình nghèo, mồ côi cha từ năm 10 tuổi, mẹ đi bước nữa nên vất vả, tủi cực từ nhỏ.  - Năm 1943, Nguyễn Thi theo người anh vào Sài Gòn.  - Năm 1945, tham gia cách mạng  - Năm 1954, tập kết ra Bắc  - Năm 1962, trở lại chiến trường miền Nam.  - Hi sinh ở mặt trận Sài Gòn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu thân 1968.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tổ chức thực hành**  ***Bài tập 1:***  a) Trong lượt lời mở đầu cuộc thoại, bác Phô gái van xin: “Thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng nữa”. Lời đáp của ông lí mang sắc thái mỉa mai, giễu cợt (ồ, việc quan không phải thứ chuyện đàn bà của các chị). Nếu là cách đáp tường minh phù hợp thì phải là lời chấp nhận sự van xin hoặc từ chối, phủ định sự van xin.  b) Lời của ông Lí không đáp ứng trực tiếp hành động van xin của bác Phô mà từ chối một cách gián tiếp. Đồng thời mang sắc thái biểu cảm: bộc lộ quyền uy, thể hiện sự từ chối lời van xin, biểu lộ thái độ mỉa mai, giễu cợt cách suy nghĩ kiểu đàn bà.  ( Tính hàm súc của câu có hàm ý)  ***Bài tập 2:***  a) Câu hỏi đầu tiên của Từ: “Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba đây rồi mình nhỉ?”. Không phải chỉ hỏi về thời gian mà thực chất, thông qua đó Từ muốn nhắc khéo chồng nhớ đến ngày đi nhận tiền. (Hàng tháng cứ vào kì đầu tháng thì chồng Từ đều đi nhận tiền nhuận bút ).  b) Câu “nhắc khéo” thứ hai: “Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...”. Từ không nói trực tiếp đến việc trả tiền nhà. Từ muốn nhắc Hộ đi nhận tiền về để trả các khoản nợ (Chủ ý vi phạm phương châm cách thức)  c) Tác dụng cách nói của Từ  - Từ thể hiện ý muốn của mình thông qua câu hỏi bóng gió về ngày tháng, nhắc khéo đến một sự việc khác có liên quan (người thu tiền nhà)... Cách nói nhẹ nhàng, xa xôi những vẫn đạt được mục đích. Nó tránh được ấn tượng nặng nề, làm dịu đi không khí căng thẳng trong quan hệ vợ chồng khi lâm vào hoàn cảnh khó khăn.  ***Bài tập 3:***  a) Câu trả lời thứ nhất của anh chàng mua kính:  “Kính tốt thì đọc được chữ rồi” - chứng tỏ anh ta qua niệm kính tốt thì phải giúp cho con người đọc được chữ. Từ đó suy ra, kính không giúp con người đọc được chữ là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng vì không có cặp kính nào giúp anh ta đọc được chữ.  b) Câu trả lời thứ hai: “Biết chữ thì đã không cần mua kính”. Câu trả lời giúp người đọc xác định được anh ta là người không biết chữ (vì không biết chữ nên mới cần mua kính). Cách trả lời vừa đáp ứng được câu hỏi, vừa giúp anh ta giữ được thể hiện.  ***Bài tập 4: Lớp nghĩa tường minh và hàm ý của bài thơ Sóng***  - Lớp nghĩa tường minh: Cảm nhận và miêu tả hiện tượng sóng biển với những đặc điểm, trạng thái của nó.  - Lớp nghĩa hàm ý: Vẻ đẹp tâm hồn của người thiếu nữ đang yêu: đắm say, nồng nàn, tin yêu  - Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện có hàm ý sẽ tạo nên tính hàm súc, đa nghĩa, biểu đạt cảm xúc, tư tưởng của tác giả một cách tinh tế, sâu sắc.  ***Bài tập 5: Cách trả lời có hàm ý cho câu hỏi: "Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?”***  + Ai mà chẳng thích?  + Hàng chất lượng cao đấy!  + Xưa cũ như trái đất rồi!  *Ví đem vào tập đoạn trường*  *Thì treo giải nhất chi nhường cho ai?* |
| **Hoạt động 2: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được hàm ý  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** tổ chức cho HS làm bài tập  ***Bài tập: Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ dùng cách nói có hàm ý trong ngữ cảnh cần thiết mang lại những tác dụng và hiệu quả như thế nào?***  *HS thảo luận, chọn phương án trả lời đúng*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Tổng kết**  Tác dụng và hiệu quả của cách nói có hàm ý:  Tuỳ thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp, hàm ý có thể mang lại:  + Tính hàm súc cho lời nói: lời nói ngắn gọn mà chất chứa  nhiều nội dung, ý nghĩa  + Hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe  + Sự vô can, không phải chịu trách nhiệm của người nói về hàm ý (vì hàm ý là do người nghe suy ra)      + Tính lịch sự và thể diện tốt đẹp trong giao tiếp bằng ngôn ngữ | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1A, 2D, 3A  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV giao nhiệm vụ:**  Trong đoạn trích dưới đây, hai câu cuối có hàm ý không? Nếu có thì hàm ý đó là gì?  *Đã nhiều lần Từ muốn ẵm con đi, Đã nhiều lần Từ muốn bỏ liều con để đi làm, Từ muốn hi sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao!Từ là vợ!Từ là mẹ! ( Nam Cao)*  a/ Không có hàm ý gì  b/Có. Hàm ý trong 2 câu đó là: Từ là vợ thì không được bỏ chồng; là mẹ không được bỏ con;  **c/ Có. Hàm ý của 2 câu đó là: Từ là vợ, là mẹ thì phải thương yêu chăm sóc chồng con, không được bỏ mặc chồng con, nhất là trong những lúc khó khăn;**  d/ Không có hàm ý gì cả, vì đã quá rõ. Từ là người vợ, vừa là người mẹ.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |

**\* Hướng** **dẫn về nhà:**

**- Củng cố:** Tác dụng và hiệu quả của cách nói có hàm ý.

**- Dặn dò:** soạn bài **THUỐC**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**THUỐC**

- ***Lỗ Tấn*** -

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Ý nghĩa của hình tượng chiến bánh bao tẩm máu người.

- *Ý nghĩa của hình tượng vòng hoa trên mộ người cách mạng Hạ Du.*

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn của Lỗ Tấn;

- Năng lực đọc – hiểu tác phẩm truyện ngắn của Lỗ Tấn;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện ngắn của Lỗ Tấn;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật truyện ngắn của Lỗ Tấn;

- Năng lực phân tích, so sánh ý nghĩa các chi tiết nghệ thuật trong truyện của Lỗ Tấn;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Lỗ Tấn;*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Xem một đoạn phim lịch sử về Trung Quốc cuối thế kỉ XIX;  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Lỗ Tấn là nhà văn cách mạng lỗi lạc của Trung Quốc thế kỉ XX. “Trước Lỗ Tấn chưa hề có Lỗ Tấn; sau Lỗ Tấn có vô vàn Lỗ Tấn” (Quách Mạt Nhược). Tuổi trẻ của ông đã nhiều lần đổi nghề để tìm một con đường cống hiến cho dân tộc: từ nghề khai mỏ đến hàng hải rồi nghề y, cuối cùng làm văn nghệ để thức tỉnh quốc dân đồng bào. Sáng tác của ông thường dồn nén, hàm súc nhiều tầng lớpnghĩa. THUỐC là một tác phẩm như thế! Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu truyện ngắn này.* | | | | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  *- Tiểu sử, con người?*  *- Vị trí của Lỗ Tấn trong văn học Trung Quốc?*  *- Con đường gian nan để chọn ngành nghề của Lỗ Tấn?*  *- Quan điểm sáng tác văn nghệ của Lỗ Tấn?*  GV nêu câu hỏi: *Tác phẩm Thuốc được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Nêu bố cục và tóm tắt truyện?*   HS đọc mục Tiểu dẫn, kết hợp với những hiểu biết cá nhân để giới thiệu những nét chính về Lỗ Tấn.  HS đọc và tóm tắt tác phẩm,  thảo luận và trình bày trước lớp.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  - Lỗ Tấn (1881-1936), tên khai sinh là Chu Chương Thọ, sau đổi thành Chu Thụ Nhân.  - Quê ông ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.  - Năm 13 tuổi, chứng kiến cảnh người cha lâm bệnh, vì không có thuốc mà chết, ông ôm ấp nguyện vọng học nghề thuốc.  - Trước khi học nghề y:  + Từng học nghề hàng hải với mong muốn đi nhiều nơi để mở mang tầm mắt.  + Sau đó, ông học nghề khai thác mỏ với ước vọng làm giàu cho Tổ quốc.  + Nhưng ông đều thất vọng.  - Khi học nghề y:  + Nhờ học giỏi, ông nhận học bổng của Nhật.  + Ông chọn học ngành y để chữa bệnh cho những người nghèo, ốm mà không có thuốc, chết vì ngu dốt và mê tín, … như cha mình.  + Đang học trường Cao đẳng Y khoa Tiên Đài thì một lần xem phim, ông thấy những người Trung Quốc khoẻ mạnh, hăm hở xem quân Nhật chém một người Trung Quốc làm gián điệp cho quân Nga.  + Ông giật mình mà nhận ra rằng: Chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần. Và thế là ông chuyển sang làm văn nghệ.  - Mục đích sáng tác của Lỗ Tấn:  + Làm văn nghệ, ông dùng ngòi bút để phanh phui các *“căn bệnh tinh thần”* của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa.  + Toàn bộ sáng tác của ông đều tập trung phê phán các căn bệnh tinh thần khiến cho quốc dân mê muội, tự thoả mãn *“ngủ say trong một cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ”.*  *-*Lỗ Tấn là nhà văn cách mạng vĩ đại của Trung Quốc thế kỉ XX, được tôn vinh là *“linh hồn dân tộc”*, là *“kĩ sư tâm hồn”* của dân tộc.  - Năm 1981, kỉ niệm 100 năm ngày sinh, Lỗ Tấn được phong tặng danh hiệu *“Danh nhân văn hoá nhân loại”.*  - Thời trẻ, Bác Hồ *“thích đọc Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Quốc”.*  + Tác phẩm chính: AQ chính truyện (Kiệt tác của văn học hiện đại Trung Quốc và thế giới), các tập Gào thét, Bàng hoàng, Truyện cũ viết theo lối mới,  hơn chục tập tạp văn có giá trị phê phán, tính chiến đấu cao.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | | | | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**     - Lỗ Tấn (1881 - 1936), nhà văn CM Trung Quốc, người đã từ bỏ nghề thuốc làm nghề văn vì cho rằng chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần.  **2. Truyện *Thuốc*:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  **-***Thuốc* được viết năm 1919, đúng vào lúc cuộc vận động Ngũ tứ bùng nổ.  - Đây là thời kì đất nước Trung Hoa bị các đế quốc Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật xâu xé. Xã hội Trung Hoa biến thành nửa phong kiến, nửa thuộc địa, nhưng nhân dân lại an phận chịu nhục. Đó là căn bệnh đớn hèn, tự thoả mãn, mà những người cách mạng hoàn toàn xa lạ với nhân dân.  - *Thuốc*đã ra đời trong bối cảnh ấy với một thông điệp: Người Trung Quốc cần suy nghĩ nghiêm túc về một phương thuốc để cứu dân tộc.  **b. Bố cục:**  - *Phần I*: Thuyên mắc bệnh lao, được lão Hoa đi mau thuốc chữa bệnh là chiếc bánh bao tẩm máu  người (Mua thuốc)  - *Phần II*: Vợ chồng lão Hoa cho Thuyên ăn cái bánh bao đẫm máu với hy vọng chữa khỏi bênh cho con, nhưng Thuyên vẫn ho dữ dội. (Uống thuốc)  - *Phần III*: Cuộc bàn luận trong quán trà về thuốc chữa bệnh lao, về tên “giặc” Hạ Du (Bàn về thuốc)  - *Phần IV*: Nghĩa địa vào dịp tiết Thanh minh. Hai người mẹ của Hạ Du và Thuyên cùng đi thăm mộ con. Họ bối rối, bàng hoàng khi nhìn thấy có vòng hoa trên mộ Hạ Du (Hậu quả của thuốc). |
| **Hoạt động 3: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu Ý nghĩa nhan đề truyện và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được ý nghĩa nhan đề truyện và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV gợi dẫn: Nghĩa đen, nghĩa hàm ẩn của nhan đề? Liên tưởng giữa nhan đề (Thuốc) với chiếc bánh bao tẩm máu?*  −  Hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu người được miêu tả như thế nào? gây cho em cảm giác gì?  −  Nhan   đề  Thuốc   (Dược)  chính   là   chỉ   chiếc   bánh   bao   quái   đản   này,   có những ý nghĩa gì?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  Kết quả mong đợi:  + Là phương thuốc truyền thống chữa bệnh lao của những người Trung Quốc lạc hậu, u mê.  + Thứ mà ông bà Hoa xem là “tiên dược” để cứu mạng thằng con đã không cứu được nó mà ngược lại đã giết chết nó.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  + Bố mẹ thằng Thuyên hoàn toàn tin tưởng và đã áp đặt cho nó một phương thuốc quái gở. Và cả đám người trong quán trà cũng cho rằng đó là thứ thuốc tiên.  + Nhưng ăn bánh bao tẩm máu người thằng Thuyên vẫn phải chết.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  + Chiếc bánh bao - liều thuốc độc ấy được pha chế bằng máu của người cách mạng xả thân vì nghĩa, đổ máu cho sự nghiệp giải phóng nhân dân.., trong đó có bố mẹ thằng Thuyên, ông Ba, cả Khang...  + Những con người ấy lại dửng dưng, mua máu người cách mạng để chữa bệnh.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **II. Đọc- hiểu**  **1. Ý nghĩa nhan đề truyện và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu:**   - Tầng nghĩa ngoài cùng:  🡪 Đó là thứ thuốc của mê tín dị đoan.  - Tầng nghĩa thứ hai:  🡪 Tên truyện còn hàm nghĩa sâu xa hơn, mang tính khai sáng: Đây là thứ thuốc độc mà mọi người cần phải giác ngộ ra. Người  Trung Quốc cần phải tỉnh giấc, không được ngủ mê trong cái nhà hộp bằng sắt không có sửa sổ.  - Ý nghĩa thứ ba:  🡪 Phải tìm một phương thuốc làm cho quần chúng giác ngộ cách mạng và làm cho cách mạng gắn bó với quần chúng. | | | |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu hình ảnh nhân vật Hạ Du.**  **a) Mục tiêu:** hiểu được **hình ảnh nhân vật Hạ Du.**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ GV đặt câu hỏi:**  1. Trình bày những hiểu biết của em về cuộc cách mạng Tân Hợi?  2. + Theo hiểu biết của em, nguyên mẫu của nhân vật Hạ Du là ai?  + Nhân vật Hạ Du xuất hiện như thế nào trong tác phẩm? Nhân vật này có vai trò như thế nào trong truyện?  + Nhân vật Hạ Du tiêu biểu cho những ai?  **+**Anh có những tính cách, phẩm chất như thế nào qua lời kể của các nhân vật trong quán? Qua đó, em hiểu được lí tưởng cách mạng của anh là gì?  + Qua nhân vật Hạ Du, em cảm nhận được thái độ, tình cảm gì của tác giả dành cho nhân vật?  **HS trả lời cá nhân**  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  1. Thành công là lật đổ được chế độ phong kiến nhưng có nhược điểm là xa rời quần chúng nên họ không hiểu và thờ ơ với cách mạng.  Mặt khác, đây là cuộc cách mạng nửa vời: cội rễ phong kiến không bị đánh bật hoàn toàn, đời sống nông thôn Trung Quốc không có gì thay đổi.  2. Dám tuyên truyền cách mạng ngay cả với người cai ngục trong những ngày cờ hành hình.  Lí tưởng cách mạng của anh là lật đổ ngai vàng, đánh đuổi ngoại tộc, giành lại độc lập dân tộc.  3. Chú anh cho là anh đi *“làm giặc”* nên đã tố giác anh.   Quần chúng chờ anh  chết để lấy máu làm thuốc chữa bệnh.  Đến cả mẹ anh cũng không hiểu đứa con mình, gào khóc kêu anh chết oan.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | | | **2. Hạ Du – hình ảnh tượng trưng của cách mạng Tân Hợi:**  - Cuộc cách mạng Tân Hợi:  - Nguyên mẫu của nhân vật Hạ Du là chiến sĩ Thu Cận: Nhà nữ cách mạng tiên phong, tham gia khởi nghĩa , bị bắt và bị hành hình.  🡪 Truy điệu Hạ Du cũng là truy điệu Thu Cận và cả lớp người giác ngộ sớm.  - Trong truyện, Hạ Du xuất hiện gián tiếp, sau khi bị hành hình, qua câu chuyện của các vị khách trong quán trà và nấm mộ có vòng hoa.  - Hạ Du tiêu biểu cho những người cách mạng sớm giác ngộ lí tưởng, mà quần chúng mê muội gọi anh là “điên” vì dũng cảm *“đi trước bình minh”* của dân tộc và vì anh thức tỉnh khi mọi người còn u mê  + Anh dũng cảm, hiên ngang, xả thân vì nghĩa lớn:  🡪 Lỗ Tấn bày tỏ sự kính trọng, khâm phục cho những chiến sĩ anh hùng, dũng cảm hi sinh cho đất nước, cho tương lai.  + Nhưng mục đích, ý chí và hành động của Hạ Du lại được nhận thức trong cái nhìn xa lạ, ấu trĩ của quần chúng:  🡪 Đó là vì anh xa rời quần chúng, chưa kịp giác ngộ cho họ nên họ nhìn anh bằng con mắt miệt hị, u mê và máu của người cách mạng đổ ra thật vô nghĩa.           Qua nhân vật Hạ Du, tác giả bày tỏ sự kính trọng và lòng thương cảm sâu xa cho những chiến sĩ tiên phong. | |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu Ý nghĩa cuộc bàn luận trong quán trà về Hạ Du và vòng hoa trên mộ Hạ Du**  **a) Mục tiêu:** hiểu được ý nghĩa cuộc bàn luận trong quán trà về Hạ Duvà vòng hoa trên mộ Hạ Du  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV**dẫn dắt vào câu chuyện bàn luận trong quán trà về Hạ Du và yêu cầu HS phân tích ý nghĩa cuộc bàn luận đó.  **GV**đặt câu hỏi: ý nghĩa của ch tiếtvòng hoa trên mộ Hạ Du  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.* | **3. Ý nghĩa cuộc bàn luận trong quán trà về Hạ Du**  -Chủ đề bàn luận của những người trong quán trà của lão Hoa trước hết là công hiệu của “thứ thuốc đặc biệt” - chiếc bánh bao tẩm máu người.  -Từ việc bàn về công hiệu của chiếc bánh bao tẩm máu Hạ Du chuyển sang bàn về bản thân nhân vật Hạ Du là diễn biến tự nhiên, hợp lí.  - Người tham gia bàn luận tán thưởng rất đông song phát ngôn chủ yếu vẫn là tên đao phủ Cả Khang, ngoài ra còn một người có tên kèm theo đặc điểm (cậu Năm gù) và hai người chỉ có đặc điểm (“Người trâu hoa râm”, “anh chàng hai mươi tuổi”).  - Những lời bàn luận ấy, Lỗ Tấn đã cho ta thấy:  + Bộ mặt tàn bạo, thô lỗ của Cả Khang  +Bộ mặt lạc hậu cảu dân chúng Trung Quốc đương thời      + Lòng yêu nước của người chiến sĩ cách mạng  Hạ Du.  **4. Không gian, thời gian nghệ thuật và ý nghĩa của chi tiết vòng hoa trên mộ Hạ Du**  - Câu chuyện xảy ra trong 2 buổi sớm vào hai mùa thu, mùa xuân .  + Buổi sáng đầu tiên có 3 cảnh: cảnh sáng tinh mơ đi mua bánh bao chấm máu người, cảnh pháp trường và cảnh cho con ăn bánh, cảnh quán trà.... Ba cảnh gần như liên tục, diễn ra trong mùa thu lạnh lẽo. Bối cảnh quán trà và đường phố là nơi tụ tập của nhiều loại người do đó hình dung được dư luận và ý thức xã hội.  + Buổi sáng cuối cùng là vào dịp tết Thanh minh- mùa xuân tảo mộ. Mùa thu lá rụng, mùa xuân đâm chồi nảy lộc, gieo mầm.  - Vòng hoa trên mộ Hạ Du: Có thể xem vòng hoa là cực đối lập của “chiếc bánh bao tẩm máu”. Phủ định vị thuốc là bằng chiếc bánh bao tẩm máu, tác giả mơ ước tìm kiếm một vị thuốc mới- chữa được cả những bệnh tật về tinh thần cho toàn xã hội với điều kiện tiên quyết là mọi người phải giác ngộ cách mạng, phải hiểu rõ “ý nghĩa của sự hi sinh” của những người cách mạng.  - Nhờ chi tiết vòng hoa trên mộ Hạ Du chủ đề tư tưởng tác phẩm mới được thể hiện trọn vẹn, nhờ đó mà không khí của truyện vốn rất u buồn tăm tối song điều mà tác giả đưa đến cho người đọc không phải là tư tưởng bi quan. | | | | |
| **Hoạt động 6: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV:**  nêu vấn đề: *Tình huống truyện, chi tiết truyện, giọng văn, ngôn ngữ, chất sử thi của thiên truyện được thể hiện như thế nào?*  **- GV:**  có thể gợi ý bằng cách nhắc lại khái niệm, đặc điểm của tính sử thi trong văn học.  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | | **III/ Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Hình ảnh, ngôn từ giàu tính biểu tượng.  - Lối dẫn truyện nhẹ nhàng, tự nhiên mà sâu sắc, lối cuốn.  **2. Ý nghĩa văn bản**  - Người Trung Quốc cần có một thứ thuốc để chữa trị tận gốc căn bệnh mê muội về tinh thần.  - Nhân dân không nên “ngủ say trong cái nhà hộp bằng sắt” và người cách mạng thì không nên “bôn ba trong chốn quạnh hiu”, mà phải bám sát quần chúng để động viên, giác ngộ họ. | | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  ĐÁP ÁN  [1]='c'  [2]='b'  [3]='a'  [4]='c'  [5]='c'  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Ý nghĩa của tên truyện Thuốc là gì?  a. Thuốc chữa bệnh và thuốc độc giết người. b. Thuốc chữa bệnh và thuốc tăng lực. c. Thuốc trị bệnh lao của những người dân u mê lạc hậu, thuốc độc giết người, thuốc trị bệnh hờ hững, u mê của quần chúng và bệnh xa rời quần chúng của cán bộ cách mạng. d.Thuốc trị bệnh lao, thuốc độc giết người, thuốc trị bệnh hờ hững, u mê của quần chúng và bệnh chủ quan cùa cán bộ cách mạng.  **Câu hỏi 2:** Chủ đề của truyện Thuốc là gì?    a. Chống mê tín dị đoan. b. Nói về sự u mê, tê liết quần chúng và bi kịch của người cách mạng tiên phong. c. Tố cáo giai cấp thồng trị bóc lột và phương pháp cách mạng của Đảng Cộng Sản Trung Quốc thời bấy giờ. d. Lời cảnh cáo khi dùng thuốc chữa bệnh.  **Câu hỏi 3:** Truyện "Thuốc" có 4 phần, chọn cách đặt tiêu đề của mỗi phần sao cho phù hợp?  a. Niềm tin mù quáng – Niềm vui đau khổ - Sự u mê bất nhân – Hy vọng le lói. b. Niềm tin mù quáng – Niềm vui thoáng qua - Sự u mê bất nhân – Mong manh hy vọng. c. Niềm tin mù quáng – Niềm vui đau khổ - Sự u mê bất nhân – Xóa nhòa ranh giới. d. Bước đi trông đêm – Cười ra nước mắt – Hờ hững vô nhân – Hy vọng.  **Câu hỏi 4:**  Trong tác phẩm, Lão Hoa Thuyên ra đi trong đêm để làm gì?    a. Mua lương thực. b. Mua trà. c. Mua "thuốc" chữa bệnh lao cho con trai. d. Mua hàng cấm.  **Câu hỏi 5:**  Thuốc chữa bệnh lao được tác giả mô tả trong tác phẩm là gì?    a. Thuốc đông y. b. Thuốc tân dược. c. Bánh bao tẩm máu người chết chém nướng cháy. d. Thuốc Tây  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | | | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Đoạn văn trên thuộc phần kết truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn;  Những ý chính của đoạn văn trên:  -  Cuộc gặp gỡ giữa 2 bà mẹ đau khổ là bà Hoa Thuyên và bà mẹ Hạ Du tại nghĩa địa vào tiết Thanh Minh.  - Hình ảnh con quạ bay vút về phía chân trời xa.  2. Ý nghĩa câu hỏi của nhân vật bà Hạ Du *Thế là thế nào nhỉ?*   - Câu hỏi trước hết chính là thể hiện sự bế tắc, lạ lẫm của bà mẹ khi ngay cả bà cũng không hiểu ý nghĩa việc làm của con trai.   - Câu hỏi còn thể hiện sự băn khoăn, đau khổ, tự trách của bà mẹ.  - Câu hỏi cũng là sự day dứt của nhà văn về mối quan hệ gắn bó giữa quần chúng và cách mạng.  3. Sự khác nhau về biểu tượng hình ảnh con quạ trong quan niệm của người Việt Nam và quan niệm của người Trung Quốc:  -  Ở Việt Nam, con quạ là kẻ tham ăn, vì thế nó đã phải mang bộ lông màu đen suốt đời, là biểu tượng của điềm dữ, thường gắn liền với bất hạnh của con người;  - Trong văn hoá Trung Hoa, con quạ là con chim của mặt trời, là hiện thân của mặt trời, đồng thời là biểu tượng của đức hiếu thảo, là một dấu hiệu thần kì để tái lập trật tự xã hội. Vì thế, ở cuối truyện, hình ảnh con quạ xuất hiện *vút bay thẳng về phía chân trời xa*gợi niềm tin của tác giả về sự thay đổi của cách mạng Trung Quốc. Trật tự xã hội đất nước Trung Quốc sẽ được lập lại thành một khối thống nhất.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV giao nhiệm vụ:**  *“…Một lúc sau, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già, người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.*  *Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà già kia:*  *- Ta về đi thôi!*  *Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chần chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lẩm bẩm nói một mình.*  *- Thế là thế nào nhỉ?*  *Hai bà đi, chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Cọa... ạ" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xòe đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.”*  *( Trích Thuốc- Lỗ Tấn)*  **Đọc đoạn văn trên và thực hiện các yêu cầu sau :**  1. Xác định vị trí đoạn văn trên trong tác phẩm?Nêu những ý chính của đoạn văn trên?  2. Nêu ý nghĩa câu hỏi của nhân vật bà Hạ Du *Thế là thế nào nhỉ?*  3. Nêu sự khác nhau về biểu tượng hình ảnh con quạ trong quan niệm của người Việt Nam và quan niệm của người Trung Quốc ?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | | | | |

\***Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)**

**- Củng cố:** Hình tượng nhân vật Hạ Du được thể hiện như thế nào trong truyện?

**- Dặn dò:** soạn bài **RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI**

**TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết được khái niệm, yêu cầu của việc mở bài, kết bài trong văn nghị luận;

- HS hiểu phương pháp làm mở bài, kết bài trong văn nghị luận;

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan liên quan đến viết mở bài, kết bài trong văn nghị luận;

- Năng lực đọc – hiểu các bài văn nghị luận để xác định phần mở bài, kết bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ của cá nhân về đoạn văn mở bài, kết bài;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các cách mở bài, kết bài đúng và trúng trong văn nghị luận;

- Năng lực phân tích, so sánh về các cách mở bài, kết bài

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  Giáo viên chọn 1 mở bài, 1 kết bài của HS trong bài viết số 5. Đọc cho lớp nghe. Đề nghị học sinh có nhận xét về cách mở bài, kết bài của các bạn.  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Như vậy, chúng ta vừa thấy những ưu điểm, khuyết điểm trong mở bài, kết bài của các bạn khi làm văn nghị luận văn học. Hôm nay, để các em có cách mở bài, kết bài đúng theo yêu cầu, chúng ta cùng đi vào tìm hiểu bài học.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tổ chức rèn luyện kĩ năng viết phần mở bài**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV thực hiện các bước:*  1/GV tổ chức cho HS tìm hiểu các cách mở bài cho đề bài: Phân tích giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong tác phẩm Vợ nhặt (Kim Lân)  2/ 2/GV lần lượt cho HS phân tích các cách mở bài (SGK):  a) Đoán định đề tài được triển khai trong văn bản.  b) Phân tích tính tự nhiên, hấp dẫn của các mở bài.  Từ hai bài tập trên, HS cho biết phần mở bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản?  HS đọc kĩ các mở bài (SGK) phát biểu ý kiến.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Viết phần mở bài**  **1. Tìm hiểu cách mở bài**  - Đề tài được trình bày: giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong Vợ nhặt của  Kim Lân.       - Cách mở bài thứ 3: mở bài gián tiếp, dẫn dắt tự nhiên, tạo ra sự hấp dẫn, chú ý và phù hợp hơn cả với yêu cầu trình bày đề tài.  **2. Phân tích cách mở bài**  - Đoán định đề tài:  + MB1: quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam  + MB2: Nét đặc sắc của tư tưởng, nghệ thuật bài thơ Tống biệt hành của Thâm Tâm.  + MB3:  Những khám phá độc đáo, sâu sắc của Nam Cao về đề tài người nông dân trong tác phẩm Chí Phèo.       Cả 3 mở bài đều theo cách gián tiếp, dẫn đắt tự nhiên, tạo được ấn tượng, hấp dẫn sự chú ý của người đọc hướng tới đề tài.  **3.  Yêu cầu phần mở bài**  - Thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài       - Hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên, gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản. |
| **Hoạt động 2: Tổ chức rèn luyện kĩ năng viết phần kết bài**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được kĩ năng viết phần kết bài  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. GV tổ chức cho HS tìm hiểu các kết bài (SGK) cho đề bài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tuỳ bút Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)  2. GV lần lượt cho HS phân tích các kết bài (SGK)  3. Từ hai bài tập trên anh (chị) hãy cho biết phần kết bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản?  HS đọc kĩ các kết bài (SGK) phát biểu ý kiế  HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Viết phần kết bài**  **1. Tìm hiểu các kết bài**  - Đề tài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tuỳ bút Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)      - Cách kết bài 2 phù hợp hơn với yêu cầu trình bày đề tài: Đánh giá khái quát về ý nghĩa của hình tượng nhân vật ông lái đò, đồng thời gợi suy nghĩ, liên tưởng sâu sắc cho người đọc.  **2. Phân tích các kết bài**  - Kết bài 1: Tuyên bố độc lập và khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam đem tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững độc lập.  - Kết bài 2: ấn tượng đẹp đẽ, không bao giờ phai nhoà về hình ảnh một phố huyện nghèo trong câu chuyện Hai đứa trẻ của Thạch Lam.      - Cả hai kết bài đều tác động mạnh mẽ đến nhận thức và tình cảm của người đọc.  **3. Yêu cầu của phần kết bài**  - Thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề.       - Gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu 1:** *Ý nào chưa nói đúng về nguyên tắc của mở bài bài văn nghị luận?*  a/ Mở bài cần nêu đúng vấn đề đặt ra trong đề bài;  b/ Nếu đề bài có nêu ra một ý kiến thì mở bài phải dẫn lại nguyên văn kiến ấy.  c/ Ở phần mở bài cũng có thể giảng giải, minh hoạ hay nhận xét ý kiến nêu trong đề bài  **d/ Mở bài chỉ được nêu những ý khái quát**  **Câu 2:** *Ý nào chưa nói đúng về nguyên tắc của kết bài bài văn nghị luận?*  a/ Phần kết bài phải thể hiện đúng quan điểm đã trình bày ở phần thân bài  b/ Phần kết bài chỉ nêu những ý khái quát  **c/ Phần kết nên lặp lại nguyên văn lời lẽ của mở bài**  d/ Phần kết bài thiên về tổng kết, đánh giá vấn đề  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS: **Thuộc dạng so sánh**  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Mở bài sau đây thuộc dạng nào?**  *Chúng ta đã gặp không ít những số phận người phụ nữ bi thương trong các tác phẩm văn học Việt Nam, đó là một nàng Vũ Nương oan khuất, một nàng Kiều bi kịch, một Chị Dậu tủi hờn... Nhưng khi tiếp cận với dòng văn học cách mạng, vẫn những người phụ nữ ngày xưa ấy lại trỗi dậy mạnh mẽ đứng dậy làm chủ đời mình. Một trong những nhân vật văn học nữ tiêu biểu biểu là Mỵ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Nhà văn Tô Hoài.*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\* Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)**

**- Củng cố:**

+ Nắm được yêu cầu và cách viết phần mở bài.

+ Nắm được yêu cầu và cách viết phần kết bài.

**- Dặn dò:** soạn bài **SỐ PHẬN CON NGƯỜI**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**SỐ PHẬN CON NGƯỜI**

**(Trích)**

*Sô-lô -khốp*

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Chiến tranh, số phận con người và nghị lực vượt qua số phận.

- Chủ nghĩa nhân đạo cao cả thể hiện ở cách nhìn chiến tranh một cách toàn diện, chân thật.

- Đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và phân tích tâm trạng nhân vật

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn của Sô-lô-khop

- Năng lực đọc – hiểu  truyện ngắn của Sô-lô-khop;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về nhân vật trong truyện ngắn nước ngoài;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật cùa truyện Số phận con người

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Sô-lô-khôp*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Chiếu một đoạn trong phim Số phận con người;  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Sô-lô-khốp, một nhà văn lỗi lạc tiêu biểu của nền văn học Nga Xô Viết thế ki XX, từng đoạt giải Nobel văn học 1965. Cuộc đời của ông gắn bó máu thịt với con người và cảnh vật quê hương sông Đông trong những những bước chuyển mình đau đớn và phức tạp của lịch sử. Tác phẩm của ông thấm đẫm hơi thở và linh hồn của quê hương, số phận con người, một tác phẩm có cái nhìn sâu sắc, đa chiều của tác giả về con người trong và sau chiến tranh với những vinh quang và mất mát.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **1.**GV hướng dẫn HS đọc Tiểu dẫn (SGK) tóm tắt những nét chính về tác giả Sô-lô-khốp.  2. GV hướng dẫn HS dựa vào Tiểu dẫn phát biểu vị trí của truyện ngắn Số phận con người trong nền văn học Xô-viết.  HS làm việc cá nhân, phát biểu  HS dựa vào Tiểu dẫn phát biểu vị trí của truyện ngắn Số phận con người trong nền văn học Xô-viết.  3. GV yêu cầu : giọng đọc − kể chậm rãi, bình tĩnh, vừa kể vừa như đang nhớ lại, suy tư, ngẫm nghĩ; chú ý những đoạn trữ tình ngoại đề đọc rõ cảm xúc tự hào, ca ngợi. Kết hợp đọc – kể tóm tắt trong cả phần đầu và phần trích học.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  - A. Sô – lô - khốp (1905 - 1984)  - Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở thị trấn Vi – ô – sen – xcai - a, một địa phương thuộc tỉnh Rô - xtốp trên vùng thảo nguyên sông Đông.  - Ông tham gia nhiều công tác cách mạng từ khá sớm: làm thư kí uỷ ban trấn, nhân viên thu mua lương thực, tiễu phỉ...  - Cuối 1922, ông đến Mát – xcơ – va, chấp nhận làm mọi nghề để sinh sống và thực hiện *“giấc mơ viết văn”.*  - Năm 1925, ông trở lại quê hương và bắt đầu viết *“Sông Đông êm đềm”*- một bộ tiểu thuyết sử thi đồ sộ dựng lại bức tranh sinh động về cuộc sống của những người nông dân Cô - dắc cùng những biến động xã hội và đấu tranh giai cấp ở vùng này sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917.  - Năm 1926, ông đã in hai tập truyện ngắn *“Truyện sông Đông”* và *“Thảo nguyên xanh”.*  - Trong thời kì chiến tranh vệ quốc, với tư cách là phóng viên mặt trận, Sô – lô - khốp xông pha nhiều chiến trường, viết nhiều bài chính luận, kí, truyện ngắn nổi tiếng.  - Sau chiến tranh, ông tập trung chủ yếu vào sáng tác.  - Năm 1965, ông được tặng Giải thưởng Nô – ben về văn học.  - Những tác phẩm chính:  + Tập truyện: *“Truyện sông Đông”*      + Các tiểu thuyết:  *“Sông Đông êm đềm”, “Đất vỡ hoang”, “Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc”...*  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Mi-khai-in Sô-lô-khốp (1905 – 1984), nhà văn Nga Xô viết, Giải Nô-ben văn học năm 1965; được coi là một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỉ XX.  **2. Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Truyện được công bố lần đầu trên báo Sự thật, số ra ngày 31 – 12 – 1956 và 1 – 1 – 1957.  - Truyện có ý nghĩa khá quan trọng đối với sự phát triển của văn học Xô Viết. Đây là tác phẩm đầu tiên, nhà văn tập trung thể hiện hình tượng con người bất hạnh sau chiến tranh, nhìn cuộc sống và chiến tranh toàn diện, chân thực.  - Về sau, truyện được in trong tập *“Truyện sông Đông”.*  **b. Tóm tắt: ( SGK)**. | |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tổ chức tìm hiểu nhân vật An -đrây**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được đặc điểm về nhân vật An -đrây  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. GV định hướng để HS phân tích nhân vật An-đrây Sô-cô-lốp.  a) Phân tích hoàn cảnh và tâm trạng An-đrây trước, trong và sau chiến tranh     b) An-đrây đã nhận bé Va-ri-a làm con như thế nào? Điều gì đã khiến anh có quyết định nhanh chóng như vậy?  − Cảm xúc và tâm trạng của hai ngừời trong cabin ô tô được diễn tả như thế nào?       − Xôcôlốp đã chăm sóc con trai nhỏ mới của mình ra sao? Tình cảm của hai cha con họ như thế nào?       − Thái độ của hai vợ chồng anh bạn cho ở nhờ ra sao? Thái độ và cử chỉ của người vợ chứng tỏ điều gì?       − Chi tiết chiếc áo bành tô mà Vania chợt nhớ và hỏi cha nói lên điều gì?       − Tâm trạng của Xôcôlốp đêm đêm nằm với con nuôi nh− thế nào? Vì sao anh hay chiêm bao, hay tỉnh giấc, khó thở, và bên gối đầm đìa nước mắt?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  a. Trong chiến tranh: Xô-cô-lốp chịu nhiều đau thương, cay đắng: hai lần bị thương, bị bắt làm tù binh của Đức. Vợ và hai con gái chết vì bom của phát xít, cửa nhà tan nát “chỉ cỏn là một hố bom ”, ngày chiến thắng cũng là ngày nghe tin đứa con trai yêu quý A-na-tô-li tử trận  -Sau chiến tranh, Xô-cô-lôp đối diện nổi đau cùng cực của sự mất mát. Anh chôn niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng trên đất người, đất Đức  + Trong người có cái gì đó vỡ tung ra trở thành người mất hồn    +Chiến tranh hết, anh trở về làm một người lao động bình thường nhưng vì đau khổ anh tìm đến rượu để quên nỗi đau. Những giọt nước mắt những nỗi đau không bao giờ nguôi trong lòng anh.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  2. - Giữa lúc đang lâm vào tâm trạng buồn đau, bế tắc, An-đrây đã gặp bé Va-ri-a, cũng là một nạn đáng thương của chiến tranh. Tác giả tả việc Xô-cô-lốp nhận Va-ri-a  làm con nuôi rất sâu sắc và cảm động.         - Khi nhìn thấy Va-ri-a từ xa: “Thằng bé rách bươn xơ mướp.... cặp mắt thì cứ như nhiều ngôi sao sáng sau trận mưa đêm” rồi “thích đến nỗi bắt đầu thấy nhớ nó”. Và khi hiểu rõ tình trạng của Va-ri-a hiện tại, tình phụ tử thiêng liêng và tinh thần trách nhiệm đã thức tỉnh trông Xô-cô-lốp. Lòng thương xót dâng lên thành những giọt nước mắt nóng hổi. Anh quyết định nhận Va-ri-a làm con.  - Xô-cô-lốp tuyên bố anh là bố thì lập tức Va-ni-a chồm lên ôm hôn anh, ríu rít líu lo vang cả buồng lái... Còn Xô-cô-lốp “mắt mờ đi”, “hai bàn tay lẩy bẩy”- sức mạnh cuả tình yêu thương sưởi ẩm trái tim cô đơn, đem lại niềm vui sống.  - Với lòng nhân hậu, Xô-cô-lốp tìm mọi cách bù đắp tình cảm cho Va-ri-a, chăm sóc nó. Ở toàn bộ đoạn này, điểm nhìn của tác giả hoàn toàn phù hợp với điểm nhìn của nhân vật và vì vậy gây được niềm xúc động trực tiếp.  –    Xô Cô lốp đồng cảm với cậu nhóc Vania và thương cho cậu. Ít ra anh vẫn còn sức khỏe anh còn có thể tự nuôi bản thân mình, còn Vania chỉ là một cậu nhóc thì không thể nào tự nuôi bản thân được.  - Anh chấp nhận làm cha của bé Vania và chăm lo cho cậu từng miếng ăn giấc ngủ.   * Hai trái tim lạnh giá sưởi ấm cho nhau.   –    Vania thì sung sướng, yêu thương Xô cô Lốp hôn lên mặt mũi và ôm mãi anh không rời. –    Đêm đêm khi nhìn thấy nó ngủ anh như quên hết nỗi cô đơn quên sự buồn phiền và có động lực làm việc để cho nó có một cuộc sống tốt. –    Anh là một người có đức hi sinh cao cả, chăm sóc Vania nhưng chính bản thân anh lại đang chịu cơn đau tim dày vò tuy nhiên anh quyết chịu đựng một mình chứ không thèm nói nữa lời. Anh không muốn trái tim của bé bị tổn thương. ->    Có thể nói với tình yêu thương con người, với tình cảm đồng cảnh ngộ họ đã vượt qua khó khăn vượt qua nỗi đau sau chiến tranh để sưởi ấm cho nhau bằng tình yêu thương thân ái. | | **II. Đọc- hiểu văn bản**  ***1/ Chiến tranh và thân phận con người:***  a/ Người lính Xô-cô-lốp  với những đau đớn về thể xác và tinh thần dường như không thể nào vượt qua nổi:  - Đi lính, bị thương, bị đọa đày trong trại tập trung;  - Vợ và hai con gái chết vì bom phát xít, con trai cũng đi lính và hi sinh đúng ngày chiến thắng;  - Sau chiến tranh, Xô-cô-lốp không biết đi đâu, về đâu.  b/ Chú bé Va-ni-a  -lang thang, rách rưới, hằng ngày nhặt nhạnh kiếm ăn nơi hàng quán, ban đệm bạ đâu ngủ đó;  - cha chết trận, mẹ chết bom, không biết quê hương, không người thân thích.  ***2/ Nghị lực vượt qua số phận:***  *a) An-đrây gặp bé Va-ri-a*  - Xô-cô-lốp chấp nhận cuộc sống sau chiến tranh, tự nhận mình là bố Va-ni-a, sung sướng trong tình cảm cha con, chăm lo cho Va-ni-a  từng cái ăn, cái mặc, giấc ngủ.  - Va-ni-a vô tư và hồn nhiên đón nhận cuộc sống mới trong sự chăm sóc và tình yêu thương của người mà chú bé luôn nghĩ là cha đẻ.  *b) Tinh thần trách nhiệm cao cả và nghị lực phi thường của Xô-cô-lốp*  - Khó khăn của Xô-cô-lốp khi nhận bé Va-ri-a làm con trong cuộc sống thường nhật: việc nuôi dưỡng, chăm sóc..., những rủi ro bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra, đặc biệt là việc không thể làm “tổn thương trái tim bé bỏng của Va-ri-a”. Bên cạnh đó là nỗi khổ tâm, dằn vặt của anh về những kí ức... vết thương tâm hồn vẫn đau đớn.  Tác phẩm đề cao chủ nghĩa nhân đạo cao cả, nghị lực phi thường của người lính và nhân dân Xô viết thời hậu chiến: lòng nhân hậu, vị tha, sự gắn kết giữa những cảnh đời bất hạnh, niềm hi vọng vào tương lai. |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu tìm hiểu về thái độ của người kể chuyện và ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện.**  **a) Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm về thái độ của người kể chuyện và ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: 1/Cốt truyện được xây dựng như thế nào? Điểm nhìn của người kể chuyện có giống điểm nhìn cùa nhân vật không ?  ( cách nói năng, tâm tính, giọng điệu của tác giả và An-drây)  2/Thái độ của người kể chuyện, ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối tnryện ?  **GV:** Gọi 1 HS đọc diễn cảm lại đoạn văn.  **GV:** Đoạn văn trên gợi em có suy nghĩ gì về thái độ và tình cảm của tác giả?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **2. Thái độ của người kể chuyện:**  - Truyện được xây dựng theo lối truyện lồng trong truyện, có hai người kể là Xô – cô – lốp và tác giả.  🡪 Người kể chuyện phải tuân theo cách nói năng, tâm tính, giọng điệu của nhân vật Xô – lô – cốp và trực tiếp bộc lộ tâm trạng.  - Người kể chuyện còn trực tiếp miêu tả bối cảnh và thời gian gặp gỡ nhân vật chính, khung cảnh thiên nhiên, chân dung các nhân vật, những ấn tượng và đánh giá về các nhân vật đó.  🡪 Tác giả không che giấu tình cảm, sự xúc động trước số phận con người.  - Thái độ của người kể còn bộc lộ ở đoạn trữ tình ngoại đề cuối  truyện:  *+ Trữ tình ngoại đề:* là sự giãi bày cảm xúc, ấ tượng của nhà văn về những gì đã mô tả, phơi bày trước bạn đọc.  *+ “Hai con người ... kêu gọi”*  🡪 Tác giả bày tỏ lòng khâm phục và tin tưởng ở tính cách Nga kiên cường.  🡪 Đồng thời cũng xa lạ với lối kết thúc có hậu, tô hồng hiện thực mà báo trước những khó khăn trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai, hạnh phúc.  => Trước số phận bi thảm, trớ trêu của con người, tác giả bộc lộ sự đồng cả và lòng nhân hậu của mình. |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu về những suy nghĩ của nhà văn về số phận con người.**  **a) Mục tiêu:** hiểu được ý nghĩa **những suy nghĩ của nhà văn về số phận con người.**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:**Truyện đã thể hiện tính cách gì của Xô – lô – cốp?  **GV:**Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về tinh thần cũng đã góp phần làm nổi bật tính cách gì của nhân vật?  **GV:**Khi chia tay với hai cha con Xô – lô- lốp, tác giả có những suy nghĩ như thế nào?  **GV:** Qua chi tiết trên, Sô – lô – khốp nhắc nhở và kêu gọi chúng ta điều gì?    **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản* | | **3. Suy nghĩ về thân phận con người:**  **-**Tác giả thể hiện nghị lực kiên cường của Xô – lô – cốp trong cuộc đời thường đầy khó khăn sau chiến tranh.  - Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về tinh thần càng làm nổi bật tấm lòng nhân đạo của anh. Trái tim anh rực sáng trong thế giới còn đầy hận thù và đau khổ.  🡪 Truyện khám phá và ca ngợi tính cách Nga *“con người có ý chí kiên cường*” và lòng nhân ái.  - Tác giả còn miêu tả con người bình thường với phẩm chất yêu nước tiềm tàng, thầm lặng.  - Khi chia tay với hai cha con Xô – lô- lốp, tác giả nghĩ ngay tới *“hai con người côi cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng cuả bão tố chiến tranh thổi bạt tới những mền xa lạ”*  🡪 Sô – lô – khốp nhắc nhở và kêu gọi sự quan tâm của xã hội đối với nhân cách con người và góp tiếng nói lên án chiến tranh phi nghĩa.  => Tác giả dũng cảm nói lên sự thật, không sợ màu sẫm và gai góc. |
| **Hoạt động 5: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV:**  nêu vấn đề: Tình huống truyện, chi tiết truyện, giọng văn, ngôn ngữ, chất sử thi của thiên truyện được thể hiện như thế nào?  **- GV:**  có thể gợi ý bằng cách nhắc lại khái niệm, đặc điểm của tính sử thi trong văn học.  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | | **III/ Tổng kết**  **1) Nghệ thuật:**  - Miêu tả sâu sắc, tinh tế nội tâm và diễn biến tâm trạng nhân vật.  - Lời kể chuyện giản dị, sinh động, giàu sức hấp dẫn và lôi cuốn.  - Nhiều đoạn trữ tình ngoại đề gây xúc động mạnh cho người đọc.  **2) Ý nghĩa văn bản:**            Con người bằng ý chí và nghị lực, lòng nhân ái và niềm tin vào tương lai, cần và có thể vượt qua những mất mát do chiến tranh và bi kịch của số phận. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  ĐÁP ÁN  [1]='b'  [2]='a'  [3]='d'  [4]='b'  [5]='d'  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:**  Những thông tin nào dưới đây **không**chính xác về tác giả “ Số phận con người” ?  a. Sinh 1905, mất 1984, quê thị trấn Vi-ô-sen-xkai-a, thuộc thảo nguyên sông Đông, tỉnh Rô-xtốp, Liên Xô b. Xuất thân từ tầng lớp công nhân. c. Tham gia chiến tranh vê quốc và cách mạng từ rất sớm. d.Giải thưởng Nô-ben văn học năm 1965.  **Câu hỏi 2:**    Đâu là nhận xét đúng về nội dung của tiểu thuyết Sông Đông êm đếm?  a.  Là một bộ tiểu thuyết sử thi đồ sộ, dựng được cuộc sống sinh động của người dân Cô-dắc vùng sông Đông cùng những biến động xã hội và đấu tranh quyết liệt diễn ra ở cùng này trong những biến động xã hội và đấu tranh quyết liệt diễn ra ở vùng này trong những năm nội chiến sau cách mạng tháng Mười. b. Là bộ tiểu thuyết vĩ đại của nước Nga, tác giả đã miêu tả cuộc chiến tranh khốc liệt của nhân dân vùng sông Đông trong những năm nội chiến sau cách mạng tháng Mười. c.  Là bộ tiểu thuyết lịch sử vĩ đại nhất của nứơc Nga, tác giả đã miêu tả cuộc chiến tranh khốc liệt của nhân dân vùng sông Đông trong những năm nội chiến sau cách mạng tháng Mười. d. Vượt lên cả “Chiến tranh và hòa bình” của Lép Tôn-xtôi, “Sông  Đông êm đềm” của Sô-lô-khốp đã dựng lại bức tranh toàn cảnh về cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô từ 1941 đến 1945.  **Câu hỏi 3:** Sô-lô-khốp được tặng giải thưởng Nô-ben văn học năm nào? a. 1945 b. 1950       c. 1960 d. 1965  **Câu hỏi 4:** Tên truyện “Số phận con ngừơi” gợi cho anh (chị) lien tưởng đến  những nội dung gì?  a. Làm người sướng, khổ là do số. b. Những ngừơi trong tác phẩm sẽ là những số phận chịu nhiều đau khổ. c. Con người không bao giờ gặp may mắn. d. Những con người trong tác phẩm là những con người nhu nhược.  **Câu hỏi 5:**  Dòng nào sau đây nói về mục đích sáng tác “Số phận con người” ?  a. Tái hiện cuộc sống gian khổ của nhân dân Nga trong cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. b.Phản ánh một sự thật đau thương, mất mát do chiến tranh gây ra, nhằm phản đối chiến tranh. c. Ca ngợi những tấm gương hi sinh anh dũng của các chiến sĩ Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. d.Phê phán lối sống ích kỉ, lối nhìn thiển cận của không ít người Nga sau cuộc chiến tranh.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Trả lời:  - Người lính Xô-cô-lốp:   + Niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng đã chôn trên đất Đức.  + Bước ra khỏi cuộc chiến không biết đi về đâu, đành về tá túc nhờ nhà người bạn và làm nghề lái xe cho nông trường.  + Hay uống rượu để dịu bớt nỗi đau.   Nhân vật chịu đựng sự đau đớn, mất mát quá lớn, nỗi bất hạnh tột cùng của một kiếp người. Xô-cô-lốp phải sống chung với nỗi cô độc trống vắng hụt hẫng. Biết rượu là món nguy hại mà vẫn cứ uống chứng tỏ nhân vật rơi vào tình cảnh đau buồn bế tắc. Tuy vậy nhân vật vẫn tràn đầy nghị lực.   - Bé Va-ni-a.  + Cha mẹ không còn   + Lang thang vất vưởng, đói rách, ăn xin.  + Đôi măt như ngôi sao sáng ngời sau trận mưa đêm.  Thân phận mồ côi bơ vơ, lạc loài thật đáng thương nhưng chú bé thật hồn nhiên, trong sáng.  Sơ kết: Hai số phận đau thương nghiệt ngã đặt cạnh nhau, bổ sung cho nhau làm rõ những mất mát không gì bù đắp nổi do chiến tranh gây ra. Ý nghĩa tố cáo chiến tranh toát ra từ đây.  **d) Tổ chức thực hiện:**  *GV yêu cầu: Phân tích hoàn cảnh đáng thương của con người sau chiến tranh*trong đoạn trích Số phận con người  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\* Hướng dẫn về nhà:**

***- Củng cố:*** Đọc nhiều lần đoạn cuối : “*Hai con người côi cút….trên má anh*” để thấy được ý chí và nghị lực , niềm tin ở tương lai của người dân Xô viết sau chiến tranh cũng như bút pháp trữ tình đằm thắm của Sô lô khôp.

**- *Dặn dò:*** Chuẩn bị bài: **Trả bài làm văn số 6.**

*Trường:.................*

*Tổ:.........................*

**Trả bài làm văn số 6**

*Môn học/ Hoạt động giáo dục:..........; Lớp:.............*

*Thời gian thục hiện:.......tiết*

**I- Mục tiêu cần đạt**

1. Củng cố kiến thức về nghị luận văn học rút kinh nghiệm cách viết một bài nghị luận văn học.

2. Nhận ra những ưu - nhược điểm về kiến thức về kiến thức và khả năng viết bài nghị luận về thơ trữ tình.

3. Rút kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm và hạn chế nhược điểm để chuẩn bị cho bài làm văn số 6.

**II- Chuẩn bị**

1. HS chuẩn bị dàn ý bài viết (ở nhà).

2. GV chấm chữa bài, chuẩn bị nhận xét chung và nhận xét cụ thể.

**III- Các nội dung dạy –  học cơ bản**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **Hoạt động 1 - Tổ chức phân tích đề**  1. GV tổ chức cho HS ôn lại cách phân tích đề (Khi phân tích một đề bài, cần phân tích những gì ?) HS áp dụng để phân tích đề bài viết số 6.- HS nhớ lại kiến thức phân tích đề, áp dụng phân tích đề bài số 6.  - GV định hướng, gạch dưới những từ ngữ quan trọng để chỉ ra các yêu cầu của đề. | **I. Phân tích đề**  1. Khi phân tích một đề bài, cần phân tích :  - Nội dung vấn đề.  - Thể loại nghị luận và những thao tác lập luận chính.  - Phạm vi tư liệu cần sử dụng cho bài viết.  2. Phân tích đề bài viết số 5  - Yêu cầu kiểu bài Đọc hiểu và Nghị luận về 2 ý kiến bàn về một đoạn trích văn xuôi;  - Yêu cầu nội dung :  - Yêu cầu về phương thức diễn đạt, vận dụng thao tác phân tích là chính kết hợp thao tác lập luận, giải thích, so sánh, bình luận. |
| **Hoạt động 2 - Tổ chức xây dựng đáp án (dàn ý)** | **II. Xây dựng đáp án (dàn ý)** |
| GV tổ chức cho HS xây dựng dàn ý chi tiết cho đề bài viết số 6 (GV nêu câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn chỉnh dàn ý (đáp án) làm cơ sở để HS đối chiếu với bài viết của mình). | ( Xem phụ lục ở dưới) |
| **Hoạt động 3 - Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết**  - GV cho HS tự nhận xét và trao đổi bài để nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét những ưu, khuyết điểm. |  |
| **Hoạt động 4 - Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết**  GV hướng dẫn HS trao đổi để nhận thức lỗi và hướng sửa chữa, khắc phục. | IV. Sửa chữa lỗi bài viết  Các lỗi thường gặp :  + Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  + Sự kết hợp các thao tác nghị luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý.  + Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  + Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp,… |
| **Hoạt động 5 - Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm**  GV tổng kết và nêu một số điểm cơ bản cần rút kinh nghiệm | V. Tổng kết rút kinh nghiệm  Nội dung tổng kết và rút kinh nghiệm dựa trên cơ sở chấm, chữa bài cụ thể. |

**ĐÁP ÁN BÀI VIẾT SỐ 6 ( Ở NHÀ)**

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự ( 0.5đ)

Câu 2. Văn bản viết về chuyện chiếc bình nứt nhằm mục đích nói chuyện con người, cụ thể hơn là cách ứng xử của con người.( 0.5đ)

Câu 3. Vết nứt trên chiếc bình ẩn dụ cho điều : Hạn chế, khiếm khuyết trong mỗi con người( 1.0đ)

Câu 4. Nỗi xấu hổ, day dứt của chiếc bình nứt gợi liên tưởng đến tâm trạng của con người khi đối diện với những khiếm khuyết của bản thân ( 1.0đ)

**Phần II. Làm văn (7,0 điểm)**

I.Mở bài:

Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim là truyện ngắn Vợ nhặt.

Nhận xét về tác phẩm có ý kiến cho rằng Ở truyện ngắn này, nhà văn chú tâm miêu tả kĩ lưỡng hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945.Ý kiến khác lại nhấn mạnh: nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ.

- Điều đó được thể hiện qua đoạn trích

II.Thân bài:

1.Giới thiệu chung về tác phẩm.

- Vợ nhặt là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng. Truyện được in trong tập Con chó xấu xí (1962)

- Bằng cách dựng lên tình huống truyện “nhặt vợ” độc đáo, qua tình huống đó nhà văn Kim Lân đã kín đáo lên tiếng phê phán xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám, đói rách, nghèo khổ. Nhân phẩm con người bị rẻ rúng, vì đói, vì chạy trốn khỏi cái chết mà người ta có thể liều về làm vợ một người không quen biết chỉ bằng vài bát bánh đúc... Đó là những đau đớn, nhục nhằn của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng. Nhưng trên nền hiện thực đen tối ấy vẫn sáng lên niềm yêu thương, niềm tin vào cuộc đời mới tốt đẹp hơn. Đó là cái nhìn phát hiện đầy nhân đạo của nhà văn Kim Lân.

2. Giải thích ý kiến:

a. Ý kiến “Ở truyện ngắn này, nhà văn chú tâm miêu tả kĩ lưỡng hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945 ”: hiện thực tàn khốc là bức tranh phản ánh chân thật đời sống xã hội. Trong truyện, đó là nạn đói khủng khiếp Ất Dậu 1945 được thể hiện qua lăng kính của nhà văn. Ýkiến chú ý đến giá trị hiện thực của tác phẩm;

 b. Ý kiến “nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ. ”: Vẻ đẹp tiềm ẩn là vẻ đẹp trong bề sâu, bề xa của tâm hồn con người. Ý kiến chú ý đến giá trị nhân đạo của tác phẩm;

Cả 2 ý kiến đã khái quát giá trị tư tưởng truyện ngắn Vợ nhặt của Kim lân.

3. Phân tích đoạn trích để làm sáng tỏ hai ý kiến:

a. Ý kiến “…hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945 ”

- Bữa cơm ngày đói thật thảm hại trong ngày đón con dâu phản ánh chân thực số phận bi đát của người nông dân trong nạn đói Ất dậu năm 1945; ( phân tích các chi tiết về mâm cơm, nồi chè khoán...)

- Tâm trạng của các nhân vật bà cụ Tứ, Tràng và người vợ nhặt trong bữa cơm ngày đói ( phân tích các chi tiết để làm rõ tâm trạng vui buồn lẫn lộn của bà mẹ già, tâm trạng tủi hờn của vợ chồng Tràng khi ăn miếng cám nghẹn bứ, chát xít);

- Khép tác phẩm là âm thanh tiếng trống thúc thuế báo hiệu nạn đói tiếp tục đe doạ; hình ảnh âm thanh tiếng quạ báo hiệu cái chết; hình ảnh đám người đói biểu tượng cho cái đói khủng khiếp…

b. “nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ”.

- Vẻ đẹp tâm hồn của bà cụ Tứ:

+ Giàu lòng yêu thương con;

+ Niềm tin lạc quan vào tương lai tươi sáng:

++Bà lão “vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn ”, “nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng ngày sau”, “cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên ”. Dù chẳng trọn vẹn nhưng cũng phần nào gieo vào lòng đôi vợ chồng trẻ niềm tin vào ngày mai. Một ngày mai tươi sáng hơn đang chờ họ. Bà cụ Tứ nghĩ thế và chắc chắn sẽ là như thế! Chính tình thương của mẹ đã mang đển hạnh phúc cho Tràng, đem lại lối thoát cho vợ Tràng và tất yếu tình thương ấy sẽ mãi mãi nâng đỡ họ.

++ Lời khuyên của bà với con: -Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...là lời khuyên rất thực tế, là suy nghĩ của một bà lão nông dân sắp gần đất xa trời, không lo nghĩ cho mình mà chỉ lo cho con. Nuôi gà cũng chính là nuôi niềm hy vọng cho ngày mai.

++ Cảnh Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút cứ ngỡ bà như bà Tiên trong truyện cổ tích. Nồi chè khoán của bà cũng chính là chiếc đũa thần của bà Tiên ấy, đưa lên để làm nên phép nhiệm màu: thắp ngọn lửa niềm tin vào tương lai.

+ Niềm tin vào sự đổi đời của người nông dân trước hiện thực đói nghèo, tăm tối vẫn còn vây bủa: Hình ảnh lá cờ đỏ bay phấp phới trong óc Tràng có ý nghĩa biểu tượng, khép truyện nhưng mở ra cả trời ý nghĩa. Lá cờ đỏ lá cờ của Việt Minh. Cách mạng sẽ về. Chính cách mạng sẽ làm nên sự sống bất diệt.

+ Phân tích nghệ thuật: Tình huống truyện độc đáo, cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí tinh tế, dựng đối thoại sinh động, ngôn ngữ đậm chất nông dân, có sự gia công sáng tạo của nhà văn.

-Nhận xét ý nghĩa  đoạn trích:

        +  Giá trị hiện thực: gián tiếp tố cáo tội ác của bọn thực dân phát xít, phản ánh sự hướng về cách mạng của người nông dân;

        + Giá trị nhân đạo: Cảm thông với nỗi thống khổ của người nông dân; ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của họ. Ca ngợi tình mẫu tử, tình cảm gia đình. Gửi gắm niềm tin vào tương lai...

4. Đánh giá hai ý kiến.

- Hai ý kiến đều đúng, không mâu thuẫn bài trừ nhau mà bổ sung cho nhau góp phần làm sáng tỏ nội dung của tác phẩm.

- Qua hai ý kiến, người đọc hiểu hơn giá trị của truyện Vợ nhặt, hiểu tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân Việt Nam mà suốt cuộc đời cầm bút ông đã từng yêu thương họ. Qua đó, ngòi bút tinh tế cũng như sự thấu hiểu tâm lí, đời sống người nông dân của nhà văn Kim Lân hiện lên rất sâu sắc và sáng tạo.

III.Kết bài:

Khái quát lại vấn đề và đánh giá về thành công của tác giả, tác phẩm, đoạn trích

 Bày tỏ suy nghĩ riêng về giá trị của truyện, của đoạn trích.

\* **Hướng dẫn về nhà:**

- Soạn bài: **ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ**

(Trích)

**Hê-ming-uê**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

-Ý chí và nghị lực của ông lão đánh cá trong cuộc chinh phục con cá kiếm cũng như chống chọi với sự dữ dội của biển khơi.

- Chi tiết giản dị, chân thực, mang ý nghĩa hàm ẩn lớn lao.

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tiểu thuyết của Hêmingue;

- Năng lực đọc – hiểu tiểu thuyết của Hêmingue;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tiểu thuyết của Hêmingue;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật tiểu thuyết của Hêmingue;

- Năng lực phân tích, so sánh ý nghĩa các chi tiết nghệ thuật trong tiểu thuyết của Hêmingue;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Xem một đoạn phim Ông già và biển cả;  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Thiên nhiên và con người, con người và hiện thực – con người và mơ ước... bao nhiêu vấn đề sâu sắc hàm nghĩa triết lí đã được đặt ra, khơi ra từ một chuyến biển săn cá thành công và thất bại ngoài sức tưởng tượng được thể hiện trong một áng văn xuôi giản dị và trung thực về con người của tác giả Giã từ vũ khí và Chuông nguyện hồn ai, Hạnh phúc ngắn ngủi của Macômbơ − nhà văn Mĩ lừng danh Hêminhuê.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  **- GV** yêu cầu 1 HS đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và Nêu những ý chính về Hê-ming-uê, tiểu thuyết Ông già và biẻn cả, vị trí của đoạn trích học.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  + Nhà văn Mĩ để lại dấu ấn sâu sắc trong văn xuôi hiện đại phương Tây và góp phần đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết của nhiều thế hệ nhà văn trên thế giới.  + Những tiểu thuyết nổi tiễng của Hê-ming-uê: Mặt trời vẫn mọc (1926), Giã từ vũ khí (1929), Chuông nguyện hồn ai (1940).  + Truyện ngắn của Hê-ming-uê được đánh giá là những tác phẩm mang phong vị độc đáo hiếm thấy. Mục đích của nhà văn là "Viết một áng văn xuôi đơn giả và trung thực về con người".  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. O-nit Hê-ming-uê (1899- 1961):**  -  Hê-minh-uê (1899 – 1961), một trong những nhà văn lớn nhất của nước Mĩ thế kỉ XX, nổi tiếng với nguyên lí “tảng băng trôi” ; với hoài bão viết cho được “một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người”.  **2. Ông già và biển cả (The old man and the sea)**  + Được xuất bản lần đầu trên tạp chí Đời sống.  + Tác phẩm gây tiếng vang lớn và hai năm sau Hê-ming-uê được trao giải Nô-ben.  + Tóm tắt tác phẩm (SGK).  + Tác phẩm tiêu biểu cho lối viết "Tảng băng trôi": dung lượng câu chữ ít nhưng "khoảng trống" được tác giả tạo ra nhiều, chúng có vai trò lớn trong việc tăng các lớp nghĩa cho văn bản (Tác giả nói rằng tác phẩm lẽ ra dài cả 1000 trang nhưng ông đã rút xuống chỉ còn bấy nhiêu thôi).  **3. Đoạn trích**  + Đoạn trích nằm ở cuối truyện.  + Đoạn trích kể về việc chinh phục con cá kiếm của ông lão Xan-ti-a-gô. Qua đó người đọc cảm nhận được nhiều tầng ý nghĩa đặc biệt là vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mìnhvà ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cá kiếm. |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản Sự lặp lại những vòng lượn của con cá kiếm**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được tình huống truyện.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -**GV** yêu cầu HS đọc lướt nhanh và tóm tắt đoạn trích, sau đó nêu một số câu hỏi và hướng dẫn thảo luận.  ***Câu hỏi 1:****Xan-ti-a-gô là một con người như thế nào? Nhận xét khái quát về hai hình tượng nổi bật trong đoạn trích: ông lão và con cá kiếm.*  ***Câu hỏi 2:***Hình ảnh những vòng lượn của con cá kiếm được nhắc đi nhắc lại trong đoạn văn gợi lên những đặc điểm gì về cuộc đấu giữa ông lão và co cá (thời điểm, phong độ, tư thế,…)?  ***Câu hỏi 3:****Cảm nhận về con cá kiếm tập trung vào những giác quan nào của ông lão? Chứng minh rằng những chi tiết này gợi lên sự tiếp nhận từ xa đến gần, từ bộ phận đến toàn thể.*  ***Câu hỏi 4:****Hãy phát hiện thêm một lớp nghĩa mới: phải chăng ông lão chỉ cảm nhận đối tượng bằng giác quan của một người đi săn, một kẻ chỉ nhằm tiêu diệt đối thủ của mình? Hãy tìm những chi tiết chứng tỏ một cảm nhận khác lạ ở đây, từ đó nhận xét về mố, liên hệ giữa ông lão và con cá kiếm.*  ***Câu hỏi 5:****So sánh hình ảnh con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó. Điều này gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì? Vì sao có thể coi con cá kiếm như một biểu tượng?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  1.  Nó có gắng thoát khỏi sự níu kéo bủa vây của người ngư phủ  + Nó cũng dũng cảm kiên cường không kém gì đối thủ.  3. + Trước một con cá lớn như vậy, thọat tiên ông lão chỉ nhìn thấy từng bộ phận, chỉ tấn công được vào từng bộ phận trước khi nó xuất hiện toàn thể trước mặt ông.  *+ “Một cái  bóng đen vượt dài qua dướiư con thuyền, đến mức lão không thể tin nổi độ dài của nó.”*  *+ “Cái đuôi lớn hơn cả chiếc lưỡi hái lớn, màu tím hồng dựng trên mặt đại dương xanh thẫm”*  *+ “Cánh vi trên lưng xếp lại, còn bộ vây to sụ bên sườn xòe rộng”*  *+*Ông lão*“vận hết sức bình sinh … phóng xuống sườn con cá ngay sau cái vây ngực đồ sộ”*  + Con cá *“phóng vút lên khỏi mặt nước phô hêt tầm vóc khổng lồ, vẻ đẹp và sức lực”*  *+ “nằm ngửa phơi cái bụng ánh bạc của nó lên trời”*  4. + Ông lão làm nghề câu cá, bắt được cá là mục đích, là cuộc sống  của ông. Nhưng ông yêu quy nó như *“người anh em”*, gọi nó là *“cu cậu”* rất than mật.  + Con cá là hiện thân của cái đẹp, nhưng vì sự tồn tại của mình mà ông phải tiêu diệt nó, hủy hoại cái thân yêu, quy trọng nhất của đời mình.  + Đó là sự chiêm ngưỡng, sự cả kích trước vẻ đẹp và sự cao quy‎ của con cá.  *“Tao chưa hề thấy bất kì ai hùng dũng, duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng hơn mày, người anh em ạ.”*  + Đó là quan hệ giữa hai kì phùng địch thủ, ngang tài ngang sức, đều nỗ lực hết mình.  + Đó là quan hệ giữa con người và cái đẹp, cái mơ ước.  5. + Khi chưa bị chế ngự: Nó có vẻ đẹp kì vĩ, kiêu hùng  🡪 Biểu tượng cho ước mơ, lí tưởng mà mỗi người thường đeo đuổi trong cuộc đời.  + Khi nó bị chế ngự: Nó mất đi vẻ đẹp mơ hồ, lung linh, trở nên cụ thể, hiện thực.  + Lúc đầu, ông thu dây để kéo con cá khỏi quay vòng  + Vì quá cố gắng, ông thấy sức lực suy kiệt nhanh chóng, cảm thấy “*hoa mắt, “mồ hôi xát muối vào mắt lão và xát muối lên vết cắt phía trên mắt và trán”*  + Lão tự động viên bản thân: *“Kéo đi, tay ơi …  Hãy đứng vững, đoi chân kia. Tỉnh táo vì tao, đầu à.”*  + Ông tìm mọi cách di chuyển được con cá nhưng cúng là lúc kiệt sức *“miệng lão khô khốc không thể nói nổi”.*  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:**  **1. Sự lặp lại những vòng lượn của con cá kiếm:**  - Gợi lên hình ảnh một ngư phủ lành nghề kiên cường:  Chỉ bằng con mắt từng trải và cảm giác đau đớn nơi bàn tay, ông lão ước lượng được khỏang cách ngày càng gần tới đích qua vòng lượn từ rộng tới hẹp, từ xa tới gần của con cá.  - Vòng lượn cũng vẽ lên những cố gắng cuối cùng nhưng cũng rất mãnh liệt của con cá;  - Vòng lượn cũng biểu hiện cảm nhận của ông lão về con cá, tập trung vào hai giác quan là thị giác và xúc giác  Nhưng chỉ là cảm nhận gián tiếp vì Xan-ti-a-gô  chưa thể nhìn thấy con cá mà chỉ đoán biết nó qua vòng lượn.  **2. Con cá kiếm qua cảm nhận  của ông lão:**  - Cảm nhận ngày càng mãnh liệt hơn, đặc biệt là từ *“vòng thứ ba, lão đầu tiên nhìn thấy con cá”.*  - Sự miêu tả đúng như sự việc xảy ra trong thực tế;  - Cảm nhận qua xúc giác vẫn có phần gián tiếp (qua sợi dây, qua mũi lao) nhưng vẫn rất mãnh liệt và ngày càng đau đớn.  **3. Sự cảm nhận khác lạ của ông lão qua cuộc trò chuyện với con cá:**  - Ông không chỉ cảm nhận con cá bằng thị giác và xúc giác, không chỉ bằng động tác mà còn bằng cả trái tim, sự cảm thông.    🡪 Bi kịch tinh thần của ông lão.  - Sự cảm nhận của ông lão về *“đối thủ”* không nhuốm màu thù hận, không chỉ có quan hệ giữa người đi câu và con cá câu được mà ngược lại:  🡪 Vẻ đẹp cao thượng trong tâm hồn ông lão.  **4. Những hình ảnh mang tính biểu tượng:**  ***- Con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó:***  🡪 Biểu tượng cho ước mơ trở thành hiện thực, không còn khó nắm bắt hoặc xa vời. Có như vậy, người ta mới luôn theo đuổi những ước mơ.  ***- Những hành động của ông lão:***  🡪 Đó là sự kiên trì, ngoan cường, quyết tâm của ông lão. Đó là một biểu tượng đẹp về nghị lực của con người *“Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể đánh bại”.* | |
| **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản  HS đọc lướt nhanh và tóm tắt đoạn trích, sau đó thảo luận.  HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III/Tổng kết**  **1) Nghệ thuật**  - Lối kể chuyện độc đáo kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời kể với văn  miêu tả cảnh vật đối thoại và độc thoại nội tâm.  - Ý nghĩa hàm ẩn của hình tượng và tính đa nghĩa của ngôn ngữ.  **2) Ý nghĩa văn bản**            Cuộc hành trình đơn độc, nhọc nhằn của con người vì một khát vọng lớn lao là chứng minh cho chân lí: “Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại”. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: ĐÁP ÁN  [1]='a'  [2]='a'  [3]='c'  [4]='a'  [5]='a'  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:**   Đâu là lời nhận xét về tác giả Hê-min-guê?  a. Ông “không phải là người viết tiểu thuyết hay, song ông là tác giả của những truyện ngắn tuyệt vời”. b. “Con đại bàng mỏ vàng bất chợt vẫy lean đôi cánh mênh mang”. c. Ông là người sinh ra để làm nghê sĩ của đồng quê, “làm công cụ của thiên nhiên”. d. Ông là nghệ sĩ của vũ trụ chứ không phải là nhà văn của những con người lầm than.  **Câu hỏi 2:**    Đặc điểm của tác phẩm văn học được sáng tác theo nghuyên lí “ tảng băng trôi” là gì?  a. Một tác phẩm ngắn gọn, hàm súc, “ý tại ngôn ngoại”. b. Một tác phẩm có lối viết cầu kì, bí hiểm. c. Một tác phẩm mô phỏng hiện thực đời sống như nó vốn có. d. Một tác phẩm kinh dị, chỉ có những người trong cuộc mới hiểu được.  **Câu hỏi 3:** Tác phẩm “Ông già và biển cả” ra đời năm nào?  a. 1950.         b. 1951.       c. 1952.  d. 1953.  **Câu hỏi 4:**   Nét độc đáo của tác phẩm “Ông già và biển cả”? a. Nghệ thuật biểu tượng,ẩn dụ. b. Nghệ thuật xây dựng tính cách điển hình, trong hoàn cảnh điển hình. c. Cốt truyện rõ ràng, xung đột dữ dội. d. Xây dựng tính cách nhận vật không cần có hành động.  **Câu hỏi 5:**    Nhân vật Xan-ti-a-gô (ông già) trong tác phẩm là biểu tượng về con người nào?  a. Về con người cho tới phút cuối cùng vẫn đuổi theo một kì vọng và cố đạt lấy nó. b. Về con người có nhiều tham vọng trong cuộc sống. c.  Về con người ảo tưởng về sức mạnh của chính mình. d. Về con người sống theo linh cảm, không biết lường trước khó khăn.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS trả lời câu hỏi: *Trình bảy đặc sắc nghệ thuật đoạn trích Ông già và biển cả*  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Trả lời:  - Lối kể kết hợp với miêu tả rất giản dị, đặc biệt ngông ngữ đối thoại kết hợp với độc thoại nội tâm nên Xan-ti-a-gô luôn đặt trong sự ứng chiếu với thiên nhiên, làm cho nhân vật không cô đơn giữa trời nước bao la mà có tầm vóc kì vĩ và khi đối thoại với chính mình (cụm từ lão nghĩ nhắc lại nhiều lần), nhân vật được nhân đôi sức mạnh (tinh thần và sức lực).           - Cách hành văn có nhiều “khoảng trắng”, nhiều chi tiết và hình tượng đa nghĩa đã làm nổi rõ nguyên lí tảng bang trôi. Chẳng hạn, Xan-ti-a-gô nghĩ: Con cá là vận may của ta được hiểu là ông không còn mắt vận rủi đeo đẳng, hết thời như dân làng nghĩ, vì đã tám mươi tư ngày qua ông đi biển về tay không. Ý nghĩ ấy còn bộc lộ đức khiêm tốn của một người lao động.  **d) Tổ chức thực hiện:**  *Trình bảy đặc sắc nghệ thuật đoạn trích Ông già và biển cả*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

\* **Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

**- Củng cố:** Đọc kĩ đoạn trích, phân tích hình ảnh ông lão đánh cá đơn độc, dũng cảm; kết quả và ý nghĩa của cuộc săn đuổi con cá kiếm.

**- Dặn dò:** Chuẩn bị bài: **Diễn đạt trong văn nghị luận.**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết được cách thức lập luận trong văn nghị luận;

- HS hiểu cách lập luận trong văn nghị luận đề làm bài tập lĩnh hội và tạp lập văn bản;

- Viết đoạn văn ( 200 từ) đảm bảo diễn đạt trôi chảy;

- Vận dụng hiểu biết về diễn đạt trong văn nghị luận để hoàn thành bài làm văn trọn vẹn

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến diễn đạt trong văn nghị luận ( dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, phong cách ngôn ngữ)

- Năng lực đọc – hiểu  các văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về phương pháp diễn đạt trong văn nghị luận;

 - Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  **- GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:  *Kẻ thù lớn nhất của tất cả chúng ta là sự lười biếng. Nếu chúng ta không lười biếng thì mọi cái mà chúng ta chông thấy đều là các cơ hội, bởi vì càng khó khăn cơ hội càng lớn. Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi. Gọi là lý thuyết bên bờ vực. Tôi không bao giờ làm việc gì rễ và không làm việc gì mà người khác có thể ngay lập tức làm giống tôi được. Tôi gọi là lý thuyết bên bờ vực bởi vì kẻ định cạnh tranh với mình không dám theo gia mép vực để cạnh tranh và kẻ thù cũng không dám theo mình ra mép vực. Tôi nghĩ rằng không lười biếng và phải dũng cảm, hai cái đấy tạo ra cơ hội. Các bạn đừng sợ. Khó khăn là thuốc kích thích để mỗi con người dũng cảm, sáng suốt và sống có lý tưởng. Mọi khó khăn là điềm báo tạo cơ hội.*  (*Ông Nguyễn Trần Bạt đối thoại với sinh viên Học viện Ngoại giao*, nguồn chungta.com)  Trong đoạn trích trên, có một số lỗi sai về chính tả và một lỗi ngữ pháp câu. Hãy chỉ ra lỗi và sửa lại cho đúng .  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - Chỉ ra lỗi sai:  + Lỗi sai về chính tả: *chông, rễ, gia*  *+*Lỗi sai về ngữ pháp: *Gọi là lý thuyết bên bờ vực.*  - Sửa lại cho đúng:  + Chính tả: *trông, dễ, ra*  *+*Ngữ pháp: thêm dấu phẩy đằng trước, coi câu này chỉ là một bộ phận của câu. Câu hoàn chỉnh sẽ là: *Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi, gọi là lý thuyết bên bờ vực.*  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong quá trình làm văn nghị luận, các em thường hay mắc lỗi về diễn đạt. Những lỗi đó là gì? Bài học hôm nay chúng ta sẽ chỉ ra lỗi và cách sửa sai.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được cách sử dụng từ gữ trong bài văn nghị luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** cho HS tìm hiểu ví dụ (1) (2) trong SGK và làm rõ các nội dung:  - Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhưng cách dùng từ ngữ của hai đoạn khác nhau như thế nào? Hãy chỉ rõ ưu điểm và nhược điểm trong cách dùng từ của mỗi đoạn.  - Cho HS chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp. Yêu cầu HS sửa lại những từ ngữ này.  **GV** tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 2 và trả lời các câu hỏi trong SGK.  **GV** tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 3 và trả lời các câu hỏi trong SGK.  **GV** hướng dẫn HS tổng hợp lại vấn đề đi đến kết luận yêu cầu sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  - Nhược điểm lớn nhất của đoạn văn (1) là dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp vói đối tượng được nói tới. Đó là những từ ngữ: nhàn rỗi, chẳng thích làm thơ, vẻ đẹp lung linh.     - ở đoạn văn (2) cũng còn mắc một số lỗi về dùng từ. Tuy nhiên, ở đoạn văn này đã biết cách trích lại các từ ngữ được dùng để nó chính xác cái thần trong con người Bác và thơ Bác của các nhà nghiên cứu, các nhà thơ khác làm cho văn có hình ảnh sinh động, giàu tính thuyết phục.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận**     - Đây là hai đoạn văn nghị luận cùng viết về một chủ đề, cùng viết về một nội dung. Tuy nhiên mỗi đoạn lại có cách dùng từ ngữ khác nhau.       - Các từ ngữ: linh hồn Huy Cận; nỗi hắt hiu trong cõi trời; hơi gió nhớ thương; một tiếng địch buồn; sáo Thiên Thai; điệu ái tình; lời li tao...được sử dụng đều thuộc lĩnh vực tinh thần, mang nét nghĩ chung: u sầu, lặng lẽ rất phù hợp với tâm trạng Huy Cận trong tập Lửa thiêng.     - Các từ ngữ giàu tính gợi cảm (đìu hiu, ngậm ngùi dài, than van, cảm thương) cùng với lối xưng hô đặc biệt (chàng) và hàng loạt các thành phần chức năng nêu bật sự đồng điệu giữa người viết (Xuân Diệu) với nhà thơ Huy Cận.     - Bài tập yêu cầu sửa chữa lỗi dùng từ trong đoạn văn:     + Các từ ngữ sáo rỗng, không phù hợp với đối tượng: Kịch tác gia vĩ đại, kiệt tác,...     + Dùng từ không phù hợp với phong cách văn bản chính luận: viết như nói, quá nhiều từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: người ta ai mà chẳng, chẳng là gì cả, phát bệnh.  **II. Cách sử dụng và kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận:**  Kết cấu phần này cũng tương tự như phần một: ba bài tập tự luận và một câu hỏi tổng hợp. Do đó cách tiến hành cũng tương tự như ở phần trên. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu ví dụ trong SGK xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được cách xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** tổ chức cho HS tìm hiểu ví dụ:  Ví dụ 1:  + GV: Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhưng cách dùng từ ngữ của hai đoạn khác nhau như thế nào?  + GV: Hãy chỉ rõ ưu điểm và nhược điểm trong cách dùng từ của mỗi đoạn?  - Cho HS chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp. Yêu cầu HS sửa lại những từ ngữ này.  Ví dụ 2, 3  + GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 2 và trả lời các câu hỏi trong SGK.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời lần lượt từng câu hỏi  Kết quả mong đợi:  + Đoạn văn của chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện thái độ căm thù trước tội ác của thực dân Pháp. Thái độ này được thể hiện qua cách xưng hô, sử dụng các câu ngắn, có kết cấu cú pháp tương tự như nhau.     + Đoạn văn của Nguyễn Minh Vĩ được diễn đạt theo kiểu nêu phản đề: nêu ý kiến đối lập rồi ngay lập tức bác bỏ và nêu ý kiến của mình. Cách hành văn như vậy tạo không khí đối thoại, trao đổi đồng thời cũng khẳng định sự trả lời dứt khoát của tác giả. Cách xưng hô ở đây cũng khác. Đó là cách xưng hô thân mật (anh).  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**     - Đoạn trích (1) sử dụng câu khẳng định dứt khoát, câu hô hào, thúc giục; kết hợp nhiều kiểu câu, sử dụng kết hợp câu ngắn, câu dài một cách hợp lí. Giọng văn thể hiện sự hô hào, thúc giục đầy nhiệt huyết.     - Đoạn trích (2) sử dụng nhiều từ ngữ gợi cảm xúc, nhiều thành phần đồng chức năng, thành phần biệt lập, tạo giọng văn giàu cảm xúc.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.**  1. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận     - Đối tượng bình luận và nội dung cụ thể của hai đoạn văn khác nhau.     - Sự khác biệt giọng điệu đầu tiên là do đối tượng bình luận, quan hệ giữa người viết với nội dung bình luận khác nhau. Sau đó, về phương diện ngôn ngữ, cách dùng từ ngữ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu... cũng tạo nên sự khác nhau đó.           Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc nhưng ở các phần trong bài văn có thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1A, 2D, 3A  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu 1/** Dòng nào dưới đây nêu không đúng yêu cầu  của việc sử dụng từ ngữ trong khi viết bài nghị luận văn học?  a/ Lựa chọn từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận;  b/Tránh dùng những từ lạc phong cách hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì;  **c/Có thể sáng tạo thêm một số cách diễn đạt các từ ngữ đểlàm cho bài văn thêm hấp dẫn;**  d/Kết hợp sử dụng các phép tu từ từ vựng và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc.  **Câu 2/** Để tạo giọng điệu cho bài văn nghị luận, người viết cần linh hoạt sử dụng yếu tố hình thức nào?  a/Ngôn ngữ có tính biểu cảm  b/Ngôn ngữ phải chính xác  c/Đa dạng về ngôn ngữ  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  - Đây là đoạn văn nghị luận văn học, bàn về vẻ đẹp của ca dao;  - Người viết có cách diễn đạt chuẩn xác và truyền cảm trong cách dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, đa dạng về giọng điệu ( từ ngữ gợi hình ảnh, cảm xúc qua biện pháp tu từ so sánh, liệt kê…)**d) Tổ chức thực hiện:**  **Nhận xét về cách diễn đạt trong văn bản sau:**  *Tôi mê ca dao từ những ngày còn nhỏ. Trước khi biết Xuân Diệu nói “*Ca dao là máu của Tổ quốc*”,* *trước khi nghe Tế Hanh nói* “ Tôi lớn lên bằng ca dao và sữa mẹ”*, tôi đã sững sờ trước những lời ru của má tôi. Mỗi lần ru con, bà cầm hai tao nôi, hoặc một tay chụm cả bốn tao nôi vừa đưa vừa hát. Lạ thay, má tôi làm lụng suốt ngày đầu tắt mặt tối mà khi chạm vào tao nôi của con thì ca dao tuôn ra như suối, bài nọ nối bài kia tưởng chừng như vô tận. Tràn ngập trong âm thanh du dương huyền hoặc là cả một thế giới lạ lùng, thế giới của mồ hôi nước mắt, thế giới của tình thương, của tình yêu, của cái thiện, của sự huyền ảo mộng mơ...*  *( Trích Lời ngỏ Vẻ đẹp trong ca dao- Nguyễn Đức Quyền)*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

\* **Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:** Học sinh tự xem lại một số bài văn nghị luận đã làm và sửa lại các lối diễn đạt (nếu có).

**- Dặn dò:** Soạn bài: **HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT**

(Trích)

**Lưu Quang Vũ**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của vở kịch.

- Những ràng buộc mang tính tương khắc giữa thể xác và linh hồn trong một nghịch cảnh trớ trêu :linh hồn nhân hậu, thanh cao phải sống nhờ, sống tạm một cách trái tự nhiên trong một thân xác phàm tục, thô lỗ.

- Cuộc đấu tranh giữa linh hồn và thể xác để bảo vệ những phẩm tính cao quý, để có một cuộc sống thật sự có ý nghĩa, xứng đáng với con người.

- Sức hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu, tính hiện đại và giá trị truyền thống, chất trữ tữ tình đằm thắm bay bổng và sự phê phán quyết liệt, mạnh mẽ.

- Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.

**2. Năng lực:**

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của vở kịch.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán tác giả *Lưu Quang Vũ*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Cho HS xem một đoạn video: *Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ để lại*  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Lưu Quang Vũ được biết đến với tư cách nhà thơ. Nhưng gây tiếng vang và được đặc biệt hâm mộ là với tư cách một nhà viết kịch tài ba. Những năm tám mươi, kịch của Lưu Quang Vũ đã chiếm lĩnh sàn diễn của rất nhiều nhà hát, công chúng náo nức đến với ánh đèn sân khấu.*  *Hiện tượng Lưu Quang Vũ là sự thăng hoa của tài năng nghệ sĩ cùng không khí sôi động của xã hội Việt Nam những năm 80 TKXX và tình thần nhân văn, dân chủ trong đời sống văn học lúc bấy giờ. Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong số rất nhiều những vở kịch nổi tiếng của nhà viết kịch tài ba này. Vở kịch mang ý nghĩa phê phán và tinh thần nhân văn sâu sắc. Trích đoạn SGK là cảnh tư tưởng của vở kịch và tài dựng cảnh, dựng đối thoại của ngòi bút Lưu Quang Vũ.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  1.**GV**yêu cầu 1 HS đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và nêu những ý chính về tác giả Lưu Quang Vũ  **GV** nhận xét đồng thời mở rộng một số vấn đề.  2.**GV**hướng dẫn HS nêu những ý chính về vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt và vị trí của đoạn trích học.  **HS** đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và nêu những ý chính về tác giả Lưu Quang Vũ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  **HS**nêu những ý chính về vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt và vị trí của đoạn trích học.  *+ Truyện dân gian gây kịch tính sau khi Hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt dẫn tới "vụ tranh chấp" chồng của hai bà vợ phải đưa ra xử, bà Trương Ba thắng kiện được đưa chồng về. Lưu Quang Vũ khai thác tình huống kịch bắt đầu ở chỗ kết thúc của tích truyện dân gian. Khi hồn Trương Ba được sống "hợp pháp" trong xác anh hàng thịt, mọi sự càng trở nên rắc rối, éo le để rồi cuối cùng đau khổ, tuyệt vọng khiến Hồn Trương Ba không chịu nổi phải cầu xin Đế Thích cho mình được chết hẳn.*  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là một tài năng đa dạng nhưng kịch là phần đóng góp đặc sắc nhất. Ông được coi là một trong những hiện tượng đặc biệt của sân khấu, một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học Việt Nam hiện đại.  **2. Vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt:**  + Vở kịch được Lưu Quang Vũ viết vào năm 1981, được công diễn vào năm 1984.  + Từ một cốt truyện dân gian, tác giả đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc.  3. Đoạn trích là phần lớn cảnh VII. Đây cũng là đoạn kết của vở kịch, đúng vào lúc xung đột trung tâm của vở kịch lên đến đỉnh điểm. Sau mấy tháng sống trong tình trạng "bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo", nhân vật Hồn Trương Ba ngày càng trở nên xa lạ với bạn bè, người thân trong gia đình và tự chán ghét chính mình, muốn thoát ra khỏi nghịch cảnh trớ trêu. |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu cuộc đối thoại giữa hồn trương Ba và xác anh hàng thịt**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được cuộc đối thoại giữa hồn trương Ba và xác anh hàng thịt.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS đọc phân vai thể hiện tính cách, tâm trạng của mỗi nhân vật và xung đột kịch.  **- GV** tổ chức cho HS tìm hiểu, thảo luận phần đầu của đoạn trích theo một số câu hỏi:       + *Cuộc đối   thoại  giữa  hai nhân vật Hồn –Xác bắt  đầu   trong  hoàn cảnh tình huống nào?*  *+Thái độ và lí lẽ của Hồn Trương Ba như thế nào? Vì sao càng lúc Hồn càng tỏ ra yếu ớt trong việc phản bác lại Xác và cuối cùng, gần như chịu thua Xác?*  *+Thái độ và lí lẽ của Xác hàng thịt trong cuộc tranh biện với Hồn Trương Ba?*     + *Chiến thắng tạm thời của Xác, thất bại tạm thời của Hồn có ý nghĩa ẩn dụ như thế nào?*  + *Trong vai nhà viết kịch Lưu Quang Vũ, anh ( chị) hãy phát biểu với người đọc ý tứ sâu xa tác giả kích bản muốn gửi gắm qua màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt?*  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  Kết quả mong đợi:  + Xác đã đưa ra những bằng chứng mà hồn cũng phải thừa nhận:  o Cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với "*tay chân run rẩy", "hơi thở nóng rực", "cổ nghẹn lại"*  o Đó là cảm giác *"xao xuyến"* trước những món ăn mà trước đây hồn cho là *"phàm".*  o Đó là cái lần ông tát thằng con *"tóe máu mồm máu mũi",…*   + Xác biết rõ những cố gắng của Trương Ba là vô ích nên đã cười nhạo cái lí lẽ mà hồn đưa ra để ngụy biện *"Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,…".*  + Xác lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc: tuyên bố sức mạnh âm u, đui mù ghê gớm của mình.   + Xác còn ve vãn hồn thoả hiệp vì: *“chẳng còn cách nào khác đâu”, “cả hai đã hoà nhau làm một rồi”*  + Trước những *“lí lẽ đê tiện”* của xác:  o Ban đầu, hồn Trương Ba nổi giận, khinh bỉ, mắng xác thịt hèn hạ  o Sau đó, hồn ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình nên chỉ nói những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.  o Cuối cùng, hồn đành phải nhập trở lại vào xác trong sự tuyệt vọng.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II/ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1. Cuộc đối thoại giữa hồn trương Ba và xác anh hàng thịt:**  **-**Do sự vô tâm và tắc trách của Nam Tào, Trương Ba phải chết một cách vô lí, Nam Tào sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba sống nhờ thể xác anh hàng thịt.  - Linh hồn nhân hậu, trong sạch, bản tính thẳng thắn của Trương Ba dần dần bị xác thịt thô phàm anh hàng thịt sai khiến, bị nhiễm độc.  - Ý thức được điều đó, linh hồn Trương Ba dằn vặt, đau khổ: *"- Không. Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi!”*  - Hồn Trương Ba quyết định chống lại bằng cách tách khỏi xác để tồn tại độc lập, không còn bị lệ thuộc.  - Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế đuối lí, bất lợi  **-Ý nghĩa của đoạn đối thoại:**  + Trương Ba được trả lại cuộc sống nhưng lại là một cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hoá.  + Tác giả cảnh báo: khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu sẽ bị dung tục ngự trị, lấn át và sẽ tàn phá những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý trong con người. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ GV đặt câu hỏi:**  - Qua lớp kịch hồn Trương Ba và gia đình (vợ, con, cháu), anh (chị) nhận thấy nguyên nhân nào đã khiến cho người thân của Trương Ba và cả chính Trương Ba rơi vào bất ổn và phải chịu đau khổ? Trương Ba có thái độ như thế nào trước những rắc rối đó?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  + Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang.  + Ông thẫn thờ, ôm đầu bế tắc, cầu cứu cháu gái, run rẩy trong trong nỗi đau, nhận thấy: *"Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ…”*  + Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: *“Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có thật không còn cách nào khác?”*  + Khẳng định dứt khoát: *“Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!".*       GV bình thêm:  − Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Nhưng không phải bất cứ cách sống, kiểu sống nào. Sống mà đánh mất bản thân, sống giả dối với người và với mình, sống như hồn Trương Ba đang sống, thì thà chết còn hơn! nhưng cũng phải trải nghiệm vài tháng trong cảnh sống bi hài bi đát ấy, hồn Trương Ba mới thức nhận được điều này. Và ông quyết định gọi mời Đế Thích xuống trần để thực hiện quyết định của mình.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **2. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân:**  **- Vợ Trương Ba:**  + buồn bã, đau khổ vì: *"ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".*  + đòi bỏ đi, nhường Trương Ba cho vợ anh hàng thịt.  **- Con dâu Trương Ba:**  + thấu hiểu cho hoàn cảnh trớ trêu của bố chồng: Chị biết ông *"khổ hơn xưa nhiều lắm".*  + Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình khiến chị không thể chịu được: *"Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng …  mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần…"*  **- Cháu gái Trương Ba: phản ứng quyết liệt và dữ dội**  + Nó khước từ tình thân: “*tôi không phải là cháu ông… Ông nội tôi chết rồi”*.  + Nó không thể chấp nhận con người đã làm "*gãy tiệt cái chồi non", "giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm"* trong mảnh vườn của ông nội nó.  + Nó hận vì ông đã làm gãy nát cái diều khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bắt đền.  + Với nó, "*Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy".*Nó xua đuổi quyết liệt: *"Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!".*  🡪 Người chồng, người cha, người ông trong sạch, nhân hậu trước đây đã và đang thành một kẻ khác, với những thói hư tật xấu của một tên đồ tể thô lỗ, phàm tục.  **- Tâm trạng, cảm xúc của Trương Ba:**  + Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang.  + Ông thẫn thờ, ôm đầu bế tắc, cầu cứu cháu gái, run rẩy trong trong nỗi đau, …  + Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: *…*  + Khẳng định dứt khoát: *…*  🡪 Trương Ba cũnh nhận thấy những thay đổi của mình nên đấu tranh quyết liệt để giành giật lại bản thân mình, dẫn tới hành động châm hương gọi Đế Thích. | |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1. GV đặt câu hỏi:**   - Em hãy lựa chọn và phân tích 3 lời thoại của nhân vật Trương Ba thể hiện rõ nhất sự giác ngộ từ khi gặp Đế Thích?  **GV** định hướng, gợi mở, bổ sung và chốt lại.  -Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quan niệm của Trương Ba và Đế Thích về ý nghĩa sự sống. Theo anh (chị), Trương Ba trách Đế Thích, người đem lại cho mình sự sống*(Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!) có đúng không? Vì sao? Màn đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích toát lên ý nghĩ gì?*  *-*Khi Trương Ba kiên quyết đòi trả xác cho hàng thịt, Đế Thích định cho hồn Trương Ba nhập vào cu Tị, Trương Ba đã từ chối. Vì sao?  - Chỉ với 3 lời thoại, hồn Trương ba đã trở lại là mình *nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn* để rồi dẫn đường cho những quyết định đau đớn, nghiệt ngã nhưng sáng suốt và tất yếu. Quyết định đó là gì? Trước khi đi đến quyết định này, tác giả đã đặt nhân vật của mình trước những lựa chọn nào? Nếu là Trương Ba, em có làm như vậy không?  *Đại diện nhóm lên trao kết quả trên bảng. GV cho các nhóm nhận xét và đưa ra kết quả thảo luận.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.* | **3. Cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích**  - Hồn TB không chấp nhận cảnh sống *bên trong một đằng, một ngoài một nẻo.*Ông muốn được sống theo đúng bản chất của mình: “Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”.  - Đế Thích khuyên Hồn Trương Ba nên chấp nhận. Hồn Trương Ba kiên quyết chối từ và kêu gọi Đế Thích sửa sai bằng việc làm cho cu Tị sống lại.          - Cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích trở thành nơi tác giả gửi gắm những quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống và cái chết. Hai lời thoại của Hồn trong cảnh này có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng:  *+ Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn…*  *+Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!.*  Người đọc, người xem có thể nhận ra những ý nghĩa triết lí sâu sắc và thấm thía qua hai lời thoại này.  +Thứ nhất, con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi. Khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu bản năng của thân xác thì đừng chỉ đổ tội cho thân xác, không thể tự an ủi, vỗ về mình bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn.  +Thứ hai, sống thực sự cho ra con người quả không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ, sống gửi, sống chắp vá, khi không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa. Những lời thoại của Hồn Trương Ba với Đế Thích chứng tỏ nhân vật đã ý thức rõ về tình cảnh trớ trêu, đầy tính chất bi hài của mình, thấm thía nỗi đau khổ về tình trạng ngày càng vênh lệch giữa hồn và xác, đồng thời càng chứng tỏ quyết tâm giải thoát nung nấu của nhân vật trước lúc Đế Thích xuất hiện.  + Quyết định dứt khoát xin tiên Đế Thích cho cu Tị được sống lại, cho mình được chết hẳn chứ không nhập hồn vào thân thể ai nữa của nhân vật Hồn Trương Ba là kết quả của một quá trình diễn biến hợp lí. Hơn nữa, quyết định này cần phải đưa ra kịp thời vì cu Tị vừa mới chết. Hồn Trương Ba thử hình dung cảnh hồn của mình lại nhập vào xác cu Tị để sống và thấy rõ "bao nhiêu sự rắc rối" vô lí lại tiếp tục xảy ra. Nhận thức tỉnh táo ấy cùng tình thương mẹ con cu Tị càng khiến Hồn Trương Ba đi đến quyết định dứt khoát. Qua quyết định này, chúng ta càng thấy Trương Ba là con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng. Đặc biệt, đó là con người ý thức được ý nghĩa của cuộc sống.  Qua màn đối thoại, ta thấy vẻ đẹp tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo, bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, tự nhiên. Đó chính là chất thơ trong kịch của Lưu Quang Vũ | |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu đoạn kết**  **a) Mục tiêu: Hiểu được ý nghĩa của vở kịch**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa đoạn kết của vở kịch.  - **HS** nghiên cứu kĩ các lời thoại và phát biểu ý kiến cá nhân đồng thời tranh luận nếu thấy cần thiết.  **HS** chỉ ra hàm ý cuộc đối thoại  **HS**tái hiện tác phẩm để trả lời, có thể chưa đồng tình với lựa chọn của Trương Ba.  **HS**tìm hiểu ý nghĩa đoạn kết của vở kịch.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **4. Đoạn kết**             - Lời cuối cùng của Trương Ba: “*Tôi vẫn ở đây*”. Cái chết không phải là sự ra đi vĩnh viễn. Con người sẽ bất tử với những điều tốt đẹp họ đóng góp cho cuộc đời, sẽ sống mãi trong tâm hồn những người thân yêu. ***Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời***              -Hành động của cái Gái vùi những hạt na xuống đất: Cái chết là điều tự nhiên, cuộc sống vẫn tiếp tục với những thế hệ thay nhau mà lớn khôn.  **-Kết thức vở kịch,** Hồn Trương Ba chấp nhận cái chết, môt cái chết làm sáng bừng lên nhân cách đẹp đẽ của Trương Ba, thể hiện sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp và sự sống đích thực  **-***Màn kết với chất thơ sâu lắng đã đem lại âm hưởng thanh thoát cho một bi kịch lạc quan và  truyền đi thông điệp về sự chiến thắng của sự sống đích thực, của chân, thiện, mỹ.* | |
| **Hoạt động 6: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV:**  nêu vấn đề: Tình huống truyện, chi tiết truyện, giọng văn, ngôn ngữ, chất sử thi của thiên truyện được thể hiện như thế nào?  **- GV:**  có thể gợi ý bằng cách nhắc lại khái niệm, đặc điểm của tính sử thi trong văn học.  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **III/Tổng kết**  **1) Nghệ thuật**  - Sáng tạo cốt truyện dân gian          - Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm.          - Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống,…  **2) Ý nghĩa văn bản**            Một trong những điều quý giá nhất của mỗi con người là được sống là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình có và theo đuổi. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống trong sự hài hòa tự nhiên giữa thể xác và tâm hồn. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1 ĐÁP ÁN  [1]='a'  [2]='d'  [3]='d'  [4]='c'  [5]='a'  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** **1.Thông tin nào sau đây về Lưu Quang Vũ là chưa chính xác?**  a. Quê gốc ở Phú Thọ nhưng được sinh ra và tuồi thơ gắn bó với mảnh đất Quảng Nam chưa mưa đã nắng. b. Từng tham gia quân đội thời kì kháng chiến chống Mỉ. c. Bắt đầu sáng tác văn chương từ giữa những năm 60 của thế kỉ XX. d.Đã được tặng Giải Thưởng Hồ Chí Minh về văn học Nghệ thuật năm 2000  **Câu hỏi 2:** **Trước khi đến với kịch, Lưu Quang Vũ chủ yếu sáng tác văn học ở thể loại nào?**  a. Truyện ngắn b. Bút kí. c. Tiểu thuyết d. Thơ  **Câu hỏi 3:** **Dựa vào nguyên mẫu hay cốt truyện nào để Lưu Quang Vũ sáng tác”Hồn Trương Ba da hàng thịt”?**  a. Tác giả sáng tác hoàn toàn dựa vào sự hư cáu tưởng tượng. b. Sáng tác dựa vào một câu truyện dân gian. c. Được sáng tác dựa trên một nguyên mẫu nhân vật lịch sử. d. Sáng tác dựa vào một cốt truyện của một tác phẩm văn họcviết nước ngoài.  **Câu hỏi 4:** **Trong vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt”nhân vật chính là cái xác được hồn nhập vào vốn là người làm nghề gì?**  a. Làm vườn b. Buôn bán c. Đồ tể d. Thợ mộc  **Câu hỏi 5:** Đoạn trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) thuộc phần nào của vở kịch?  a. Cao trào     b. Thắt nút c. Phát triển d. Mở nút  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Câu 1: Những ý chính của văn bản: Trương Ba lựa chọn cái chết thật. Hồn Trương Ba nhập vào màu xanh cây vườn, trong những điều tốt lành của cuộc đời…  Câu 2 : Sự xuất hiện của nhân vật Trương Ba được thể hiện qua 03 hình thức :  - Qua lời văn: chập chờn xuất hiện . Trương Ba chỉ còn là cái bóng.  - Qua lời Trương Ba: “Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà giẫy cỏ… Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu” .  - Qua đối thoại của cái Gái và cu Tị: cây na này ông nội tớ trồng đấy; qua  hành động vùi hạt na xuống đất: “Cho nó mọc thành những cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi”.  3. Các dạng phép điệp trong văn bản : điệp từ ( tôi, bà, đây, trong...), điệp cấu trúc câu (  Ông ở đâu ? trong...bà..., trong vườn...trong những điều...trong mỗi trái cây...).  Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh và khẳng định : Cái chết không phải là sự ra đi vĩnh viễn. Trương Ba đang sống một cuộc sống khác: sự sống bất diệt trong trái tim những người thân. Con người sẽ bất tử với những điều tốt đẹp họ đóng góp cho cuộc đời, sẽ sống mãi trong tâm hồn những người thân yêu.  4. Việc dùng các từ ngữ: *màu xanh, những điều tốt lành của cuộc đời, nâng niu, nối nhau mà lớn khôn, Mãi mãi*có hiệu quả diễn đạt : tạo chất thơ sâu lắng đã đem lại âm hưởng thanh thoát cho một bi kịch lạc quan và  truyền đi thông điệp về sự chiến thắng của sự sống đích thực, của chân , thiện ,mỹ.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  *“***Vợ Trương Ba***: Ông ở đâu? Ông ở đâu?*  *(Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện.)*  **Trương Ba***: Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà giẫy cỏ…Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu…*  *(Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái)*  **Cái Gái***: (tay cầm một trái na) Cây na này ông nội tớ trồng đấy! Quả to mà ngon lắm! Ta ăn chung nhé!*  *(Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.)*  **Cu Tị***: Cậu làm gì thế?*  **Cái Gái***: Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi…”*  *(Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ, NXB Sân Khấu, Hà Nội, 1994)*  Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi sau :  1. Nêu những ý chính của văn bản?  2. Sự xuất hiện của nhân vật Trương Ba được thể hiện qua những hình thức nào ?  3. Xác định các dạng phép điệp trong văn bản và nêu hiệu quả nghệ thuật của các dạng đó ?  4. Việc dùng các từ ngữ: *màu xanh, những điều tốt lành của cuộc đời, nâng niu, nối nhau mà lớn khôn, Mãi mãi*có hiệu quả diễn đạt như thế nào?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

* **Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

***- Củng cố:***

**+**  Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt cho ta biết bi kịch gì của nhân vật Trương Ba?

**+** Những người thân của Trương Ba có thái độ như thế nào trước sự thay đổi của Trương Ba?

+ Quyết định cuối cùng của Trương Ba khi gặp Đế Thích là gì? Quyết định này thể hiện nhân cách gì của nhân vật?

***- Dặn dò:*** soạn bài: **NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC**

(Trích *Đến hiện đại từ truyền thống*)

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

- Vệ nội dung : những mặt ưu điểm và nhược điểm, tích cực và hạn chế của văn hóa dân tộc;

- Về nghệ thuật : cách trình bày khoa học, chính xác, mạch lạc và biện chứng.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn nghị luận hiện đại Việt Nam;

- Năng lực đọc – hiểu  văn nghị luận hiện đại Việt Nam;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn nghị luận hiện đại Việt Nam;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn hoá dân tộc;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận hiện đại Việt Nam;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + Nhìn hình đoán các biểu hiện văn hoá Việt Nam trên các mặt như tôn giáo, văn học, mĩ thuật, kiến trúc, âm nhạc…  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến văn hoá dân tộc…  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, văn hoá là một trong những lĩnh vực được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Chủ trương của Đảng ta là xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Ngay từ những năm 80, các nhà tư tưởng, văn hoá, các nhà khoa học đã cho ra đời nhiều công trình nghiên cứu văn hoá mang tính định hướng theo đường lối của Đảng. Công trình “Đến hiện đại từ truyền thống”của PGS Trần Đình Hượu là một trong những công trình nghiên cứu văn hoá có ý nghĩa lớn, đóng góp một phần quan trọng vào tiến trình đổi mới đất nước. “Về một số mặt của vốn văn hoá truyền thống” là phấn quan trọng của công trình đó.* | | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tổ chức tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV** yêu cầu 1 HS đọc Tiểu dẫn và tóm tắt những ý chính.  **- GV**nhận xét và dùng phương pháp thuyết trình để giới thiệu thêm về công trình Đến hiện đại từ truyền thống của tác giả Trần Đình Hượu.  **HS**đọc Tiểu dẫn và tóm tắt những ý chính.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  Trần Đình Hượu (1927- 1995) là một chuyên gia về các vấn đề văn hóa, tư tưởng Việt Nam. Ông đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, tư tưởng có giá trị: Đến hiện đại từ truyền thống (1994), Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại (1995), Các bài giảng về tư tưởng phương Đông (2001),…  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ: trích từ phần II tiểu luận *Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc*(in trong cuốn *Đến hiện đại từ truyền thống*).            b. Nội dung: trình bày những khám phá về văn hóa dân tộc để xác định con đường xây dựng nền văn hóa dân tộc VN hiện đại từ “vốn văn hóa dân tộc” dùng như tên cuốn sách: *Đến hiện đại từ truyền thống.* |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản**  **a) Mục tiêu:** Tổ chức tìm hiểu khái quát chung về đoạn trích  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** hướng dẫn HS đọc và nêu cảm nhận chung về đoạn trích (GV gợi ý: tác giả tỏ thái độ ca ngợi, chê bai hay phân tích khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam?).  **GV** **bổ sung:** *Theo Từ điển tiếng Việt, văn hóa là "tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử". Văn hóa không có sẵn trong tự nhiên mà bao gồm tất cả những gì con người sáng tạo (văn hóa lúa nước, văn hóa cồng chiêng,…)*  **- HS** đọc kĩ phần đầu bài viết và tìm hiểu theo gợi ý của GV.          Văn hoá Việt Nam về phạm vi: không đồ sộ (vừa phải), không có cống hiến lớn lao cho văn hoá nhân loại, không có đặc sắc nổi bật.       −  Đây là luận điểm khá mới mẻ, khách quan, mạnh bạo khác với nhiều ý kiến phổ biến ca ngợi một chiều văn hoá Việt Nam, chỉ thấy ưu điểm, tốt đẹp.    **GV:** Hãy tìm dẫn chứng để chứng tỏ *nền văn hóa VN không đồ sộ, không có những đặc sắc nổi bật và những cống hiến lớn lao cho nhân loại.*Tác giả đưa ra những nguyên nhân nào? Cách lí giải đó có sức thuyết phục không? Vì sao?  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  Nhiều dẫn chứng thực tế hết sức thuyết phục:       +Thần thoại nghèo nàn;       +  Tôn giáo, triết học không phát triển;       + Không có ngành khoa học nào có truyền thống;       + Nghệ thuật không có tuyệt kĩ.       + Chưa có ngành văn hoá nào có đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá...       Nguyên nhân:       −  Hạn chế của trình độ sản xuất, đời sống xã hội.       −  Văn hoá nông nghiệp định cư, không có nhu cầu trao đổi, lưu chuyển, không có sự kích thích của đô thị.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Đọc- hiểu văn bản.**  *1/Giới thuyêt về khái niệm “vốn văn hóa dân tộc”:*là cái ổn định dần, tồn tại cho đến thời cận – hiện đại”.         -Trong bài, người viết đã thoát khỏi thái độ hoặc ngợi ca, hoặc chê bai đơn giản thường thấy khi tiếp cận vấn đề.           -Tinh thần chung của bài viết là tiến hành một sự phân tích, đánh giá khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam.           -Tác giả đã sử dụng giọng văn điềm tĩnh, khách quan để trình bày các luận điểm của mình. Người đọc chỉ có thể nhận ra được nguồn cảm hứng thật sự của tác giả nếu hiểu cái đích xa mà ông hướng đến: góp phần xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển hiện thời. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu Quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng và cái đẹp trong văn hóa Việt Nam.**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu Quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng và cái đẹp trong văn hóa Việt Nam.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** nêu vấn đề cho HS tìm hiểu: về quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng, về cái đẹp.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  - "Coi trọng hiện thế trần tục hơn thế giới bên kia", "nhưng cũng không bám lấy hiện thế, không quá sợ hãi cái chết".  - "ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao".  - "Mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thong thả, có đông con nhiều cháu".  - "Yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người".  - "Con người được ưa chuộng là con người hiền lành, tình nghĩa".  - "Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo", "không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng", "dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thượng võ".  - "Trong tâm trí nhân dân thường có Thần và Bụt mà không có Tiên".  - "Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo".  - "Không háo hức cái tráng lệ huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét cái sặc sỡ".  - "Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải".  Tóm lại: quan niêm trên đây thể hiện "văn hóa của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị; tế bào của xã hội nông nghiệp là hộ tiểu nông, đơn vị của tổ chức xã hội là làng".  - GV  tổng hợp các ý kiến, nhận xét và chốt lại những ý cơ bản  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | *2/ Quy mô và ảnh hưởng của văn hóa dân tộc.*         - Khẳng định nền văn hóa VN không đồ sộ, không có những đặc sắc nổi bật và những cống hiến lớn lao cho nhân loại (chứng minh bằng cách đối sánh một số lĩnh vực văn hóa của nước ta với những dân tộc khác).         - Nguyên nhân: do sự hạn chế của trình độ sản xuất, của đời sống xã hội. | |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu Đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Việt Nam- thế mạnh và hạn chế.**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV nêu vấn đề cho HS thảo luận:  + Trong bài viết, tác giả Trần Đình Hựu đã xem đặc điểm nổi bật nhất của sáng tạo văn hóa Việt Nam là gì?  + Theo anh (chị) văn hóa truyền thống có thế mạnh và hạn chế gì?  **GV** nhận xét và khắc sâu một số ý.  *Đại diện nhóm lên trao kết quả trên bảng. GV cho các nhóm nhận xét và đưa ra kết quả thảo luận.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản* | ***3/ Quan niệm sống, lối sống, khả năng chiếm lĩnh và đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài của người VN:***   - Biểu hiện:    + coi trọng hiện thế;    + ý thức cá nhân và sở hữu không phát triển cao;    + không háo hức say mê cái huy hoàng, huyền ảo;...).  *4. Đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Việt Nam- thế mạnh và hạn chế.*  - Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam là: "thiết thực, linh hoạt, dung hòa".  - Thế mạnh của văn hóa truyền thống là tạo ra một cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp dịu dàng, thanh lịch, những con người hiền lành, tình nghĩa, sống có văn hóa trên một cái nền nhân bản.  - Hạn chế của nền văn hóa truyền thống là không có khát vọng và sáng tạo lớn trong cuộc sống, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người, trí tuệ không được đề cao. | |
| **Hoạt động 5: Tổ chức tìm hiểu Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.**  **a) Mục tiêu: Hiểu được ý nghĩa của vở kịch**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** nêu vấn đề cho HS thảo luận:  + Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam, theo tác giả là gì?  + Từ những gợi ý của tác giả trong bài viết, theo anh (chị), "Nền văn hóa tương lai" của Việt Nam là gì?  + Qua bài viết này, theo anh (chị) việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc có ý nghĩa gì trong đời sống hiện nay của cộng đồng nói chung và mỗi cá nhân nói riêng?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **5. Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.**  - "Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài. Về mặt đó, lịch sử chứng minh là dân tộc Việt Nam có bản lĩnh".  +Khái niệm "tạo tác" ở đây là khái niệm có tính chất quy ước, chỉ những sáng tạo lớn, những sáng tạo mà không dân tộc nào có hoặc có mà không đạt được đến tầm vóc kì vĩ, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến xung quanh, tạo thành những mẫu mực đáng học tập.  +Khái niệm "đồng hóa" vừa chỉ vị thế tồn tại nghiêng về phía tiếp nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài, những ảnh hưởng lan đến từ các nguồn văn minh, văn hóa lớn, vừa chỉ khả năng tiếp thu chủ động của chủ thể tiếp nhận- một khả năng cho phép ta biến những cái ngoại lai thành cái của mình, trên cơ sở gạn lọc và thu giữ.  +Khái niệm "dung hợp" vừa có những mặt gần gũi với khái niệm "đồng hóa" vừa có điểm khác. Với khái niệm này, người ta muốn nhấn mạnh đến khả năng "chung sống hòa bình" của nhiều yếu tố tiếp thu từ nhiều nguồn khác nhau, có thể hài hòa được với nhau trong một hệ thống, một tổng thể mới.             Như vậy, khi khái quát bản sắc văn hóa Việt Nam, tác giả không hề rơi vào thái độ tự ti hay miệt thị dân tộc. Và "Nền văn hóa tương lai" của Việt Nam sẽ là một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, có hòa nhập mà không hòa tan, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc.  **6. Ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc**  -Trong bối cảnh thời đại ngày nay, việc tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc trở thành một nhu cầu tự nhiên. Chưa bao giờ dân tọc ta có cơ hội thuận lợi như thế để xác định "chân diện mục" của mình qua hành động so sánh, đối chiếu với "khuôn mặt" văn hóa của các dân tộc khác. Giữa hai vấn đề hiểu mình và hiểu người có mối quan hệ tương hỗ.  - Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc rất có ý nghĩa đối với việc xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước, trên tinh thần làm sao phát huy được tối đa mặt mạnh vốn có, khắc phục được những nhược điểm dần thành cố hữu để tự tin đi lên.  - Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc gắn liền với việc quảng bá cái hay, cái đẹp của dân tộc để "góp mặt" cùng năm châu, thúc đẩy một sự giao lưu lành mạnh, có lợi chung cho việc xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và phát triển. | |
| **Hoạt động 6: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV**tổ chức cho HS tổng hợp lại những vấn đề đã tìm hiểu, phân tích, từ đó viết phần tổng kết ngắn gọn.  **HS** đọc và nêu cảm nhận chung về đoạn trích (GV gợi ý: tác giả tỏ thái độ ca ngợi, chê bai hay phân tích khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam?).  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **III. Tổng kết**  **1) Nghệ thuật**  - Cách trình bày chặt chẽ, lô gich, thể hiện tầm bao quát lớn, chỉ ra những khía cạnh quan trọng về đặc trưng văn hóa DT.  - Thái độ khách quan, khoa học, khiêm tốn,... tránh được một trong hai khuynh hướng cực đoan hoặc là chỉ tìm nhược điểm để phê phán hoặc là chỉ tìm ưu điểm để ca tụng.  **2) Ý nghĩa văn bản**             Đoạn trích cho thấy một quan điểm đúng đắn về những nét đặc trưng của vốn văn hóa DT, là cơ sở để chúng ta suy nghĩ, tìm ra phương hướng xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc… | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **Câu 1**: Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học, thuộc lĩnh vực khoa học xã hội  **Câu 2**: Nội dung chính của văn bản là nhận định khái quát tinh thần chung của Văn hoá Việt Nam, một cái nhìn khoa học, khách quan của nhà nghiên cứu văn hoá Trần Đình Hượu.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi sau :***  *Nhìn vào lối sống, quan niệm sống, ta có thể nói người Việt Nam sống có văn hoá, người Việt Nam có nền văn hoá của mình. Những cái thô dã, những cái hung bạo đã bị xoá bỏ để có cái nền nhân bản. Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà. Không có khát vọng để hướng đến những sáng tạo lớn mà nhạy cảm, tinh nhanh, khôn khéo gỡ các khó khăn để tìm được sự bình ổn.*                   ( Trích *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* – Trần Đình Hượu)  1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?  2. Nội dung chính của văn bản là gì?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  “ Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt , dung hoà” . Đặc điểm này vừa nêu lên mặt tích cực, vừa tàng ẩn những hạn chế của văn hoá Việt Nam.  - Đây là điểm tích cực vì :              + Tính thiết thực khiến cho văn hoá Việt gắn bó sâu sắc với đời sống cộng đồng. Chẳng hạn nhà chùa là nơi thờ Phật tôn nghiêm nhưng đồng thời diễn ra nhiều sinh hoạt thế tục như ma chay, cưới hỏi, nuôi nấng trẻ em cơ nhỡ…  + Tính linh hoạt thể hiện rõ ở khả năng tiếp nhận và biến đổi các giá trị văn hoá thuộc nhiều nguồn khác nhau sao cho phù hợp với đời sống bản địa của người Việt : Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Ki-tô giáo, Hồi giáo…đều có chỗ đứng trong văn hoá Việt.  +Tính dung hoà là hệ quả tất yếu của hai thuộc tính trên trong văn hoá của người Việt. Các giá trị văn hoá thuộc nhiều nguồn khác nhau không loại trừ nhau mà được người Việt tiếp thu có chọn lọc để tạo nên sự hài hoà bình ổn trong đời sống văn hoá.                Tuy nhiên trong mặt tích cực lại tàng ẩn những hạn chế . Hạn chế ấy là vì luôn dung hoà nên thiếu những sáng tạo lớn, không đạt đến những giá trị phi phàm, kì vĩ. Chỉ có những tư tưởng tôn giáo hoặc quan niện xã hội ít nhiều mang tính cực đoan mới tạo ra những giá trị đặc sắc nổi bật (Vạn lí trường thành-Trung Quốc, Kim Tự tháp-Ai Cập). - Tuy nhiên, trong hoàn cảnh địa lí , lịch sử , xã hội cụ thể của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tính thiết thực, linh hoạt, dung hoà bảo đảm cho văn hoá Việt tồn tại qua những gian nan bất trắc của lịch sử.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn làm sáng tỏ nhận định: *Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

4**. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)**

***- Củng cố:***

+ Tìm những  đoạn trích những câu văn mang tính chất cắt nghĩa nguyên nhân tạo thành các đặc điểm của văn hóa Việt Nam.

+ Trình bày cách hiểu của anh (chị) về các khái niệm *tạo tác, đồng hóa, dung hợp.*

**- Dặn dò:** soạn bài **PHÁT BIỂU TỰ DO**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**PHÁT BIỂU TỰ DO**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được khái niệm phát biểu tự do là gì? Khác với phát biểu theo chủ đề ở điểm nào?

- HS hiểu và biết tìm nội dung phát biểu mà mình tâm đắc;

*-*Trình bày được ý kiến của mình trước tập thể phù hợp với chủ đề thảo luận và tình huống giao tiếp.

- Phản xạ nhanh, linh hoạt trước các tình huống giao tiếp ; biết tìm nội dung và cách phát biểu thích hợp, có khả năng đem lại cho người nghe những điều đúng đắn, mới mẻ và bổ ích.

**2. Năng lực:**

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của vở kịch.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  Anh/ chị hãy phát biểu ý kiến của mình sau khi đọc văn bản sau:  *Người nghiện Pokemon Go hay bất kỳ game online nào lâu ngày sẽ làm đầu óc hỏng dần, giống như ổ cứng máy vi tính đã lưu hết dữ liệu thì không còn khả năng lưu thêm để tiếp tục làm việc. Không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, người nghiện game còn dễ trở thành gánh nặng cho xã hội nếu sa đà vào các trò chơi mà không chịu làm việc, kéo theo đó là nảy sinh các tệ nạn xã hội. Trò chơi không phải là xấu, mà trách nhiệm đầu tiên là người chơi phải biết có chừng mực, tỉnh táo, đừng để trò chơi đó làm ảnh hướng đến sức khỏe của bản thân.*  **( Ý kiến của Bác sĩ Thái Duy Thành (Khoa Thần kinh, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội)(http://laodongthudo.vn/pokemon-go-tro-choi-ao-tac-hai-that-11-8-2016)**  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong cuộc sống, chúng ta thường phát biểu theo chủ đề cho trước hoặc phát biểu theo kiểu ngẫu hứng nhằm thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm, quan điểm của cá nhân trước những vấn đề mang tính xã hội, văn học…Sau bài học Phát biểu theo chủ đề ở HKI, để cho việc phát biểu đạt kết quả tốt đẹp, hôm nay chúng ta chuyển sang tìm hiểu chủ đề về PHÁT BIỂU TỰ DO.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về phát biểu tự do**  **a) Mục tiêu:** **Tìm hiểu về phát biểu tự do b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV**nêu yêu cầu:  Hãy tìm một vài ví dụ ở đời sống quanh mình để chứng tỏ rằng: trong thực tế, không phải lúc nào con người cũng chỉ phát biểu những ý kiến mà mình đã chuẩn bị kĩ càng, theo những chủ đề định sẵn.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  *-****GV****nhận xét và nêu thêm một số ví dụ khác.*  + Trong buổi giao lưu: "chát với 8X" của đài truyền hình kĩ thuật số, khi được người dẫn chương trình gợi ý: "trong chuyến đi châu Âu, kỉ niệm nào anh nhớ nhất?", một khách mời (nhạc sĩ) đã phát biểu: "Có rất nhiều kỉ niệm đáng nhớ trong chuyến đi ấy: chụp ảnh lưu niệm với bạn bè; những buổi biểu diễn; gặp gỡ bà con Việt Kiều;… Nhưng có lẽ kỉ niệm đáng nhớ nhất trong chuyến đi ấy, vâng, tôi nhớ ra rồi, đó là đêm biểu diễn cho bà con Việt kiều ta ở Pa-ri… ". Và cứ thế, vị khách mời đã phát biểu rất say sưa những cảm nhận của mình về đêm biểu diễn ấy: nhạc sĩ biểu diễn ra sao, bà con cảm động thế nào, những người nước ngoài có mặt hôm ấy đã phát biểu những gì,…  + Một bạn học sinh khi được cô giáo nêu vấn đề: "Hãy phát biểu những hiểu biết của em về thơ mới Việt Nam giai đoạn 30- 45" đã giơ tay xin ý kiến: "Thưa cô, em chỉ xin phát biểu về mảng thơ tình thôi được không ạ". Được sự đồng ý của cô giáo, bạn học sinh ấy đã phát biểu một cách say sưa, hào hứng (tuy có phần hơi lan man) về mảng thơ tình trong phong trào thơ mới: những nhà thơ có nhiều thơ tình, những bài thơ tình tiêu biểu, những cảm nhận về thơ tình,…  + Trong buổi Đại hội chi đoàn, mặc dù không được phân công tham luận nhưng ngay sau khi nghe bạn A phát biểu về phong trào "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh",  bạn B đã xin phát biểu và bạn đóng góp nhiều ý kiến rất hay, rất bổ ích, thậm chí còn hơn cả bài phát biểu chuẩn bị sẵn của bạn A.         Trên đây là những ví dụ về phát biểu tự do. | | **I. Tìm hiểu về phát biểu tự do**  **1. Những trường hợp được coi là phát biểu tự do.** |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** nêu vấn đề:  Từ những ví dụ nêu trên, anh (chị) hãy trả lời câu hỏi: Vì sao con người luôn có nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do?  *-****HS****dựa vào phần gợi ý trong SGK để tìm ví dụ.*  *-****HS****dựa vào ví dụ và tình huống nêu ra trong SGK để phát biểu.*  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **2. Nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do.**  - Trong quá trình sống, học tập và làm việc, con người có rất nhiều điều say mê (hay buộc phải tìm hiểu). Tri thức thì vô cùng mà hiểu biết của mỗi người có hạn nên chia sẻ và được chia sẻ là điều vẫn thường gặp.       - "Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Vì vậy, phát biểu tự do là một nhu cầu (muốn người khác nghe mình nói) đồng thời là một yêu cầu (người khác muốn được nghe mình nói). Qua phát biểu tự do, con người sẽ hiểu người, hiểu mình và hiểu đời hơn. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu cách phát biểu tự do**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu cách phát biểu tự do  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** nêu câu hỏi trắc nghiệm:  Làm thế nào để phát biểu tự do thành công?  a) Không được phát biểu về những gì mình không hiểu biết và thích thú.  b) Phải bám chắc chủ đề, không để bị xa đề hoặc lạc đề.  c) Phải tự rèn luyện để có thể nhanh chónh tìm ý và sắp xếp ý.  d) Nên xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh.  e) Chỉ nên tập trung vào những nội dung có khả năng làm cho người nghe cảm thấy mới mẻ và thú vị.  g) Luôn luôn quan sát nét mặt, cử chỉ của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **3. Cách phát biểu tự do**  - Phát biểu tự do là dạng phát biểu trong đó người phát biểu trình bày với mọi người về một điều bất chợt nảy sinh do mình thích thú, say mê hoặc do mọi người yêu cầu.  - Vì bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài dự tính nên người phát biểu không thể tức thời xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh có sự chuẩn bị công phu.  - Người phát biểu sẽ không thành công nếu phát biểu về một đề tài mà mình không hiểu biết và thích thú. Vì có hiểu biết mới nói đúng, có thích thú mới nói hay. Nhưng hứng thú không dễ đến, hiểu biết thì có hạn, càng không thể đến một cách bất ngờ. Muốn tạo hứng thú và có vốn hiểu biết, không có cách gì hơn là say mê học tập, tìm hiểu, sống nhiệt tình và say mê với cuộc đời.  + Phát biểu dù là tự do cũng phải có người nghe. Phát biểu chỉ thực sự thành công khi thực sự hướng tới người nghe. Người phát biểu phải chọn đề tài phù hợp, có cách nói phù hợp với người nghe. Trong quá trình phát biểu cần quan sát nét mặt, cử chỉ,… của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời. Thành công của phát biểu tự do chỉ thực sự có được khi hứng thú của người nói bắt gặp và cộng hưởng với hứng thú của người nghe. Dĩ nhiên, không người nghe nào hứng thú với những gì đã làm họ nhàm chán trừ khi điều không mới được phát biểu bằng cách nói mới.  Như vậy, trong tất cả các phương án trên, chỉ có phương án (d) là không lựa chọn còn lại đều là những cách khiến phát biểu tự do thành công.  *Lưu ý: đọc kĩ phần ghi nhớ.* | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  Câu 1: Dòng nào sau đây nêu đúng nhất khái niệm phát biểu tự do:  **a/ Là những lời phát biểu mang tính chất tức thời, hoàn toàn không theo một chủ đề nào đã định trước;**  b/ là những lới phát biểu khác với chủ đề minh đã chuẩn bị trước để trình bày;  c/ là những ý kiến, những thắc mắc mà người phát biểu đặt ra reong hội nghị;  d/ Là những lời nói hằng ngày, khi mọt người cùng trò chuyện về một sự kiện nào đó.  Câu 2: Người phát biểu tự do cần tránh điều gì dưới đây:  a/ Tập trung vào vấn đề mà mình hiểu biết và hứng thú;  b/ Quan tâm đến người nghe để có nội dung và những điều chỉnh phù hợp;  **c/Không chú ý đến người nghe mà chỉ tập trung vào điều mình nói**  d/ Sử dụng những phương tiện hỗ trợ như ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ để tạo sự gần gũi, hào hứng  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS. GV cho HS quan sát 1 đoạn minh hoạ              Một đoạn phát biểu tự do minh hoạ:  *Có bạn cho rằng, mặc như thế nào là quyền của tôi, là "sở thích cá nhân tuyệt đối" của tôi, tôi thích gì mặc nấy, xin mọi ng−ời đừng can thiệp. Theo tôi, bạn nào nói như vậy thì chỉ mới đúng một nửa (sở thích cá nhân), còn một nửa nữa chưa đúng, vì nếu lội xuống ruộng, đào mương thoát nước, hoặc vào nhà máy công xưởng... mà bạn mặc com− lê, áo dài, quần bò... thì rõ ràng là không thể chấp nhận được và thực tế cũng không thể làm việc được một cách có hiệu quả. Ngược lại, nếu đi dự lễ hội, dự đám cưới... mà quần áo lôi thôi, nhàu nhĩ... cũng không được. Nếu các bạn gái đi học mà mặc áo ngắn ngang bụng, quần bò trễ dưới rốn tới cả chục phân liệu có coi là đẹp được không? Có bạn cao ngỏng lại mặc váy ngắn tới mức không thể ngắn hơn được nữa, có bạn thấp tè lại mặc váy dài quét đất, bạn da đen mặc màu tối, bạn da trắng mặc màu sáng... liệu có thật là đẹp hay không? Có bạn mặc khá đẹp, nh−ng hễ mở mồm là nói tục và luôn gây gổ, quậy phá một cách vô lối... liệu có thực là đẹp hay không?*  *Vì vậy, theo tôi, cùng với "sở thích cá nhân", ăn mặc còn phải phù hợp với hoàn cảnh, với công việc, với cả vóc dáng, màu da và lời ăn tiếng nói của mỗi cá nhân nữa. Nói ngắn gọn, cái đẹp là sự hợp lí và sự hài hoà giữa mỗi cá nhân với môi trường sống, giữa hình thức với tâm hồn.* …  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**Phát biểu tự do về cách ăn mặc  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

\* **Hướng dẫn về nhà**

***- Củng cố:*** Tìm hiểu các tình huống thường gặp trong cuộc sống có sử dụng hình thức phát biểu tự do.

***- Dặn dò:*** Soạn bài**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được khái niệm và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính;

- HS hiểu và lí giải được khái niệm và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính;

- Đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính;

- Sự lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo các văn bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản hành chính;

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

- Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc Phong cách ngôn ngữ hành chính

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:***Kể một số giấy tờ liên quan đến cá nhân em từ khi được sinh ra đến nay.***  -   HS thực hiện nhiệm vụ: **Giấy khai sinh- Sổ hộ khẩu-Đơn xin nhập học…**  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có , phong cách ngôn ngữ hành chính. Vậy phong cách ngôn ngữ đó là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.* | | | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu ngữ hành chính**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu ngữ hành chính  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** lần lượt chỉ định từng HS đọc to các văn bản trong SGK, sau đó nêu câu hỏi tìm hiểu:  *a) Kể thêm các văn bản cùng loại với các văn bản trên.*  *b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản trên là gì?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  a. Văn bản 1 là nghị định của Chính phủ (Ban hành điều lệ bảo hiểm y tế). Gần với nghị định là các văn bản khác của các cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức chính trị, xã hội) như: thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,…  + Văn bản 2 là giấy chứng nhận của thủ trưởng một cơ quan Nhà nước (Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT- tạm thời). Gần với giấy chứng nhận là các loại băn bản như: văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,…  + Văn bản 3 là đơn của một công dân gửi một cơ quan Nhà nước hay do Nhà nước quản lí (Đơn xin học nghề). Gần với đơn là các loại văn bản khác như: bản khai, báo cáo, biên bản,…  b. So sánh  Giống nhau: Các văn bản đều có tính pháp lí, là cơ sở để giải quyết những vấn đề mang tính hành chính, công vụ.  + Mỗi loại văn bản thuộc phạm vi, quyền hạn khác nhau, đối tượng thực hiện khác nhau.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | | | **I. Ngôn ngữ hành chính :**  **1. Tìm hiểu văn bản**  a) Các văn bản cùng loại với 3 văn bản trên:  b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản: |
| **Hoạt động 2: Tổ chức tìm hiểu ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính**  **a) Mục tiêu:** Tổ chức tìm hiểu ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** yêu cầu HS tìm hiểu ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản:  a) Đặc điểm kết cấu, trình bày.  b) Đặc điểm từ ngữ, câu văn.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **2. Ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính**  - Về trình bày, kết cấu: Các văn bản đều được trình bày thống nhất. Mỗi văn bản thường gồm 3 phần theo một khuôn mẫu nhất định:  +Phần đầu: các tiêu mục của văn bản.  + Phần chính: nội dung văn bản.  + Phần cuối: các thủ tục cần thiết (thời gian, địa điểm, chữ kí,…).  - Về từ ngữ: Văn bản hành chính sử dụng những từ ngữ toàn dân một cách chính xác. Ngoài ra, có một lớp từ ngữ hành chính được sử dụng với tần số cao (căn cứ…, được sự ủy nhiệm của…, tại công văn số…, nay quyết định, chịu quyết định, chịu trách nhiệm thi hành quyết định, có hiệu lực từ ngày…, xin cam đoan…  - Về câu văn: có những văn bản tuy dài nhưng chỉ là kết cấu của một câu (Chính phủ căn cứ…. Quyết định: điều 1, 2, 3,…). Mỗi ý quan trọng thường được tách ra và xuống dòng, viết hoa đầu dòng.  VD:  *Tôi tên là:…*  *Sinh ngày:…*  *Nơi sinh:…*                Nhìn chung, văn bản hành chính cần chính xác bởi vì đa số đều có giá trị pháp lí. Mỗi câu, chữ, con số dấu chấm dấu phảy đều phải chính xác để khỏi gây phiền phức về sau. Ngôn ngữ hành chính không phải là ngôn ngữ biểu cảm nên các từ ngữ biểu cảm hạn chế sử dụng. Tuy nhiên, văn bản hành chính cần sự trang trọng nên thường sử dụng những từ Hán- Việt. | | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu ngôn ngữ hành chính là gì?**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu ngôn ngữ hành chính  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** Từ việc tìm hiểu các văn bản trên, GV hướng dẫn  + rút ra khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính.  **+**đọc to các văn bản trong SGK, sau đó trả lời câu hỏi  **+** tìm hiểu ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản;  +  rút ra khái niệm ngôn ngữ hành chính.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **3. Ngôn ngữ hành chính là gì?**              Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan Nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với người dân và giữa người dân với cơ quan, hay giữa những người dân với nhau trên cơ sở pháp lí. | | |
| **Hoạt động 4: Tổ chức luyện tập**  **a) Mục tiêu:** HS nắm vững kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Bài tập 1:***Hãy kể tên một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường của anh (chị)  ***GV****gợi ý, tổ chức cho HS các nhóm thi xem nhóm nào kể được nhiều và đúng.*  ***Bài tập 2: Hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu về trình bày văn bản, về từ ngữ, câu văn của văn bản hành chính (lược trích- SGK).***  *Trên cơ sở nội dung bài học,****GV****gợi ý để HS phân tích.*  ***HS****các nhóm thi xem nhóm nào kể được nhiều và đúng.*  ***HS****phân tích.Đại diện nhóm lên trao kết quả trên bảng. GV cho các nhóm nhận xét và đưa ra kết quả thảo luận.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.* | | Bài tập 1: Một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường: Đơn xin nghỉ học, Biên bản sinh hoạt lớp, Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận, Sơ yếu lí lịch, Bằng tốt nghiệp THCS, Giấy khai sinh, Học bạ, Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp 10, Bản cam kết…, Giấp mời họp,…  ***Bài tập 2: Những đặc điểm tiêu biểu:***  + Trình bày văn bản: 3 phần  - Phần đầu gồm: tên hiệu nước, tên cơ quan ra quyết định, số quyết định, ngày… tháng… năm…, tên quyết định.  - Phần chính: Bộ trưởng… căn cứ… theo đề nghị… quyết định: điều 1…, điều 2…, điều 3…  - Phần cuối: người kí (kí tên đóng dấu), nơi nhận.  + Từ ngữ: dùng những từ ngữ hành chính (quyết định về việc…, căn cứ nghị định…, theo đề nghị của,… quyết định, ban hành kèm theo quyết định, quy định trong chỉ thị, quyết định có hiệu lực, chịu trách nhiệm thi hành quyết định,…  + Câu: sử dụng câu văn hành chính (toàn bộ phần nội dung chỉ có một câu). | | |
| **Hoạt động 5: Tổ chức tìm hiểu Tính khuôn mẫu**  **a) Mục tiêu: Hiểu được ý nghĩa của vở kịch**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** yêu cầu HS đọc lại các văn bản ở tiết học trước và phân tích tính khuôn mẫu của các văn bản đó.  - HS tiếp nhận vấn đề  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  a) Phần mở đầu gồm:  + Quốc hiệu và tiêu ngữ.  + Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.  + Địa điểm, thời gian ban hành văn bản.  + Tên văn bản- mục tiêu văn bản.  b) Phần chính: nội dung văn bản.  c) Phần cuối:  + Địa điểm, thời gian (nếu chưa đặt ở phần đầu).  + Chữ kí và dấu (nếu có thẩm quyền).  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | | | **II. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính**  **1. Tính khuôn mẫu**  Tính khuôn mẫu thể hiện ở kết cấu 3 phần thống nhất:  a) Phần mở đầu gồm:  b) Phần chính: nội dung văn bản.  c) Phần cuối:  *Chú ý:*  + Nếu là đơn từ, kê khai thì phần cuối nhất thiết phải có chữ kí, họ tên đầy đủ của người làm đơn hoặc k khai.      + Kết cấu 3 phần có thể "xê dịch" một vài điểm nhỏ tùy thuộc vào những loại văn bản khác nhau, song nhìn chung đều mang tính khuôn mẫu thống nhất.  **2. Tính minh xác**  Tính minh xác thể hiện ở:  - Mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý. Tính chính xác về ngôn từ đòi hỏi đến từng dấu chấm, dấu phẩy, con số, ngày tháng, chữ kí,…  - Văn bản hành chính không được dùng từ địa phương, từ khẩu ngữ, không dùng các biện pháp tu từ hoặc lối biểu đạt hàm ý, không xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa.  *Chú ý:*  Văn bản hành chính cần đảm bảo tính minh xác bởi vì văn bản được viết ra chủ yếu để thực thi. Ngôn từ chính là "chứng tích pháp lí".  VD: Nếu văn bằng mà không chính xác về gày sinh, họ, tên, đệm, quê,… thì bị coi như không hợp lệ (không phải của mình).  Trong xã hội vẫn có hiện tượng mạo chữ kí, làm dấu giả để làm các giấy tờ giả: bằng giả, chứng minh thư giả, hợp đồng giả,…  **3. Tính công vụ**  Tính công vụ thể hiện ở:  + Hạn chế tối đa những biểu đạt tình cảm cá nhân.  + Các từ ngữ biểu cảm nếu dùng cũng chỉ mang tính ước lệ, khuôn mẫu.  VD: kính chuyển, kính mong, trân trọng kính mời,…  + Trong đơn từ của cá nhân, người ta chú trọng đến những từ ngữ biểu ý hơn là các từ ngữ biểu cảm.  VD: trong đơn xin nghỉ học, xác nhận của cha mẹ, bệnh viện có giá trị hơn những lời trình bày có cảm xúc để được thông cảm, | |
| **Hoạt động 6: Tổ chức luyện tập**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Bài tập 1 và bài tập 2:***  - **GV** yêu cầu HS xem lại bài học để trả lời đầy đủ, chính xác.  Bài tập thực hành nên HS có thể chuẩn bị trước ở nhà, trên cơ sở nội dung bài học ở lớp, HS có thể điều chỉnh, sửa chữa (nếu cần)  -**HS** làm việc cá nhân, xem lại bài, phát biểu ý kiến.  **Các HS**khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  Cách viết biên bản:       a. Phần mở đầu       −  Phần   mở   đầu   của   biên   bản   gồm   những   mục:   Quốc   hiệu,   tiêu   ngữ,   tên biên bản, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự lập biên bản.       − Tên của biên bản nêu rõ nội dung chính của biên bản: Biên bản sinh hoạt;chi đội; Biên bản trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lí hoặc người sử dụng hợp pháp.       b. Phần nội dung       − Ghi lại diễn biến và kết quả của sự việc.       −  Cách   ghi   phải   trung   thực,   khách   quan;   không   được   thêm   vào   những   ý  kiến chủ quan của người viết.       − Tính chính xác, cụ thể của biên bản giúp cho người có trách nhiệm làm cơ sở xem xét để đưa ra những kết luận đúng đắn.       c. Phần kết thúc gồm các mục       − Thời gian kết thúc.       − Họ, tên, chữ kí của chủ toạ, thư kí hoặc các bên tham gia lập biên bản.       − Chữ kí thể hiện tư cách pháp nhân của những người có trách nhiệm lập biên bản.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **III. Luyện tập**  **1/*Bài tập 1 và bài tập 2:***  Nội dung cần đạt:  Xem lại mục 1- phần III- Nội dung bài học.  **2/Bài tập 3:**  Yêu cầu của biên bản một cuộc họp: chính xác về thời gian, địa điểm, thành phần. Nội dung cuộc họp cần ghi vắn tắt nhưng rõ ràng. Cuối biên bản cần có chữ kí của chủ tọa và thư kí cuộc họp.  ***Bài tập 4:***  Yêu cầu của đơn xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:  + Tiêu đề.  + Kính gửi (Đoàn cấp trên).  + Lí do xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.  + Những cam kết.  + Địa điểm, ngày… tháng… năm…  + Người viết kí và ghi rõ họ tên. | | | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: **1b,2c**  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  Câu 1: Văn bản nào sau đây có hình thức và nội dung khác với giấy chứng nhận?  a/ Bản khai  b/Văn bằng  c/Chứng chỉ  d/ Giấy khai sinh  Câu 2:Trong các văn bản sau đây, đâu không phải là văn bản hành chính?  a/ Giấy khai sinh  b/ Hợp đồng tuyển dụng lao động  c/ Thông báo mời thầu  d/ Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau       Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cần có những nội dung chính sau:       − Tên tổ chức       − Tên văn bản       − Địa điểm và thời gian viết đơn       − Nơi nhận đơn       − Tự giới thiệu về bản thân       − Nguyện vọng và mục đích vào Đoàn       − Cam kết và lời hứa       − Ghi rõ họ tên và kí  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**  Nêu nội dung Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | | | |

**\* Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)**

**- Củng cố:** Anh (chị ) hãy viết một báo cáo tổng kết phong trào thi đua của lớp mình?

**- Dặn dò:** Chuẩn bị bài **VĂN BẢN TỔNG KẾT**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**VĂN BẢN TỔNG KẾT**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

-  Nắm được đặc điểm và yêu cầu của văn bản tổng kết.

- Vận dụng hiểu biết về văn bản tổng kết để tổng kết toàn bộ chương trình Ngữ Văn 12 đã học.

- Mục đích, nội dung, đặc điểm của văn bản tổng kết.

- Cách viết văn bản tổng kết tri thức, văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản tổng kết ;

- Năng lực đọc – hiểu để tạo lập văn bản tổng kết

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về văn bản tổng kết

- Năng lực tạo lập văn bản tổng kết.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  -**GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:Em hãy kể tên các tác phẩm văn học nước ngoài đã học ở HK2 Ngữ văn 12. Viết một văn bản trình bày ngắn gọn giới thiệu tác giả, tác phẩm, giá trị tư tưởng và nghệ thuật của các tác phẩm đó.  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + Có 3 tác phẩm: Thuốc ( Lỗ Tấn ); Số phận con người ( Sô lô khôp); Ông già và biển cả ( Heminhgue)  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Như vậy, việc hệ thống lại kiến thứ cơ bản của các tác phẩm VHNN đã học ở HK2 là một cách thực hiện tổng kết một phần nội dung đọc hiểu văn bản. Đó là hình thức của kiểu Văn bản tổng kết. Vậy văn bản tổng kết là gì? Thực hiện các bước như thế nào?* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu cách viết văn bản tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu cách viết văn bản tổng kết  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** yêu cầu HS đọc văn bản tổng kết trong SGK và trả lời các câu hỏi:  *a) Đọc các đề mục và nội dung của văn bản trên, anh (chị) có nhận xét gì về bố cục và những nội dung chính của một văn bản tổng kết?*  *b) Về diễn đạt, văn bản tổng kết có cách dùng từ, đặt câu như thế nào?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  a. Quốc hiệu hoặc tên tổ chức (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh- Trường ĐHSPHN- Đội thanh niên tình nguyện số 2).  - Địa điểm, ngày… tháng… năm (Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2007).  - Tiêu đề (Báo cáo kết quả hoạt động tình nguyện tại các trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công với nước).  **b.**  - Tình hình tổ chức: địa điểm hoạt động (…), thời gian (…), số lượng tham gia (…).  - Kết quả hoạt động (Hoạt động chăm sóc thương bệnh binh và người có công với nước; Hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao; Vệ sinh môi trường, tôn tạo cảnh quan; Hoạt động tổ chức ôn tập văn hóa và sinh hoạt hè cho con em thương binh, bệnh binh; Hoạt động xây dựng công trình thanh niên và tặng quà thương binh, bệnh binh).  - Đánh giá chung.  Phần kết thúc: người viết báo cáo kí tên (Nguyễn Văn Hiếu).  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu ví dụ**  a) Bố cục của văn bản tổng kết trên đây có 3 phần:  + Phần mở đầu:  + Phần nội dung báo cáo  + Phần kết thúc:   người viết báo cáo kí tên (Nguyễn Văn Hiếu).  b)  Về diễn đạt, văn bản tổng kết có cách dùng từ, đặt câu ngắn gọn, chính xác, rõ ràng, mỗi việc một đề mục, mỗi ý một lần xuống dòng, gạch đầu dòng, các câu sử dụng thường lược chủ ngữ. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với văn bản tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu yêu cầu đối với văn bản tổng kết  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS từ việc tìm hiểu VD trên hãy cho biết yêu cầu đối với văn bản tổng kết.  - GV nhận xét và cho 1 HS đọc phần Ghi nhớ để khắc sâu.  HS đọc văn bản tổng kết trong SGK và trả lời các câu hỏi  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Yêu cầu đối với văn bản tổng kết**  - Văn bản tổng kết nhằm nhìn nhận, đánh giá kết quả và rút ra những bài học kinh nghiệm khi kết thúc một công việc hay một giai đoạn công tác.  - Muốn viết được văn bản tổng kết, cần:  + Tập hợp tư liệu, số liệu đầy đủ, chính xác.  + Lần lượt viết các phần: mở đầu; nội dung báo cáo (tình hình và kết quả thực hiện công việc, bài học kinh nghiệm và kiến nghị); kết thúc.  + Diễn đạt ngắn gọn, chính xác và rõ ràng.  - Hồn Trương Ba quyết định chống lại bằng cách tách khỏi xác để tồn tại độc lập, không còn bị lệ thuộc. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần luyện tập**  **a) Mục tiêu:** **Tìm hiểu phần luyện tập**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Bài tập 1: Đọc văn bản (SGK) và trả lời câu hỏi:***  **\* GV đặt câu hỏi:**  *a) Văn bản trên đã đạt được những yêu cầu nào của một văn bản tổng kết?*  *b) Người trích lược đi một vài đoạn, một vài ý trong văn bản (…). Anh (chị) đoán xem trong các đoạn bị lược đi ấy, tác giả dẫn ra những sự việc, tư liệu, số liệu gì?*  *c) Đối chiếu với yêu cầu của một văn bản tổng kết nói chung, văn bản trên thiếu nội dung nào cần bổ sung?*  ***Bài tập 2:***Nếu được giao nhiệm vụ viết một bản tổng kết phong trào học tập và rèn luyện của lớp trong năm học vừa qua, anh (chị) sẽ thực hiện những công việc gì?  a) Chuẩn bị tư liệu ra sao?  b) Lập dàn ý văn bản thế nào?  Sau khi lập dàn ý, hãy viết vài đoạn thuộc phần thân bài của văn bản ấy.  *-***GV***hướng dẫn, gợi ý.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | ***Bài tập 1:***  a) Văn bản trên đã đạt được một số yêu cầu của một văn bản tổng kết. Đó là:  - Đảm bảo bố cục 3 phần: mở đầu; nội dung báo cáo và kết thúc.  - Diễn đạt ngắn gọn, chính xác và rõ ràng.  b) Trong những đoạn bị lược, tác giả dẫn ra những sự việc, tư liệu, số liệu:  - kết quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng.  - Số đăng kí phấn đấu trong học tập và kết quả đạt được.  - Số tình nguyện tham gia phong trào chống tệ nạn xã hội và kết quả đạt được.  - Số tình nguyện chung sức cùng cộng đồng tham gia công tác xã hội và kết quả đạt được.  - Công tác phát triển đoàn viên.  c) Đối chiếu với yêu cầu của một văn bản tổng kết nói chung, văn bản trên thiếu một số nội dung cần bổ sung:  - Tên hiệu của Đoàn, tên đoàn trường và tên chi đoàn.  - Mục II và mục IV nên cho vào một mục chung là: Kết quả công tác đoàn.      - Đánh giá chung.  ***Bài tập 2:***  a) Chuẩn bị tư liệu: tư liệu về kết quả xếp loại học tập và kết quả xếp loại hạnh kiểm,…  b) Dàn ý:  Phần đầu:  - Quốc hiệu, tên trường, lớp.  - Địa điểm, ngày… tháng… năm…  - Tiêu đề báo cáo: Báo cáo tổng kết phong trào học tập và rèn luyện- lớp (…)- năm học (…).  Phần nội dung:  - Đặc điểm tình hình lớp.  - Kết quả học tập.  - Kết quả rèn luyện.  - Bài học kinh nghiệm.  - Đánh giá chung.  Phần kết: kí tên.  *Chú ý: người viết nên chọn nội dung cơ bản (kết quả học tập và kết quả rèn luyện) để viết thành những đoạn văn bản.* | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  Câu 1: Văn bản tổng kết nào dưới đây không thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học?  a/ Tổng kết Tiếng Việt  b/ Tổng kết văn học trung đại Việt Nam  c/ Tổng kết kĩ năng làm văn  d/ Tổng kết phong trào đền ơn đáp nghĩa  Câu 2:Văn bản tổng kết nào dưới đây không thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận?  a/ Tổng kết văn học dân gian Việt Nam  b/ Tổng kết đợt phát động phong trào *Áo lụa tặng bà*  c/ Tổng kết đợt bồi dưỡng chuyên đề ngữ văn  d/ Tổng kết đợt phát động sáng tác thơ văn chào mừng ngày 26-3  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  - Xác định những tác phẩm đã học thuộc văn học Việt nam từ sau 1975 bao gồm các thể loại như Thơ, văn xuôi, kịch;  - Từ đó, căn cứ vào cách thực hiện văn bản tổng kết để viết theo yêu cầu.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**Viết văn bản tổng kết phần văn học Việt Nam từ sau 1975.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

\* **Hướng dẫn về nhà:**

**-** Củng cố:Văn bản tổng kết được viết để nhìn nhận, đánh giá kết quả khi kết thúc một công việc nào đó. Muốn viết được văn bản tổng kết cần có tư liệu, cần diễn đạt đúng đặc trưng văn bản hành chính và cần tuân thủ theo 3 phần.

- Dặn dò: soạn bài **TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT:**

**HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT:**

**HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ

- Các nhân tố trong hoạt động giao tiếp

- Các quá trình giao tiếp

- Các thành phần nghĩa của câu

- Quan hệ ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến hoạt động ngôn ngữ

- Năng lực đọc – hiểu  các văn bản liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ;

 - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giao tiếp ngôn ngữ trong tác phẩm văn học và trong đời sống;

 - Năng lực tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  -  **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:GV tổ chức TRÒ CHƠI Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt ( như các nhân tố trong hoạt động giao tiếp, ngữ cảnh…)  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Như vậy, ngoài phân môn Đọc hiểu văn bản và làm văn, chúng ta còn được tiếp cận Tiếng Việt. Đây là phân môn rất quan trọng, nhất là sửng dụng tiếng Việt trong lĩnh hội và tạo lập văn bản. Hôm nay, chúng ta sẽ tổng kết để ghi nhớ những kiến thức cơ bản đã học phần tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THPT.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức**  **a) Mục tiêu:** Hệ thống hóa kiến thức  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hệ thống hóa kiến thức bằng cách nêu một số câu hỏi để HS trả lời:  *1) Giao tiếp là gì? Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?*  *2) Phân biệt sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?*  *3) Thế nào là ngữ cảnh? Ngữ cảnh bao gồm những nhân tố nào?*  *4) Nhân vật giao tiếp có vai trò và đặc điểm gì?*  *5) Tại sao nói ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân?*  *6) Thế nào là nghĩa của câu? Câu có mấy thành phần nghĩa? Là những thành phần nào? Đặc điểm của mỗi thành phần?*  *7) Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?*  - **HS** ôn tập lại những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trên cơ sở câu hỏi và những gợi ý của GV.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Hệ thống hóa kiến thức**  **1. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ**  + Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ, nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động.  + Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động bao gồm hai quá trình: quá trình tạo lập văn bản do người nói hay người viết thực hiện; quá trình lĩnh hội văn bản do người nghe hay người đọc thực hiện. Hai quá trình này có thể diễn ra đồng thời tại cùng một địa điểm (hội thoại), cũng có thể ở các thời điểm và khoảng không gian cách biệt (qua văn bản viết).  **2. Nói và viết**   Hai dạng nói và viết có sự khác biệt:  + Về điều kiện để tạo lập và lĩnh hội văn bản.  + Về đường kênh giao tiếp.  + Về loại tín hiệu (âm thanh hay chữ viết).  + Về các phương tiện phụ trợ (ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ điệu bộ đối với ngôn ngữ nói và dấu câu, các kí hiệu văn tự, mô hình bảng biểu đối với ngôn ngữ viết).  + Về dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản,…  **3. Ngữ cảnh**  + Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản.  + Ngữ cảnh bao gồm các nhân tố: nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng (bối cảnh văn hóa), bối cảnh hẹp (bối cảnh tình huống), hiện thực được đề cập đến và văn cảnh.  **4. Nhân vật giao tiếp**  Nhân vật giao tiếp là nhân tố quan trọng nhất trong ngữ cảnh. Các nhân vật giao tiếp đều phải có cả năng lực tạo lập và năng lực lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói, họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên lượt lời.  Các nhân vật giao tiếp có những đặc điểm về các phương diện: vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, vốn sống, văn hóa,… Những đặc điểm đó luôn chi phối nội dung và cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ.  **5. Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân**   Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp sử dụng ngôn ngữ chung của xã hội để tạo ra lời nói- những sản phẩm cụ thể của cá nhân. Trong hoạt động đó, các nhân vật giao tiếp vừa sử dụng những yếu tố của hệ thống ngôn ngữ chung và tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực chung, đồng thời biểu lộ những nét riêng trong năng lực ngôn ngữ của cá nhân. Cá nhân sử dụng tài sản chung đồng thời cũng làm giàu thêm cho tài sản ấy.  **6. Nghĩa của câu**   Trong hoạt động giao tiếp, mỗi câu đều có nghĩa.  + Nghĩa của câu là nội dung mà câu biểu đạt.  + Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: nghĩa sự việc và nghĩa tình thái. Nghĩa sự việc ứng với sự việc mà câu đề cập đến. Nghĩa tình thái thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhạn, đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.  **7. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**   Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, thói quen và kĩ năng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:  + Mỗi cá nhân cần nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực.  + Vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo các phương thức chung.       + Khi cần thiết có thể tiếp nhận những yếu tố tích cực của các ngôn ngữ khác, tuy cần chống lạm dụng tiếng nước ngoài. | |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Luyện tập kiến thức đã học  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-***Gv***yêu cầu HS đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các yêu cầu:*  1) Phân tích sự đổi vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp trên. Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết nào? (lời nhân vật và lời tác giả).  2) Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm gì riêng biệt? Phân tích sự chi phối của những điều đó đến nội dung và cách thức nói trong lượt lời nói đầu tiên của lão Hạc.  3) Phân tích nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!".  4) Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ và nhà văn Nam Cao. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai hoạt động giao tiếp đó.  *- Sau mỗi câu hỏi, GV nhận xét và nêu câu hỏi tiếp theo.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **II. Luyện tập**  1.  Sự đổi vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp giữa lão Hạc và ông giáo:   |  |  | | --- | --- | | **Lão Hạc (nói)** | **Ông giáo (nói)** | | *- Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!* | *- Cụ bán rồi?* | | *- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.* | *- Thế nó cho bắt a?* | | *- Khốn nạn… nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!* | *- Cụ cứ tưởng thế …để cho nó làm kiếp khác.* | | *- Ông giáo nói phải!... như kiếp tôi chẳng hạn!* | *- Kiếp ai cũng thế thôi…  hơn chăng?* | | *- Thế thì… kiếp gì cho thật sung sướng?* |  |   Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết:  + Hai nhân vật: lão Hạc và ông giáo luân phiên đổi vai lượt lời. Lão Hạc là người nói trước và kết thúc sau nên số lượt nói của lão là 5 còn số lượt nói của ông giáo là 4. Vì tức thời nên có lúc ông giáo chưa biết nói gì, chỉ "hỏi cho có chuyện" (Thế nó cho bắt à?)  + Đoạn trích rất đa dạng về ngữ điệu: ban đầu lão Hạc nói với giọng thông báo (Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!), tiếp đến là giọng than thở, đau khổ, có lúc nghẹn lời (…), cuối cùng thì giọng đầy chua chát (…). Lúc đầu, ông giáo hỏi với giọng ngạc nhiên (- Cụ bán rồi?), tiếp theo là giọng vỗ về an ủi và cuối cùng là giọng bùi ngùi.  + Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở đoạn trích trên, nhân vật giao tiếp còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ, nhất là nhân vật lão Hạc: lão "cười như mếu", "mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra… ).  + Từ ngữ dùng trong đoạn trích khá đa dạng nhất là những từ mang tính khẩu ngữ, những từ đưa đẩy, chêm xen (đi đời rồi, rồi, à, ư, khốn nạn, chả hiểu gì đâu, thì ra,…).  + Về câu, một mặt đoạn trích dùng những câu tỉnh lược (Bán rồi! Khốn nạn…Ông giáo ơi!), mặt khác nhiều câu lại có yếu tố dư thừa, trùng lặp (Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Thì ra tôi bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó., …).  2. Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm riêng biệt chi phối đến nội dung và cách thức giao tiếp:  + Lão Hạc là một lão nông nghèo khổ, cô đơn. Vợ chết. Anh con trai bỏ đi làm ăn xa. Lão Hạc chỉ có "cậu vàng" là "người thân" duy nhất.  Ông giáo là một trí thức nghèo sống ở nông thôn. Hoàn cảnh của ông giáo cũng hết sức bi đát.  Quan hệ giữa ông giáo và lão Hạc là quan hệ hàng xóm láng giềng. Lão Hạc có việc gì cũng tâm sự, hỏi ý kiến ông giáo.  + Những điều nói trên chi phối đến nội dung và cách thức nói của các nhân vật. Trong đoạn trích, ở lời thoại thứ nhất của lão Hạc ta thấy rất rõ:  - Nội dung của lời thoại: Lão Hạc thông báo với ông giáo về việc bán "cậu vàng".  - Cách thức nói của lão Hạc: "nói ngay", nói ngắn gọn, thông báo trước rồi mới hô gọi (ông giáo ạ!) sau.  - Sắc thái lời nói: Đối với sự việc (bán con chó), lão Hạc vừa buồn vừa đau (gọi con chó là "cậu vàng", coi việc bán nó là giết nó: "đi đời rồi"). Đối với ông giáo, lão Hạc tỏ ra rất kính trọng vì mặc dù ông giáo ít tuổi hơn nhưng có vị thế hơn, hiểu biết hơn (gọi là "ông" và đệm từ "ạ" ở cuối).  3. Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cạu mới biết là cu cậu chết!":  - Nghĩa sự việc: thông báo việc con chó biết nó chết (cu cậu biết là cu cậu chết).  - Nghĩa tình thái:  + Người nói rất yêu quý con chó (gọi nó là "cu cậu".  + Việc con chó biết nó chết là một bất ngờ (bấy giờ… mới biết là…).  4. Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ nhà văn Nam Cao:  + Hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật là hoạt động giao tiếp trực tiếp có sự luân phiên đổi vai lượt lời, có sự hỗ trợ bởi ngữ điệu, cử chỉ, ánh mắt,… Có gì chưa hiểu, hai nhân vật có thể trao đổi qua lại.  + Hoạt động giao tiếp giữa nhà văn Nam Cao và bạn đọc là hoạt động giao tiếp gián tiếp (dạng viết). Nhà văn tạo lập văn bản ở thời điểm và không gian cách biệt với người đọc. Vì vậy, có những điều nhà văn muốn thông báo, gửi gắm không được người đọc lĩnh hội hết. Ngược lại, có những điều người đọc lĩnh hội nằm ngoài ý định tạo lập của nhà văn. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: **2c,4a**  **d) Tổ chức thực hiện:**  Câu 1: Hoạt động giao tiếp bao gồm quá trình nào dưới đây?  a/ Quá trình nói và quá trình nghe  b/ Quá trình viết văn bản và quá trình lĩnh hội văn bản  c/Quá trình tạo lập văn bản và quá trình lĩnh hội văn bản;  d/ Quá trình phát thông tin và quá trình tiếp nhận thông tin  Câu 2: Để lĩnh hội thấu đáo văn bản, người ta dựa vào yếu tố nào?  a/ Ngữ cảnh giao tiếp  b/ Nhân vật giao tiếp  c/ Hoạt động giao tiếp  d/ Văn cảnh  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  - Nhân vật giao tiếp:  + Người nói: Cụ Mết  + Người nghe: dân làng Xô Man  - Bối cảnh giao tiếp:  + Hẹp: Một đêm tại làng Xô Man ở Tây Nguyên  + Rộng: Cuộc kháng chiến chống Mĩ  - Hiện thực được nói đến:  + Với cụ Mết: lời dạy như một chân lí: phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng  + Với dân làng: đó là lời kêu gọi vùng lên chiến đấu và chiến thắng quân thù  - Văn cảnh: toàn bộ phần văn bản trước đó;  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**Xác định ngữ cảnh câu nói cụ Mết trong truyện Rừng xà nu ( Nguyễn Trung Thành): *Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo.*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

* **Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

***- Củng cố:*** Tự lập các bản tổng kết khác

***- Dặn dò:*** soạn bài **ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Dạng bài nghị luận xã hội và nghị luận văn học

- Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường

- Lập luận trong văn nghị luận

- Bố cục của bài văn nghị luận

- Diễn đạt trong văn nghị luận

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản tổng kết ;

- Năng lực đọc – hiểu để tạo lập văn bản tổng kết

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về văn bản tổng kết

- Năng lực tạo lập văn bản tổng kết.

**3. Phẩm chất:**Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  - **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:Cho 2 đề văn sau:  1/ Phân tích quan niệm mang tính truyền thống trong tình yêu của Xuân Quỳnh qua bài thơ Sóng.  2/ Viết đoạn văn ( khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ về tình yêu của tuổi trẻ hôm nay được rút ra từ bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh.  Em hãy chỉ ra sự khác nhau của 2 đề trên  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Khác nhau đó là: Đề 1 là nghị luận văn học, đề 2 là nghị luận xã hội  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Trong 3 năm học ở THPT, các em đã được tiếp thu và thực hành nhiều dạng bài làm văn. Hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập lại toàn bộ các dạng bài này.* | | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: GV yêu cầu HS nhớ lại và thống kê các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THPT và cho biết những yêu cầu cơ bản của các kiểu loại đó.**  **a) Mục tiêu:** Biết được những văn bản đã học.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV**chia lớp thành 2 nhóm:  **1. HS** hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đặc điểmhttps://docs.google.com/drawings/d/sVhf2OJbqtVDJcvg0jU-AFA/image?parent=1Lh2ToUMU1gnTp19bNL3yb7O2JZmJDIUe&rev=1&drawingRevisionAccessToken=rKX3zaeMLxBuUQ&h=36&w=130&ac=1  Văn bản | Kết cấu | Đề tài | | Tự sự |  |  | | Thuyết minh |  |  | | Nghị luận |  |  | | Báo chí |  |  | | Hành chính |  |  |   2. *Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc gì?*  - **HS** làm việc theo nhóm (mỗi nhóm thống kê một khối lớp) và các nhóm lần lượt trình bày.   |  |  | | --- | --- | | **Các bước chính** | **Các thao tác cụ thể của từng bước** | | Định hướng | Xác định đề tài, tìm hiểu thông tin liên quan | | Lập chương trình | Tìm hiểu đề, tìm ý, lập ý | | Hiện thực hoá chương trình | Viết văn bản | | Kiểm tra, đánh giá | Đọc lại,sửa chữa, hoàn chỉnh lại văn bản |   - **HS**nhớ lại những kiến thức đã học để trả lời.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | | **I. Ôn tập các tri thức chung**  **1. Các kiểu loại văn bản**  a) Tự sự: Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân- quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, tư tưởng, thái độ,…  b) Thuyết minh: Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả,… của sự vật, hiện tượng, vấn đề,… giúp gười đọc có tri thức và thái độ đúng đắn đối với đối tượng được thuyết minh.  c) Nghị luận: Trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,… đối với các vấn đề xã hội hoặc văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục.  Ngoài ra, còn có các loại văn bản: Kế hoạch cá nhân, quảng cáo, bản tin, văn bản tổng kết,…  **2. Cách viết văn bản**  Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc:  + Nắm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể của văn bản.  + Hình thành ý và sắp xếp thành dàn ý cho văn bản.         + Viết văn bản: Mỗi câu trong văn bản tập trung thể hiện một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn. Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, đồng thời cả văn bản được xây dựng theo một kết cấu mạch lạc. Mỗi văn bản có dấu hiệu biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung và tương ứng với nội dung là hình thức thích hợp. |
| **Hoạt động 2: Ôn tập các tri thức văn nghị luận**  **a) Mục tiêu:** Ôn tập các tri thức văn nghị luận  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV nêu câu hỏi** để HS ôn lại đề tài cơ bản của văn nghị luận:  **Nhóm 1:**  *a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành những nhóm nào?*  *b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm gì chung và khác biệt?*  - HS nhớ lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.  HS hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Các vấn đề cơ bản** | **Đặc điểm cụ thể của từng vấn đề** | | Đề tài |  | | Lập luận |  | | Bố cục |  | | Diễn đạt |  |   ***Nhóm 2:***  **GV nêu câu hỏi** ôn tập về lập luận trong văn nghị luận:  *a) Lập luận gồm những yếu tố nào?*  *b) Thế nào là luận điểm, luận cứ và phương pháp lập luận? Quan hệ giữa luận điểm và luận cứ?*  *c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm.*  *d) Nêu các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục.*  *đ) Kể tên các thao tác lập luận cơ bản, cho biết cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận đó trong bài nghị luận.*  ***Nhóm 3:*****GV** nêu câu hỏi ôn tập về bố cục bài nghị luận:  *a) Mở bài có vai trò như thế nào? Phải đạt những yêu cầu gì? Cách mở bài cho các kiểu nghị luận.*  *b) Vị trí phần thân bài? Nội dung cơ bản? Cách sắp xếp các nội dung đó? Sự chuyển ý giữa các đoạn?*  *c) Vai trò và yêu cầu của phần kết bài? Cách kết cho các kiểu nghị luận đã học?*  ***Nhóm 4:*****GV** nêu câu hỏi ôn tập về diễn đạt trong văn nghị luận:  *a) Yêu cầu của diễn đạt? Cách dùng từ, viết câu và giọng văn?*  *b) Các lỗi về diễn đạt và cách khắc phục.*  - **HS**suy nghĩ và trả lời  - **HS** khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Ôn tập các tri thức văn nghị luận**  **1. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường.**  a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành 2 nhóm: nghị luận xã hội (các đề tài thuộc lĩnh vực xã hội) và nghị luận văn học (các đề tài thuộc lĩnh vực văn học)  b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm chung và những điểm khác biệt:  + Điểm chung:  - Đều trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,… đối với các vấn đề nghị luận.  - Đều sử dụng các luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận có tính thuyết phục.  + Điểm khác biệt:  - Đối với đề tài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, rộng rãi và sâu sắc.  - Đối với đề tài nghị luận văn học, người viết cần có kiến thức văn học, khả năng lí giải các vấn đề văn học, cảm thụ các tác phẩm, hình tượng văn học.  **2. Lập luận trong văn nghị luận**  a) Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt tới. Lập luận gồm những yếu tố: luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận.  b) Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người viết (nói) về vấn đề nghị luận. Luận điểm cần chính xác, minh bạch. Luận cứ là những lí lẽ và bằng cứ được dùng để soi sáng cho luận điểm.  c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm:  + Lí lẽ phải có cơ sở, phải dựa trên những chân lí, những lí lẽ đã được thừa nhận.  + Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu, phù hợp với lí lẽ.  + Cả lí lẽ và dẫn chứng phải phù hợp với luận điểm, tập trung làm sáng rõ luận điểm.  d) Các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục:  + Nêu luận điểm không rõ ràng, trùng lặp, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết.  + Nêu luận cứ không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu chân thực, trùng lặp hoặc quá rườm rà, không liên quan mật thiết đến luận điểm cần trình bày.  + Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm.  đ) Các thao tác lập luận cơ bản:  + Thao tác lập luận phan tích.  + Thao tác lập luận so sánh.  + Thao tác lập luận bác bỏ.  + Thao tác lập luận bình luận.  Cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận trong bài nghị luận: sử dụng một cách tổng hợp các thao tác lập luận.  **3. Bố cục của bài văn nghị luận**  a) Mở bài có vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (người nghe).  Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài; hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên; gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.  Cách mở bài: có thể nêu vấn đề một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.  b) Thân bài là phần chính của bài viết. Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phương pháp lập luận thích hợp.  Các nội dung trong phần thân bài phải được sắp xếp một cách có hệ thống, các nội dung phải có quan hệ lôgíc chặt chẽ.  Giữa các đoạn trong thân bài phải có sự chuển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn.  c) Kết bài có vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề; gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.  **4. Diễn đạt trong văn nghị luận**  + Lựa chọn các từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận, tránh dùng từ khẩu ngữ hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì; Kết hợp sử dụng những biện pháp tu từ từ vựng (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh,…) và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp.  + Phối hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tránh sự đơn điệu, nặng nề, tạo nên giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc: câu ngắn, câu dài, câu mở rộng thành phần, câu nhiều tầng bậc,…Sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc: lặp cú pháp, song hành, liệt kê, câu hỏi tu từ,…  + Giọng điệu chủ yếu của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc. Các phần trong bài văn có thể thay đổi giọng điệu sao cho thích hợp với nội dung cụ thể: sôi nổi, mạnh mẽ, trầm lắng, hài hước,…  + Các lỗi về diễn đạt thường gặp: dùng từ ngữ thiếu chính xác, lặp từ, thừa từ, dùng từ ngữ không đúng phong cách; sử dụng câu đơn điệu, câu sai ngữ pháp; sử dụng giọng điệu không phù hợp với vấn đề nghị luận,… | | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần luyện tập**  **a) Mục tiêu:** **Tìm hiểu phần luyện tập**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -**GV** yêu cầu 1 HS đọc 2 đề văn (SGK) và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu luyện tập.  a) Tìm hiểu đề:  - Hai đề bài yêu cầu viết kiểu bài nghị luận nào?  - Các thao tác lập luận cần sử dụng để làm bài là gì?  - Những luận điểm cơ bản nào cần dự kiến cho bài viết?  b) Lập dàn ý cho bài viết.  Trên cơ sở tìm hiểu đề, GV chia HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét.  HS thực hiện các yêu cầu luyện tập.  HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **1. Đề văn (SGK).**  **2. Yêu cầu luyện tập:**  a) Tìm hiểu đề:  + Kiểu bài: nghị luận xã hội (đề 1), nghị luận văn học (đề 2).  + Thao tác lập luận: cả 2 đề đều vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận. Tuy nhiên, đề 1 chủ yếu vận dụng thao tác bình luận; đề 2 chủ yếu vận dụng thao tác phân tích.  + Những luận điểm cơ bản cần dự kiến cho bài viết:  - Với đề 1: Trước hết cần khẳng định câu nói của Xô-cơ-rát với người khách và giải thích tại sao ông lại nói như vậy? Sau đó rút ra bài học từ câu chuyện và bình luận.       - Với đề 2: Trước hết cần chọn đoạn thơ để phân tích. Sau đó căn cứ vào nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của đoạn để chia thành các luận điểm.  b) Lập dàn ý cho bài viết:  Tham khảo sách Bài tập Ngữ văn 12 hoặc Dàn bài  làm văn 12. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: **1c,2a**  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu 1:** Yếu tố nào sau đây không thuộc cấu tạo của lập luận trong văn nghị luận?  a/ Luận điểm  b/ Luận cứ  c/ Luận chứng  d/ Các phương tiện liên kết lập luận.  **Câu 2:** Dòng nào sau đây nêu không đúng lỗi thường gặp trong văn nghị luận:  a/ Bố cục bài văn nghị luận không logic, thống nhất  b/ Luận cứ không đầy đủ, chính xác, tiêu biểu  c/ Luận điểm không rõ ràng, chính xác  d/Cách lập luận thiếu thuyết phục.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  I. Tìm hiểu đề  - Kiểu bài: Nghị luận về tư tưởng đạo lí  - Vấn đề cần nghị luận:  – Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp với một sự thôi thúc mạnh mẽ. Hướng tới khát vọng là hướng tới những điều tốt đẹp cho bản thân và cho cộng đồng.  – Tham vọng là lòng ham muốn, mong ước quá lớn, vượt xa khả năng thực tế của con người, khó có thể đạt được. Tham vọng đôi khi chỉ gắn với dục vọng cá nhân.  \* Về thực chất,câu nói đó  khẳng định giá trị của khát vọng hướng đến cái chung, phê phán những tham vọng chỉ đem tới cái riêng cho mỗi con người  - Thao tác lập luận: giải thích, phân tích, bác bỏ, chứng minh, bình luận  - Dẫn chứng: đ/s XH liên quan đến ý nghĩa của khát vọng và tác hại của tham vọng trong cuộc sống  II. Tìm ý  - Vấn đề gì được đặt ra? Nó như thế nào?  - Vấn đề trên đúng hay sai? Hợp lí hay không hợp lí? Ý kiến khác của em?  - Vì sao có thể khẳng định như thế? (Lí lẽ, dẫn chứng)  - Điều gì có thể rút ra khi liên hệ với thời đại, hoàn cảnh sống, lứa tuổi của mình và những người đang nghe mình bình luận  - Câu nói đem đến bài học gì cho em? (Về nhận thức, hành động... Trải nghiệm của bản thân)  II. Lập dàn ý  1. Mở bài:  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  - Trích dẫn câu nói  - Khẳng định ý nghĩa tích cực của những điều đặt ra trong câu nói đối với thế hệ trẻ khi xác định lối sống cho bản thân  2. Thân bài:  a. Giải thích vấn đề cần nghị luận:  – Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp với một sự thôi thúc mạnh mẽ. Hướng tới khát vọng là hướng tới những điều tốt đẹp cho bản thân và cho cộng đồng.  VD: khát vọng trở thành bác sĩ chữa bệnh cho người nghèo...  – Tham vọng là lòng ham muốn, mong ước quá lớn, vượt xa khả năng thực tế của con người, khó có thể đạt được. Tham vọng đôi khi chỉ gắn với dục vọng cá nhân.  VD: tham vọng bành trướng, tham vọng địa vị, quyền lực để nổi danh, để mọi người phải phục tùng..., tham vọng tiền tài, của cải  \* Về thực chất,câu nói đó  khẳng định giá trị của khát vọng hướng đến cái chung, phê phán những tham vọng chỉ đem tới cái riêng cho mỗi con người  b. Bàn luận:  - Trong cuộc sống, đừng nên tham vọng:  + Tham vọng xuất phát từ lòng tham lam, sự hiếu thắng và vị kỉ. Khi tham vọng, con người không còn ý thức đúng đắn về bản thân mình, không còn tỉnh táo để cân nhắc lợi hại cho mọi người, cho bản thân. Nếu quá ráo riết theo đuổi tham vọng, con người sẽ trở nên mù quáng, bất chấp đạo đức, pháp luật, tình người gây hại cho mọi người, cho xã hội, tự mình nhận lấy nhiều hậu quả khôn lường.  VD: những kẻ buôn ma túy, phá rừng, xả thải chưa xử lí ra môi trường, tham nhũng...  + Khi tham vọng, con người quên đi những tình cảm bình thường, dễ trở nên lạnh lùng, tàn nhẫn. Vì theo đuổi tham vọng, con người dễ trở nên căng thẳng, cay cú,  tâm hồn mất đi sự thanh thản. Khi không đạt được tham vọng sẽ bi quan, chán chường, thù ghét, hận thù. Hiển nhiên, đó không thể là hạnh phúc.  VD:....  - Trong cuộc sống, cần phải có khát vọng:  + Có khát vọng con người mới hiểu đầy đủ ý nghĩa của cuộc sống, mới thực sự thấm thía hạnh phúc của việc làm người. Khát vọng chân chính đem đến cho con người niềm vui sống, động lực sống, đem đến cho con người sự tự tin, niềm tự hào chính đáng.  + Khát vọng kích thích con người phát huy tận độ trí tuệ, năng lực của mình để đóng góp cho những điều có ích cho cộng đồng, cho xã hội. Xưa nay, những con người cao cả thường mang hoài bão lớn và phấn đấu bền bỉ, hi sinh  đến cùng cho hoài bão, lí tưởng tốt đẹp  VD: HCM, vợ chồng bác sĩ Mari Curie....  + Hoài bão, khát vọng giúp con người có ý chí, sức mạnh để chiến thắng những trở ngại trong cuộc sống  +  Người có khát vọng là người nhận thức đúng đắn bản thân mình là ai, mình có thể làm gì cho mình và cho mọi người. Họ có trái tim say mê lý tưởng, có đầu óc tỉnh táo, nhận thức đúng, sai, lợi, hại. Họ có thể điều chỉnh và làm chủ bản thân mình. Vì thế, họ tránh được rủi ro trong cuộc sống; ( dẫn chứng thực tế)  – Phê phán những người sống không có khát vọng, làm cho cuộc sống trở nên vô nghĩa, sống thừa; bị tham vọng làm cho mờ mắt, dễ đưa đến con đường tội lỗi, vi phạm pháp luật và đạo đức.  c. Bài học nhận thức, hành động:  - Nhận thức: thấy được đây lời khuyên đúng đắn. Hiểu được ý nghĩa của khát vọng và hậu quả của tham vọng để xác định cho mình lối sống đúng đắn.  - Hành động: Trong cuộc sống, cần ấp ủ nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng, không ngừng nỗ lực đạt khát vọng. Cần tỉnh táo, tiết chế bản thân để khát vọng không trở thành tham vọng.  Thực hiện điều này ngay từ hôm nay.  Trải nghiệm của bản thân  3. Kết bài:  - Khẳng định vấn đề cần nghị luận  “Con người ta được sáng tạo ra không phải để mang xích xiềng mà để được tự do tung cánh bay lượn trên bầu trời”. Câu nói ấy không chỉ nhằm khẳng định con người là tập trung của mọi vẻ đẹp tinh túy nhất, tuyệt vời nhất về hình thức và phẩm chất, về lí trí và tình cảm mà còn muốn khẳng định mạnh mẽ quyền được sống, quyền được khát vọng tự do, không khuất phục trước bất kì một thế lực đen tối nào trong xã hội.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**Đề bài:  *Trong cuộc sống, đừng tham vọng nhưng phải có khát vọng.*       Suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.  Thực hiện các bước:  1/ Tìm hiểu đề  2/Tìm ý  3/ Lập dàn ý  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | | |

\* **Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố:** Hoàn thiện kiến thức, kĩ năng qua việc thành lập dàn ý, viết đoạn văn, bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

**- Dặn dò:** Soạn bài mới: **GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC**

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết các khái niệm về giá trị văn học và tiếp nhận văn học

- HS hiểu và lí giải được giá trị văn học và tiếp nhận văn học khi đọc hiểu văn bản

- Những giá trị cơ bản của văn học

- Tiếp nhận trong đời sống văn học, tính chất và các cấp độ tiếp nhận văn học.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến lí luận văn học;

- Năng lực đọc – hiểu  các văn bản liên quan đến lí luận văn học;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị văn học và tiếp nhận văn học;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị văn học và tiếp nhận văn học;

- Năng lực phân tích, so sánh sự khác nhau trong quá trình tiếp nhận văn học;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận mang tính lí luận.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng ở phần đầu truyện Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, em nhận thức được điều gì về cuộc sống và con người thời hậu chiến? Em tỏ thái độ gì với từng nhân vật trong truyện? Em thấy hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa có đẹp không?  - HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Ôn lại truyện đã học, tập trung 3 câu hỏi để trả lời.  + Có 3 tác phẩm: Thuốc ( Lỗ Tấn ); Số phận con người ( Sô lô khôp); Ông già và biển cả ( Heminhgue)  => Từ đó, giáo viên giới thiệu: *Như vậy, việc hệ thống lại kiến thứ cơ bản của các tác phẩm VHNN đã học ở Từ truyện Chiếc thuyền ngoài xa, ta thất tác phẩm văn học có nhiều giá trị. Mỗi người đến với tác phẩm đều có cái nhìn khác nhau. Đó là những vấn đề liên quan đến giá trị văn học và Tiếp nhận văn học mà chúng ta sẽ tìm hiểu hôm nay.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Giá trị văn học**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu cách viết văn bản tổng kết  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **Thao tác 1**- GV nêu câu hỏi: *Thế nào là giá trị văn học? Văn học có những giá trị cơ bản nào?*  **Thao tác 2**- Một HS đọc mục 1 (phần I- SGK).  - GV nêu yêu cầu:  *Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị nhận thức và cho ví dụ.*  - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị nhận thức:        + Nhận thức về thế giới sâu rộng trong những không gian, thời gian khác nhau (không  giới hạn). Ví dụ: từ Mùa lá rụng trong v−ờn đến Thời xa vắng ở  miền   Bắc;   từ Bắt sấu ở U Minh Hạ   miền   Nam   đến   hành   trình Hai vạn dặm dưới biển vòng quanh thế giới, từ Iliát, Ôđixê ở châu Âu đến Nàng Xita Ấn Độ ,Từ   tiểu   thuyết   lịch   sử Tam quốc diễn nghĩa Trung Hoa đến thơ Hai C− Nhật Bản, săn cá châu Mĩ...          +   Nhận   thức   về   con   người   (vẻ   đẹp   hình   thể,   vẻ   đẹp   tâm   hồn,   trí   tuệ,   lí tưởng, khát vọng, bi kịch...) qua các nhân vật văn học. Văn học là nhân học. Ví dụ: Cô Tấm, Thạch Sanh, nàng Kiều, LụcVân Tiên, chị Dậu, Xantiagô, Xôcôlốp...  **Thao tác**3- Một HS đọc mục 2 (phần I- SGK).  - GV nêu yêu cầu:  *Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị giáo dục và cho ví dụ.*  - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị giáo dục.  **Thao tác**4- Một HS đọc mục 3 (phần I- SGK).  - GV nêu yêu cầu:  *Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị thẩm mĩ và cho ví dụ.*  - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị thẩm mĩ.  **Thao tác**5- GV nêu câu hỏi:  *3 giá trị của văn học có mối quan hệ với nhau như thế nào?*  - GV nhận xét và nhấn mạnh mối quan hệ của 3 giá trị.    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Giá trị văn học**  **1. Khái quát chung**  + Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học, đáp ứng  những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới con người và cuộc sống.  + Những giá trị cơ bản:  - Giá trị nhận thức.  - Giá trị giáo dục.      - Giá trị thẩm mĩ.  **2. Giá trị nhận thức**  + Cơ sở:  - Tác phẩm văn học là kết quả của quá trình nhà văn khám phá, lí giải hiện thực đời sống rồi chuyển hóa những hiểu biết đó vào nội dung tác phẩm. Bạn đọc đến với tác phẩm sẽ được đáp ứng nhu cầu nhận thức.  - Mỗi người chỉ sống trong một khoảng thời gian nhất định, ở những không gian nhất định với những mối quan hệ nhất định. Văn học có khả năng phá vỡ giới hạn tồn tại trong thời gian, không gian thực tế của mỗi cá nhân, đem lại khả năng sống cuộc sống của nhiều người, nhiều thời, nhiều nơi.  - Giá trị nhận thức là khả năng của văn học có thể đáp ứng được yêu cầu của con người muốn hiểu biết cuộc sống và chính bản thân, từ đó tác động vào cuộc sống một cách có hiệu quả.  + Nội dung:  - Quá trình nhận thức cuộc sống của văn học: nhận thức nhiều mặt cuộc sống với những thời gian, không gian khác nhau (quá khứ, hiện tại, tương lai, các vùng đất, các dân tộc, phong tục, tập quán,…). Ví dụ (…).  - Quá trình tự nhận thức của văn học: người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung (mục đích tồn tại, tư tưởng, khát vọng, sức mạnh,… của con người), từ đó mà hiểu chính bản thân mình. Ví dụ (…).  **3. Giá trị giáo dục**  + Cơ sở:  - Con người không chỉ có nhu cầu hiểu biết mà còn có nhu cầu hướng thiện, khao khát cuộc sống tốt lành, chan hòa tình yêu thương.  - Nhà văn luôn bộc lộ tư tưởng- tình cảm, nhận xét, đánh giá, … của mình trong tác phẩm. Điều đó tác động lớn và có khả năng giáo dục người đọc.  - Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức.  + Nội dung:  - Văn học đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống. Ví dụ (…).  - Văn học hình thành trong con người một lí tưởng tiến bộ, giúp họ có thái độ và quan điểm đúng đắn về cuộc sống. Ví dụ (…).  - Văn học giúp con người biết yêu ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn. Ví dụ (…).  - Văn học nâng đỡ cho nhân cách con người phát triển, giúp cho họ biết phân biệt phải- trái, tốt- xấu, đúng- sai, có quan hệ tốt đẹp và biết gắn bó cuộc sống của cá nhân mình với cuộc sống của mọi người. Ví dụ (…).  + Đặc trưng giáo dục của văn học là từ con đường cảm xúc tới nhận thức, tự giáo dục (khác với pháp luật, đạo đức,…). Văn học cảm hóa con người bằng hình tượng, bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp nên nó giáo dục một cách tự giác, thấm sâu, lâu bền. Văn học không chỉ góp phần hoàn thiện bản thân con người mà còn hướng con người tới những hành động cụ thể, thiết thực, vì một cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn. Ví dụ (…).  **4.  Giá trị thẩm mĩ**  + Cơ sở:  - Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp.  - Thế giới hiện thực đã có sẵn vẻ đẹp nhưng không phải ai cũng có thể nhận biết và cảm thụ. Nhà văn, bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm.  - Giá trị thẩm mĩ là khả năng của văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp (cái đẹp cuộc sống và cái đẹp của chính tác phẩm).  + Nội dung:  - Văn học đem đến cho con người những vẻ đẹp muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời (thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc đời, lịch sử,…). Ví dụ (…).  - Văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp con người (ngoại hình, nội tâm, tư tưởng- tình cảm, những hành động, lời nói,… ). Ví dụ (…).  - Văn học có thể phát hiện ra vẻ đẹp của những sự vật rất nhỏ bé, bình thường và cả vẻ đẹp đồ sộ, kì vĩ. Ví dụ (…).  - Hình thức đẹp của tác phẩm (kết cấu, ngôn ngữ,…) cũng chính là một nội dung quan trọng của giá trị thẩm mĩ. Ví dụ (…).  **5. Mối quan hệ giữa các giá trị văn học**  + 3 giá trị có mối quan hệ mật thiết, không tách rời, cùng tác động đến người đọc (khái niệm chân- thiện- mĩ của cha ông).  + Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức. Giá trị thẩm mĩ khiến cho giá trị nhận thức và giá trị giáo dục được phát huy. Không có nhận thức đúng đắn thì văn học không thể giáo dục được con người vì nhận thức không chỉ để nhận thức mà nhận thức là để hành động. Tuy nhiên, giá trị nhận thức và giá trị giáo dục chỉ có thể phát huy một cách tích cực nhất, có hiệu quả cao nhất khi gắn với giá trị thẩm mĩ- giá trị tạo nên đặc trưng của văn học. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu tiếp nhận văn học.**  **a) Mục tiêu:** **Tìm hiểu tiếp nhận văn học.**  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Thao tác**1- Một HS đọc mục 1 và 2 (phần II- SGK).  - GV nêu câu hỏi:  *1) Tiếp nhận văn học là gì?*  *2) Phân tích các tính chất trong tiếp nhận văn học.*  - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  **Thao tác 2**- Một HS đọc mục 3 (phần II- SGK).  - GV nêu câu hỏi:  *a) Có mấy cấp độ tiếp nhận văn học?*  *b) Làm thế nào để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự?*  - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.  - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính- nêu khái niệm, phân tích tính chất- có ví dụ.    - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính (có ví dụ).  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **II. Tiếp nhận văn học**  **1. Tiếp nhận trong đời sống văn học**  Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng tai nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa từng của câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật,… làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút.  Tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.  + Phân biệt tiếp nhận và đọc: tiếp nhận rộng hơn đọc vì tiếp nhận có thể bằng truyền miệng hoặc bằng kênh thính giác (nghe).  **2. Tính chất tiếp nhận văn học**  Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp (tác giả và người tiếp nhận, người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông). Vì vậy, gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều khó. Điều này thể hiện ở 2 tính chất cơ bản sau:  + Tính chất cá thể hóa, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Các yếu tố thuộc về cá nhân có vai trò quan trọng: năng lực, thị hiếu, sở thích, lứa tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm sống,…Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mĩ làm cho sự tiếp nhận mang đậm nét cá nhân. Chính sự chủ động, tích cực của gười tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống cho tác phẩm. Ví dụ (…).  + Tính đa dạng, không thống nhất: cảm thụ, đánh giá của công chúng về một tác phẩm rất khác nhau, thậm chí cùng một người ở nhiều thời điểm có nhiều khác nhau trong cảm thụ, đánh giá. Nguyên nhân ở cả tác phẩm (nội dung phong phú, hình tượng phức tạp, ngôn từ đa nghĩa,…) và người tiếp nhận (tuổi tác, kinh nghiệm, học vấn, tâm trạng,…). Ví dụ (…).  **3. Các cấp độ tiếp nhận văn học**  a) Có 3 cấp độ tiếp nhận văn học:  + Cấp độ thứ nhất: cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm. Đây là cách tiếp nhận đơn giản nhưng khá phổ biến.  + Cấp độ thứ hai: cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy được nội dung tư tưởng của tác phẩm.  + Cấp độ thứ ba: cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức để thấy được cả giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.  b) Để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự, người tiếp nhận cần:  + Nâng cao trình độ.  + Tích lũy kinh nghiệm.  + Trân trọng tác phẩm, tìm cách hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn.  + Tiếp nhận một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng.  + Không nên suy diễn tùy tiện. |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần luyện tập**  **a) Mục tiêu:** **Tìm hiểu phần luyện tập**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV hướng dẫn, gợi ý để HS tự làm .****Bài tập 1:***Có người cho giá trị cao quý nhất của văn chương là nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người, hay nói như Thạch Lam là "làm cho lòng người được trong sạch và phong phú hơn". Nói như vậy có đúng không? Vì sao?  ***Bài tập 2:***Phân tích một tác phẩm văn học cụ thể (tự chọn) để làm sáng tỏ các giá trị (hoặc các cấp độ) trong tiếp nhận văn học.  ***Bài tập 3: Thế nào là cảm và hiểu trong tiếp nhận văn học.***  *HS tự làm .*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Luyện tập**  ***Bài tập 1:***  + Đây chỉ là cách nói để nhấn mạnh giá trị giáo dục của văn chương, không có ý xem nhẹ các giá trị khác.  + Cần đặt giá trị giáo dục trong mối quan hệ không thể tách rời với các giá trị khác.  ***Bài tập 2:***  Tham khảo các ví dụ trong SGK và trong bài giảng của thầy.  ***Bài tập 3:***          Đây là cách nói khác về các cấp độ khác nhau trong tiếp nhận văn học: cảm là cấp độ tiếp nhận cảm tính, hiểu là cấp độ tiếp nhận lí tính. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  Câu 1: Dòng nào dưới đây nêu không đúng giá trị cơ bản của văn học:  a/ Giá trị nhận thức  b/ Giá trị giáo dục  c/Giá trị hiện thực  d/ Giá trị thẩm mĩ  Câu 2: Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất tính chất cơ bản của tiếp nhận văn học  a/ Tính cá thể hoá, chủ động, tích cực  b/Tính đa dạng, không thống nhất  c/ Tính hàm súc, đa nghĩa  d/ Gồm a và b  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **- Vận dụng kiến thức đã học bài Chiếc thuyền ngoài xa**  **- Xác định đúng 3 giá trị:**  **+ Nhận thức**  **+ Giáo dục**  **+ Thẩm mĩ d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:***Chỉ ra các giá trị văn học qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu - HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

* **Hướng dẫn về nhà:**

**- Củng cố**: Chọn 1 tác phẩm văn học, phân tích để tìm ra các giá trị cơ bản của tác phẩm đó?

**- Dặn dò:** Soạn bài ***Tổng kết phần tiếng Việt***

*Trường:..........................*

*Tổ:....................................*

**TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT**

**Lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ**

*Môn học/ hoạt động: ……………..; Lớp:………*

*Thời gian thực hiện……..tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được lịch sử, đặc điểm loại hình và phong cách ngôn ngữ

- HS hiểu và lí giải được đặc trưng của PCNN văn bản.

- Kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quan hệ họ hàng và quá trình phát triển của tiếng Việt , chữ viết.

- Những đặc điểm loại hình tiếng Việt

- Các phong cách ngôn ngữ tiếng Việt

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Tiếng Việt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về Tiếng Việt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về phong cách ngôn ngữ văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc trưng của phong cách ngôn ngữ văn bản trong Tiếng Việt

**3. Phẩm chất:**

**-** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:GV tổ chức trò chơi Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt  -   HS thực hiện nhiệm vụ: tìm đúng từ trong ô chữ theo yêu cầu của câu hỏi  -  HS báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:   GV dẫn dắt vào bài:*Như vậy, qua 03 năm học ở khối THPT, bên cạnh phần đọc hiểu văn bản, phần Làm văn, có một phân môn cũng rất quan trọng góp phần giữ trong sáng của tiếng nói dân tộc, đó là Tiếng Việt. Hôm nay, chúng ta đi vào ôn tập để chốt lại kiến thức cơ bản liên quan đến tiếng Việt.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tổ chức tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu cách viết văn bản tổng kết  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học.*  *- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tổng kết về nguồn gốc, lịch sử phát triển của tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập.** |
| **Bảng ôn tập**   |  |  | | --- | --- | | **Nguồn gốc và lịch sử phát triển** | **Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập** | | a) Nguồn gốc: Tiếng Việt thuộc:  - Họ: ngôn ngữ Nam á.  - Dòng: Môn- Khmer.  - Nhánh: Tiếng Việt Mường chung.  b) Các thời kì trong lịch sử:  - Tiếng Việt trong thời kì dựng nước.  - Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc.  - Tiếng Việt trong thời kì độc lập tự chủ.  - Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc.  - Tiếng Việt trong thời kì từ sau cách mạng tháng Tám đến nay. | a) Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết; về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ.  b) Từ không biến đổi hình thái.  c) Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ. | | | |
| **Hoạt động 2: Tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học.*  *- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.*  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản** | |
| *Bảng thứ nhất:*  **Tên các phong cách ngôn ngữ và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách.**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | PCNG  sinh hoạt | PCNG  nghệ thuật | PCNG  báo chí | PCNG  chính luận | PCNG  khoa học | PCNG  hành chính | | **Thể loại văn bản tiêu biểu** | -Dạng nói (độc thoại, đối thoại)  -Dạng viết (nhật kí, hồi ức cá nhân, thư từ.  -Dạng lời nói tái hiện (trong tác phẩm văn học) | -Thơ ca, hò vè,…  -truyện, tiểu thuyết, kí,…  -Kịch bản,… | - Thể loại chính: Bản tin, Phóng sự, Tiểu phẩm.  - Ngoài ra: thư bạn đọc, phỏng vấn, quảng cáo, bình luận thời sự,… | -Cương lĩnh  - Tuyên bố.  -Tuyên ngôn, lời kêu gọi, hiệu triệu.  -Các bài bình luận, xã luận.  -Các báo cáo, tham luận, phát biểu trong các hội thảo, hội nghị chính trị,… | - Các loại văn bản khoa học chuyên sâu: chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học,…  - Các văn bản dùng để giảng dạy các môn khoa học: giáo trình, giáo khoa, thiết kế bài dạy,…  - Các văn bản phổ biến khoa học: sách phổ biến khoa học kĩ thuật, các bài báo, phê bình, điểm sách,… | -Nghị định, thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết,…  -Giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,…  -Đơn, bản khai, báo cáo, biên bản,… |   *Bảng thứ hai:*  **Tên các phong cách ngôn ngữ và đặc trưng cơ bản của từng phong cách**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | PCNG  sinh hoạt | PCNG  nghệ thuật | PCNG  báo chí | PCNG  chính luận | PCNG  khoa học | PCNG  hành chính | | **Đặc trưng cơ bản** | - Tính cụ thể  -Tính cảm xúc.  - Tính cá thể | -Tính hình tượng.  -Tính truyền cảm.  -Tính cá thể hóa. | -Tính thông tin thời sự.  -Tính ngắn gọn.  -Tính sinh động, hấp dẫn. | - Tính công khai về quan điểm chính trị.  - Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận.  - Tính truyền cảm, thuyết phục. | -Tính trừu tượng, khái quát.  -Tính lí trí, lôgíc.  -Tính phi cá thể. | -Tính khuôn mẫu.  -Tính minh xác.  -Tính công vụ. | | | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần luyện tập**  **a) Mục tiêu:** **Tìm hiểu phần luyện tập**  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Bài tập 1: So sánh hai phần văn bản (mục 4- SGK), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản.***  *- GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức để  xác định và phân tích.*  *- HS thảo luận theo nhóm học tập, cử đại diện trình bày và tham gia tranh luận với các nhóm khác.*  ***Bài tập 2: Đọc văn bản lược trích (mục 5- SGK) và thực hiện các yêu cầu:***  a) Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.  b) Phân tích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu văn bản.  c) Đóng vai một phóng viên báo hàng ngày và giả định văn bản trên vừa được kí và ban hành một vài giờ trước, anh (chị) hãy viết một tin ngắn theo phong cách báo chí (thể loại bản tin) để đưa tin về sự kiện ban hành văn bản.  *- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trên.*  - HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả trước lớp để thảo luận.  -**GV**hướng dẫn, gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Luyện tập**  ***Bài tập 1: Hai phần văn bản đều có chung đề tài (trăng) nhưng được viết với hai phong cách ngôn ngữ khác nhau:***  + Phần văn bản (a) được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, lôgíc, tính phi cá thể.  + Phần văn bản (b) được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hóa.  ***Bài tập 2:***  a) Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính.  b) Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản có đặc điểm:  + Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thường gậưp trong phong cách ngôn ngữ hành chính như: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này,…  + Về câu: văn bản sử dụng kiêểu câu thường gặp trong quyết định (thuộc văn bản hành chính): ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ… căn cứ… xét đề nghị… quyết định I… II… III… IV… V… VI…  + Về kết cấu: văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu 3 phần:  - Phần đầu: quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày thánh năm, tên quyết định.  - Phần chính: nội dung quyết định.  - Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái).  c) Tin ngắn:  *Cách đây chỉ mới vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban,… còn quy định địa điểm cho Bảo hiểm Y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành.* | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Dòng nào dưới đây nêu nhận xét đúng nhất về đoạn văn sau :"*Sao anh không cưỡi lên ngựa mà chạy cho mau?...-Rõ khéo cho anh,bốn cẳng lại so với sáu cẳng được à ?* a. *Là văn bản ( ngôn ngữ ) nói* b. *Là văn bản ( ngôn ngữ ) viết* c.  *Là văn bản ( ngôn ngữ ) nói đuợc ghi lại bằng chữ viết* d.*Là văn bản ( ngôn ngữ ) nói đuợc trình bày bằng hình thức nói*  **Câu hỏi 2:** Nhận xét nào sau đây không phải nói về đặc điểm diễn đạt của đoạn văn trên : a. Từ ngữ tự nhiên b. Từ ngữ chọn lọc c. Từ ngữ có tính khẩu ngữ d. Dùng hình thức tỉnh lược  **Câu hỏi 3:** **Dòng nào sau đây không phải là đặc điểm của ngôn ngữ nói?** a. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh b.  Ngôn ngữ nói đa dạng về ngữ điệu c. Ngôn ngữ nói sử dụng nhiều lớp từ, kiểu câu đa dạng d. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ tinh luyện và trau chuốt.  **Câu hỏi 4:** **Ngôn ngữ viết được sự hỗ trợ của yếu tố nào?** a. Dấu câu b. Nét mặt c. Cử chỉ d. Điệu bộ.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **Hướng dẫn làm bài**  1.  Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Có hai dấu hiệu để nhận biết điều ấy: thứ nhất, nội dung của đoạn văn bàn về một vấn đề của văn học sử Việt Nam; thứ hai, trong đoạn văn, người viết sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học.  2.  Các thuật ngữ khoa học xuất hiện trong đoạn văn: thể loại văn học, thơ, sử thi, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, thơ cổ điển, văn xuôi, bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, tiểu thuyết.  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  - Xác định những tác phẩm đã học thuộc văn học Việt nam từ sau 1975 bao gồm các thể loại như Thơ, văn xuôi, kịch;  - Từ đó, căn cứ vào cách thực hiện văn bản tổng kết để viết theo yêu cầu.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  *Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ có truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường..., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,:., còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng với nhiều nền văn xuôi hiện đại của thế giới.*  1.   Hãy cho biết, đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Căn cứ vào đâu để nhận biết điều ấy?  2.   Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những thuật ngữ khoa học nào?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

**\* Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)**

***- Củng cố:*** Tự lập bảng tổng kết khác về các kiến thức Tiếng Việt đã học ở lớp 10-11-12

***- Dặn dò:*** Soạn bài **ÔN TẬP VĂN HỌC**

*Trường:.................................*

*Tổ:..............................*

**ÔN TẬP VĂN HỌC**

*Môn học/ Hoạt động giáo dục:...........; Lớp:.............*

*Thời gian thục hiện:.......tiết*

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

- Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

- Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

- Vận dụng cao: Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam

***2. Năng lực***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thể loại văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

***3. Phẩm chất***

- Biết nhận thức được ý nghĩa tác phẩm VH  hiện đại Việt Nam trong lích sử văn học dân tộc

- Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà tác phẩm văn học hiện đại đem lại

- Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**2. Chuẩn bị của HS**

**-** Sách giáo khoa, bài soạn...

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả *VH ở HK2*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  -   HS thực hiện nhiệm vụ:  -  HS báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  GV dẫn dắt vào bài:*Như vậy, chúng ta đã đọc hiểu toàn bộ những tác phẩm tiêu biểu của VHVN và văn học nước ngoài ở HK2. Để khắc sâu kiến thức cơ bản của các tác phẩm đã học, hôm nay chúng ta tiến hành ôn tập văn học để chuẩn bị cho kỳ thi HK2 và thi QGTHPT.* | -  Nhận thức được nhiệm vụ  cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết  nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Ôn tập văn học Việt Nam**  **a) Mục tiêu:** nắm được các kiến thức cốt lõi trong các văn bản VH…  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1**. Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm Vợ nhặt (Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài). Phân tích nét đặc sắc trong tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm.  *(GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh. )*  2. Các tác phẩm Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành, Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó.  *(GV hướng dẫn HS so sánh trên một số phương diện. )*  3. Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa?  (GV gợi cho HS nhớ lại bài học. )  4. Phân tích đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ để làm rõ sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người.  *(GV định hướng cho HS những ý chính cần phân tích và giao việc cho các nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một ý- đại diện nhóm phân tích. GV nhận xét, khắc sâu những ý cơ bản).*  *HS phát biểu từng khía cạnh. GV nhận xét và hoàn chỉnh bảng so sánh*  *HS thảo luận và phát biểu ý kiến* | **I. Ôn tập văn học Việt Nam**  **1. Vợ nhặt (Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Vợ nhặt*** | ***Vợ chồng A Phủ*** | | **Số phận và cảnh ngộ của con người** | Tình cảnh thê thảm của người dân lao động trong nạn đói năm 1945. | Số phận bi thảm của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến trước cách mạng. | | **Tư tưởng nhân đạo của tác phẩm** | Ngợi ca tình người cao đẹp, khát vọng sống và hi vọng vào một tương lai tươi sáng. | Ngợi ca sức sống tiềm tàng của con người và con đường họ tự giải phóng, đi theo cách mạng. |   ***2. Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành, Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi***  Cần so sánh trên một số phương diện tập trung thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng:  + Lòng yêu nước, căm thù giặc.  + Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất chống kẻ thù xâm lược.  + Đời sống tâm hồn, tình cảm cao đẹp.  + Những nét đặc sắc về nghệ thuật thể hiện: nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng hình tượng và những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa,...  **3. *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu**  Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa rất phong phú và sâu sắc:  + Cuộc sống có những nghịch lí mà con người buộc phải chấp nhận, "sống chung" với nó.  + Muốn con người thoát ra khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, man rợ cần có những giải pháp thiết thực chứ không phải chỉ là thiện chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tiễn.       + Nhan đề *Chiếc thuyền ngoài xa* giống như một gợi ý về khoảng cách, về cự li nhìn ngắm đời sống mà người nghệ sĩ cần coi trọng. Khi quan sát từ "ngoài xa", người nghệ sĩ sẽ không thể thấy hết những mảng tối, những góc khuất. Chủ nghĩa nhân đạo trong nghệ thuật không thể xa lạ với số phận cụ thể của con người. Nghệ thuật mà không vì cuộc sống con người thì nghệ thuật phỏng có ích gì. Người nghệ sĩ khi thực sự sống với cuộc sống, thực sự hiểu con người thì mới có những sáng tạo nghệ thuật có giá trị đích thực góp phần cải tạo cuộc sống.  **4. Đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ**  Cần tập trung phân tích những điểm cơ bản sau:  1) Phân tích hoàn cảnh trớ trêu của Hồn Trương Ba qua độc thoại nội tâm, đối thoại với các nhân vật đặc biệt là đối thoại với xác anh hàng thịt.  + Trương Ba bây giờ không còn là Trương Ba ngày trước.  + Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng.  + Mọi người xót xa trước tình cảnh của Trương Ba, xác anh hàng thịt cười nhạo Trương Ba, bản thân Trương Ba vô cùng đau khổ, dằn vặt.  2) Phân tích thái độ, tâm trạng của Hồn Trương Ba trong cuộc đối thoại với Đế Thích và quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba để rút ra chủ đề, ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích nói riêng và vở kịch nói chung.  + Cuộc đối thoại với Đế Thích, đặc biệt lời thoại mang ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm.  + Cái chết của cu Tị và những hình dung của Hồn Trương Ba khi Hồn nhập vào xác cu Tị.  + Quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba: xin cho cu Tị sống và mình chết hẳn- ý nghĩ nhân văn của quyết định ấy.  3) Tổng hợp những điều đã phân tích, đánh giá chiều sâu triết lí và ý nghĩa tư tưởng của vở kịch: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người. |
| **Hoạt động 2: Ôn tập văn học nước ngoài**  **a) Mục tiêu:** nắm được các kiến thức cốt lõi trong các văn bản VH…  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| 1. Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn Số phận con người của Sô-lô-khốp.  *(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Số phận con người, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn. )*  2. Trong truyện ngắn Thuốc, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?  *(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Thuốc, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn. )*  3. Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê?  *(GV yêu cầu HS xem lại bài Ông già và biển cả, trên cơ sở đó để thảo luận. )*  *HS làm việc cá nhân và phát biểu*  *HS làm việc cá nhân và phát biểu*  *HS làm việc cá nhân và phát biểu, thảo luận* | **II.** **Ôn tập văn học Nước ngoài**  **1. Số phận con người của Sô-lô-khốp**  + ý nghĩa tư tưởng:  *Số phận con người của Sô-lô-khốp đã khiến ta suy nghĩ nhiều hơn đến số phận của từng con người cụ thể sau chiến tranh. Tác phẩm đã khẳng định một cách viết mới về chiến tranh: không né tránh mất mát, không say với chiến thắng mà biết cảm nhận chia sẻ những đau khổ tột cùng của con người sau chiến tranh. Từ đó mà tin yêu hơn đối với con người. Số phận con người khẳng định sức mạnh của lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, nghị lực con người. Tất cả những điều đó sẽ nâng đỡ con người vượt lên số phận.*  + Đặc sắc nghệ thuật:  *Số phận con người có sức rung cảm vô hạn của chất trữ tình sâu lắng. Nhà văn đã sáng tạo ra hình thức tự sự độc đáo, sự xen kẽ nhịp nhàng giọng điệu của người kể chuyện (tác giả và nhân vật chính). Sự hoà quyện chặt chẽ chất trữ tình của tác giả và chất trữ tình của nhân vật đã mở rộng, tăng cường đến tối đa cảm xúc nghĩ suy và những liên tưởng phong phú cho người đọc.*  **2. Truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn**  + Lỗ Tấn phê phán những căn bệnh của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX:  - Bệnh u mê lạc hậu của người dân.  - Bệnh xa rời quần chúng của những người cách mạng tiên phong.  + Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm:  - Cốt truyện đơn giản nhưng hàm súc.  - Các chi tiết, hình ảnh đều giàu ý nghĩa tượng trựng. Đặc biệt là hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu, hình ảnh con đường, hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du,...      - Không gian, thời gian của truyện là một tín hiệu nghệ thuật có ý nghĩa .  **3. Đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê**  Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê  + Ông lão và con cá kiếm. Hai hình tượng mang một vẻ đẹp song song tương đồng trong một tình huống căng thẳng đối lập.  + Ông lão tượng trưng cho vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mình.  + Con cá kiếm là đại diện cho tính chất kiêu hùng vĩ đại của tự nhiên.          + Trong mối quan hệ phức tạp của thiên nhiên với con người không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù. Con người và thiên nhiên có thể vừa là bạn vừa là đối thủ. Con cá kiếm là biểu tượng của ước mơ vừa bình thường giản dị nhưng đồng thời cũng rất khác thường, cao cả mà con người ít nhất từng theo đuổi một lần trong đời. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức.  **b) Nội dung:** HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm.  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  **Câu hỏi 1:** *Chi tiết nào sau đây về tiểu sử Nguyễn Thi là****chưa****chính xác?*  a. Tên khai sinh là Nguyễn Hòang Ca, sinh 1928, quê ở Nam Định. b. Tác phẩm chính: Dòng kinh quê hương, Những sự tích ở đất thép…(bút kí); Khi mẹ vắng nhà, Những đứa con trong gia đình…(truyện ngắn); Người mẹ cầm súng, Ước mơ của đất, Ở xã Trung Nghĩa (tiểu thuyết)… c. Nguyễn Thi được coi là nhà văn của người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt. d.Đã hi sinh trong khi tham gia chống chiến tranh phá họai miền Bắc của đế quốc Mĩ.  **Câu hỏi 2:** *Vì sao Nguyễn Thi đặc biệt gắn bó và viết nhiều về Nam Bộ?*  a. Ông sinh ra lớn lên, gắn bó suốt đời với con người, cảnh vật Nam Bộ. b. Tuy Nam Bộ không phải quê hương nhưng tuổi thơ và tuổi trẻ của Nguyễn Thi gắn bó sâu nặng với mảnh đất Nam Bộ. c.  Nam Bộ là mảnh đất lưu giữ mối tình đầu của Nguyễn Thi. d. Từ thuở nhỏ được đọc “Đất rừng phương Nam” của Đòan Giỏi, Nam Bộ đã in đậm trong kí ức của Nguyễn Thi.  **Câu hỏi 3:** Sáng tác của Nguyễn Minh Châu có những thiên hướng nào? a. Trữ tình lãng mạn. b. Cảm hứng thế sự. c. Giai đọan đầu là cảm hứng thế sự, giai đọan sau thiên về trữ tình lãng mạn. d. Giai đọan đầu là trữ tình lãng mạn, giai đọan sau chuyển sang cảm hứng thế sự.  **Câu hỏi 4:** Truyện “Chiếc thuyền ngoài xa” được kể theo cách nào?  a. Nhà văn cho nhân vật Phùng – người phóng viên kể lại câu chuyện. b. Nhà văn đứng ngoài câu chuyện kể lại. c. Nhà văn cho nhân vật chú bé Phác kể lại câu chuyện. d. Nhà văn cho nhân vật Đẩu – vị chánh án tòa kể lại câu chuyện | -   HS thực hiện nhiệm vụ:  -  HS báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  ĐÁP ÁN  [1]='d'  [2]='b'  [3]='d'  [4]='a' |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau.  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  Phân tích những nghịch lí trong truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu)?  -   HS thực hiện nhiệm vụ:  -  HS báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | Bài viết cần có các ý chính sau:  +   Giới   thiệu   truyện   ngắn  “Chiếc   thuyền   ngoài   xa”   và   vấn   đề   tình   huống nghịch lí trong truyện ngắn  + Nêu và phân tích các tình huống nghịch lí trong Chiếc thuyền ngoài xa       − Đời sống và nghệ thuật       − Cảnh đẹp thiên nhiên và di hoạ chiến tranh       − Cảnh có hồn và cảnh vô hồn       − Cảnh đẹp tuyệt đỉnh và cảnh lam lũ, tàn bạo  + Ý nghĩa, tác dụng nghệ thuật của nghịch lí nghệ thuật . |

**\* Hướng dẫn về nhà:**

***- Củng cố:***

+ Đọc lại toàn bộ phần *Hướng dẫn học bài*của các tác phẩm đã học.

+ Trả lời các câu hỏi trong SGK

***- Dặn dò:*** Chuẩn bị bài kiểm tra HK2.

|  |
| --- |
|  |

**Bài kiểm tra tổng hợp cuối năm**